

## Tác Giả và Tác Phẩm

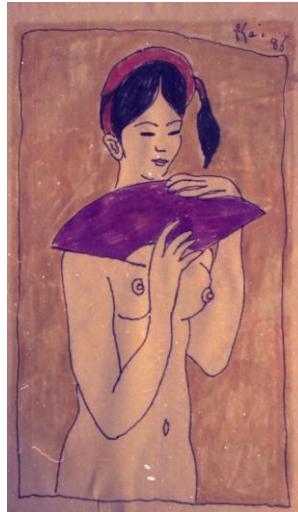
### Hồ Xuân Hương (II)

#### Tiểu sử

Sinh năm 1772 phường Khán Xuân, Thăng Long.

#### Tác phẩm

Tập Lưu Hương Ký có 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ Nôm.



Chân dung Hồ Xuân Hương  
Bùi Xuân Phái (1986)

### Mục Lục

Tranh Bùi Xuân Phái và thơ Hồ Xuân Hương - 2  
Thơ bà Hồ Xuân Hương truyền khẩu trong dân gian - 7

#### Phụ đính I:

Thành ngữ và tục ngữ... - Hồ Xuân Hương, nàng là ai  
Một thiên tài nhưng bất hạnh - Từ phản kháng đến nổi loạn  
Tình dục trong ca dao và thơ Hồ Xuân Hương

#### Phụ đính II:

Đêm Cổ Nguyệt Đường – Người vợ lẽ phường Khán Xuân – Phường sấn  
(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Tranh Bùi Xuân Phái và thơ Hồ Xuân Hương

*Họa sĩ Bùi Thanh Phương*

*(con trai họa sĩ Bùi Xuân Phái biên tập)*

Chúng ta vẫn theo thói quen là gọi chung các chủ đề Bùi Xuân Phái đã vẽ về đề tài văn hóa dân gian : Hát Chèo, Hát ả đào, Hát Quan họ và mảng đề tài cũng rất quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông là những bức họa vẽ theo ý thơ của Hồ Xuân Hương và những tác phẩm sơn dầu vẽ theo tinh thần của Nguyễn Du trong chuyện Kiều, đặc biệt hình ảnh "dày dày đúc sẵn một tòa thiên nhiên" và "Kiều tám" đã được Bùi Xuân Phái khai thác, thể hiện qua nhiều tác phẩm ở các chất liệu. Tất cả các chủ đề được nêu trên, đã bị người ta hoặc vô tình, hoặc chưa đi sâu vào nghiên cứu một cách có hệ thống về Bùi Xuân Phái, nên đã bị thu gom lại và gọi chung là CHÈO.

Trong phần này, tôi muốn tách CHÈO của Phái ra thành những đề tài riêng và sẽ giới thiệu từng đề tài đó với người mộ điệu :

\*Chèo

\*Hát ả đào

\*Hát Quan họ

\*Hồ Xuân Hương

\*Kiều

Những bức tranh trên mà các bạn xem là một phần nhỏ trong chủ đề minh họa cho ý thơ của Hồ Xuân Hương. Nhân ngày Xuân, ta cùng thưởng thức một Bùi Xuân Phái trẻ trung, dí dỏm, đậm chất "u-mua".

Bùi Thanh Phương

Họa sĩ, con trai của

Bùi Xuân Phái, biên tập



*Chơi xuân có biết xuân chẳng tá.*

*Cộc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!*



### Vịnh cái giếng

Ngõ ngay thăm thẳm tới nhà ông,  
Giếng tốt thanh thoi, giếng lạ lùng  
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,  
Nước trong leo lẻo một dòng thông.  
Cổ gà lún phún leo quanh mép,  
Cá diếc le te lách giữa dòng.  
Giếng ấy thanh tân ai cũng biết  
Đố ai dám thả nạ dòng dòng.



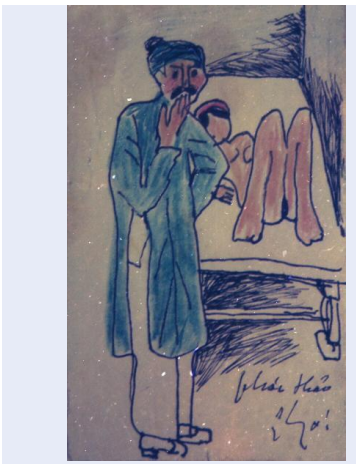
### Vịnh cái quạt

Một lỗ khâu tự bao giờ,  
Chành ra ba góc da còn thiếu,  
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.  
Mát mặt anh hùng khi tắt gió,  
Che đầu quân tử lúc sa mưa.  
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng,  
Phì phạch trong lòng đã sương chưa ?



### Trống thùng

Của em bụng bít vẫn bùi ngùi,  
Nó thùng vì chưng kẻ nặng dùi,  
Ngày vắng đập tung dăm bảy chiếc,  
Đêm thanh tằm cắc một đôi hồi,  
Khi giang thẳng cánh bù khi cúi  
Chiến đứng không thôi lại chiến ngồi.  
Nhấn nhủ ai về thương lấy với,  
Thịt da ai cũng thế mà thôi.



Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt  
Đi thì cũng dở ở không xong



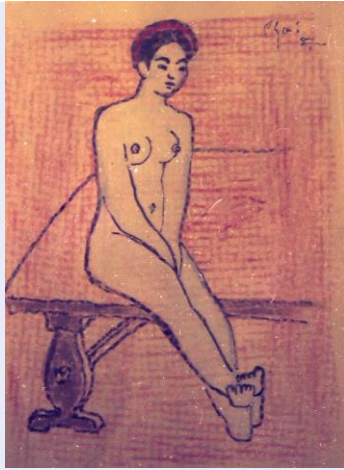
Hiền nhân quân tử ai mà chẳng  
Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trèo.



Mát mặt anh hùng khi tắt gió,  
Che đầu quân tử lúc sa mưa.  
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng,  
Phì phạch trong lòng đã sướng chưa?



Bốn cột khen ai khéo khéo trông,  
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông,  
Trai đu gối hạc khom khom cật  
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.  
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,  
Hai hàng chân ngọc duỗi song song.  
Chơi xuân có biết xuân chẳng tá.  
Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!



Ngán nổi xuân đi, xuân lại lại,  
Mảnh tình san sẻ tí con con.



Mùa hè hây hây gió nồm đông,  
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng .

\*\*\*

## Thơ bà Hồ Xuân Hương truyền khẩu trong dân gian



Sách *Giai Nhân Di Mặc*  
*Hồ Xuân Hương*  
(In tại Hà Nội thời Pháp thuộc)

### Cảnh thu

(1)

Thánh thót tàu tiêu mấy giọt mưa,  
Bút thần khôn vẽ cảnh tiếu sơ,  
Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán,  
Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.  
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu,  
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.  
Cho hay cảnh cũng ư người nhỉ,  
Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ.

1 - Có sách gán cho Bà huyện Thanh Quan. ở văn bản Landes 1893, bài thơ này không có đầu đề. Câu thứ hai là "Đố ai vẽ được cảnh tiếu sơ" và có lời dẫn: "Ngày xưa Xuân Hương đi chơi gặp mưa, vào chơi thăm làng Văn Giáp, thấy có một chùa xưa, Xuân Hương và chùa lậy Phật, rồi đi xem ngoài chùa. Thấy bên chùa có cây đa. Ngửng lên xem thì cao ngút không biết tới đâu, cho nên làm bài thơ này (cây đa này đến này còn)".

Bản Đông châu 1917, có lời dẫn: "Một ngày kia đang mùa quý thu, giời lún phún dăm ba hạt mưa, hơi ngấm ngấm rét, quan phủ nhân vô sự, mới sai bày cuộc rượu, cho gọi cô hai ra cùng ngồi uống rượu để vịnh thơ. Xuân Hương vâng lời ra ngồi hầu rượu để vịnh thơ. Xuân Hương vâng lời ra ngồi hầu rượu. Đang khi chén quỳnh đầu voi, chiều thu hiu hắt, quan phủ liền bảo Xuân Hương vịnh bài tứ cảnh. Thơ rằng...".

### Câu đối Tết



Tối ba mươi khép cánh càn khôn, đóng chặt lại kéo ma vương đưa quỷ tới  
Sáng mùng một lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào

### Khóc chồng làm thuốc

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc gì  
Thương chồng nên khóc tỉ tỉ ti.  
Ngọt bùi thiếp nhớ mùi cam thảo (1)  
Cay đắng chàng ơi vị quế chi. (2)  
Thạch nhũ, trần bì sao để lại. (3)  
Quy thân, liên nhục tấm mang đi. (4)  
Dao cầu thiếp biết trao ai nhỉ. (5)  
Sinh ký chàng ơi! Tử tắc quy. (6)

(1) Cam thảo: Cỏ ngọt, tên vị thuốc ta.

(2) Quế chi: Cành quế vị cay, tên thuốc ta.

(3)-(4) Thạch nhũ nghĩa đen là vú đá; Trần bì: vỏ quít khô, đều dùng làm thuốc. Quy thân: Vị đương quy có ba phần: đầu, thân và đuôi, có tính dược khác nhau; quy thân là phần củ của đương quy. Liên nhục: Hạt sen, cũng dùng làm thuốc; Vì ông chồng là lang thuốc nên tác giả dùng những tên vị thuốc. ý hai câu: Giờ thì kẻ mất người còn, "của anh anh mang, của nàng nàng xách". Bờn cợt bà lang là ở hai câu này.

(5)-(6) Dao cầu: Dao dùng riêng trong nghề thuốc, tác dụng thái thuốc mạnh và nhanh hơn dao thường. Sinh ký tử quy: Sống gửi thác về. ở đây tác giả vận dụng linh hoạt thành ngữ này. Người phụ nữ góa trẻ nếu không ở vậy được mà phải qua hai lần đò "thì kỹ vật này sẽ trao lại cho ai Chàng ơi! Trong cuộc sống tạm bợ này, chỉ có lúc chết đi thì mới có thể về nơi ở mãi cùng chàng được".

### Đền Trần Quốc

(1)



Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu,  
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau!  
Một tòa sen lạt hơi hương ngự,  
Năm thức mây phong điểm áo châu.  
Sóng lớp phé hưng coi vẫn rộn.  
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.  
Người xưa, cảnh cũ đâu đâu tá?  
Khéo ngăn ngõ thay lũ trọc đầu.

1 – Cũng có giả thuyết cho là bài này của bà Huyện Thanh Quan.



### **Chơi đèn Khán Xuân**

Êm ái chiều xuân tới khán đài,  
Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai!  
Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng,  
Một vũng tang thương nước lộn trời.  
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,  
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.  
Nào nào cực lạc là đâu tá,  
Cực lạc là đây chín rõ mười.

### **Chơi Hồ Tây nhớ bạn**

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa  
Người đồng châu trước biết bao giờ  
Nhật Tân đề lờ nhưng còn lối  
Trần Bắc rêu phong vẫn ngán thơ  
Nọ vực Trầu Vàng trắng lạt bóng  
Kìa non Phụng Đất khói tuôn mờ  
Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy  
So dạ hoài nhân chữa để vừa.

### **Chùa Quán Sứ**

Quán sứ sao mà cảnh vắng teo,  
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?  
Chày kinh tiểu để sông không đấm,  
Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo.  
Sáng banh không kẻ khua tang mít,  
Trưa trật nào người móc kẻ rêu.  
Cha kiếp đường tu sao lắt léo,  
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo.

### **Chơi chợ Chùa Thầy**

Hoá công xây đắp đã bao đời,  
Nọ cảnh Sài Sơn có chợ Trời. (1)  
Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đứng,  
Ban chiều mây hợp, tối trăng chơi.  
Bầy hàng hoa quả tư mùa sẵn,  
Mở phố giang sơn bốn mặt ngồi.  
Bán lợi mua danh nào những kẻ,  
Chẳng lên mặt cả một đôi lời.

(1) Có bản chép:

*Khen thay con Tạo khéo trêu người.  
Bày đặt ra nên cảnh chợ Trời!*

### **Chùa xưa**

Thầy tứ thung dung dạo cảnh chùa,  
Thơ thì lưng túi, rượu lưng hồ.  
Cá khe lắng kệ, mang nghi ngóp,  
Chim núi nghe kinh, cổ gật gù.  
Then cửa từ bi chen chặt cánh,  
Nén hương tế độ cấm đầy lò.  
Nam mô khế hỏi nhà sư tí,  
Phúc đức như ông được mấy bồ?

### **Con cua**

Cua có mai xanh, có yếm vàng,  
Ba quân khiêng kiệu, kiệu nghênh ngang.  
Xin theo ông Khổng về Đông Lỗ,  
Học thói Bàn Canh nấu chín Thang.

### **Con ốc nhồi**

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi  
Đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi,  
Quân tử có thương thì bóc yếm  
Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi.

### **Đá ông Chồng bà Chồng**

(1)

Khéo khéo bày trò tạo hoá công,  
Ông Chồng đã vạy lại bà Chồng.  
Tầng trên tuyết điểm phơ đầu bạc,  
Thót dưới sương pha đượm má hồng.  
Gan nghĩa dãi ra cùng nhật nguyệt,  
Khối tình cọ mãi với non sông.  
Đá kia còn biết xuân già giặn. (2)  
Chả trách người ta lúc trẻ trung.

*(1) Hiện vẫn chưa rõ xuất xứ của đá, chỉ mới nghe truyền ngôn.*

*(2) Xuân già giặn, nghĩa là già giặn tình xuân. Hồ Xuân Hương tỏ ra rất rộng lượng với tuổi trẻ.*

### **Đánh cờ**

Chàng với thiếp đêm khuya trần trọc,  
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.  
Hẹn rằng đấu trí mà chơi,  
Cầm ngoại thuỷ không ai được biết.  
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,  
Để đôi ta quyết liệt một phen.  
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,  
Hai quân ấy chơi nhau đà đã lửa.  
Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa,  
Thiếp vội vàng vén phướn tịnh lên.  
Hai xe hà, chàng gác hai bên,  
Thiếp thấy bí, thiếp liền ghềnh sĩ.  
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,  
Đem tốt đầu dú dí vô cung,  
Thiếp đang mắc nước xe lồng,  
Nước pháo đã nổ ùng ra chiếu.  
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu  
Thua thì thua quyết níu lấy con.  
Khi vui nước nước non non,  
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà.

### **Đề tranh Tố Nữ**

Hỏi bao nhiêu tuổi hờ cô mình?  
Chị cũng xinh mà em cũng xinh  
Đôi lứa như in tờ giấy trắng.  
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.  
Xiếu mai chi dám tình trăng gió, (1)  
Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh, (2)  
Còn thú vui kia sao chẳng vẽ,  
Trách người thợ vẽ khéo vô tình.

*(1)-(2). Xiếu mai; (Quả mai rụng). Trong Kinh thi nói "quả mai rụng mùi phấn còn bầy... mùi phấn còn ba", ví người con gái đã muộ n thì, cần có một người chồng. Câu này dùng chữ "Xiếu mai" để nói người con gái sợ lờ thì nên chuyên tâm vào việc kén chồng, không dám nghĩ đến chuyện trăng hoa nữa. Nhưng người đẹp trong tranh thì tính sao được việc chồng con? Nên cứ đành mãi mãi giữ thân phận mỏng manh, son sẽ. (phần thơ nôm do Nguyễn Bình Khôi).*

### **Dệt cửi**

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau,  
Con cò (1) mấp máy suốt đêm thâu.  
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc,  
Một suốt (2) đâm ngang thích thích mau.  
Rộng hẹp nhỏ to vừa vặn cả,  
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau.  
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ. (3)  
Chờ đến ba thu mới dải màu. (4)

(1) Con cò: Con cò đặt ở trên và chính giữa khung dệt để thẳng sợi, làm chuẩn mực cho cái go khỏi lệch theo.

(2) Suốt: ống suốt cuốn chỉ, nằm trong ruột con thoi để nhả sợi.

(3) Ngâm cho kỹ: Sợi vải hồ bằng nước cơm đem ngâm lâu cho bền và óng màu hồ.

(4) Chờ đến nắng hanh của ba tháng thu, nhấn nâu đem dãi nhiều lượt thì vải nhuộm mới lên màu và sẫm dần lại.

## Đồng tiền hoản

Cũng lò cũng bể, cũng cùng than,  
Mở mặt vuông tròn với thế gian.  
Kém cạnh cho nên mang tiếng hoản,  
Đủ đồng ắt cũng đóng nên quan.

## Giếng nước

Ngõ ngang thăm thẳm tới nhà ông  
Giếng tốt thanh thoi, giếng lạ lũng.  
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,  
Nước trong leo lẻo một dòng thông.  
Cỏ gà lún phún leo quanh mép,  
Cá diếc le te lách giữa dòng.  
Giếng ấy thanh tân ai chẳng biết,  
Đố ai dám thả nạ dòng dòng.

## Hỏi cô hàng sách

Cô hàng lấy sách cấp ra đây!  
Xem thử truyện nào thú lại say.  
Nữ tú có bao xin xếp cả,  
Phượng hoa phỏng liệu có còn hay ...?  
Tuyển phụ mặc ý tìm cho kỹ,  
Chinh phụ thế nào bán lấy may.  
Kỳ ngộ bích câu xin tiện hỏi,  
Giá tiền cả đó tính sao vay.

## Hỏi trăng

Một trái trăng thu chín mồm mòm,  
Này vừng quế đỏ (1) đỏ lòm lom!  
Giữa in chiếc bích (2) khuôn còn méo,  
Ngoài khép đôi cung (3) cánh vẫn khòm.  
Ghét mặt kẻ trần đưa xói móc,  
Ngựa gan thẳng Cuội đứng lom khom. (4)  
Hỡi người bẻ quế (5) rằng ai đó,  
Đó có Hằng Nga (6) ghé mắt dòm.

- (1) Quế đỏ: Huyền thoại nói trong mặt trăng có cây quế đỏ.  
 (2) Chiếc bích: Chiếc ngọc bích hình tròn dẹt, giữa có lỗ, người ta gọi mặt trăng là bích nguyệt.  
 (3) Người ta thường ví đường cong của mặt trăng như người tráng sĩ giương cánh cung.  
 (4) Ca dao: "Thằng Cuội ngồi gốc cây đa; Đẻ trâu ăn lúa gọi cha ời ời..." ở đây vì tức tối nên thằng Cuội không ngồi mà đứng.  
 (5) Bề cảnh quế đỏ (đạn quế) trên cung trăng, chỉ người thi đỗ tiến sĩ.  
 (6) Hằng Nga: Huyền thoại nói Hằng Nga vợ Hậu Nghệ ăn trộm thuốc tiên của chồng do bà Tây Vương mẫu cho, rồi một mình trốn lên ở cung trăng.

## Trống thủng

Của em bưng bít vẫn bụi ngùi,  
 Nó thủng vì chưng kẻ nặng dùi,  
 Ngày vắng đập tung dăm bảy chiếc,  
 Đêm thanh tòm các một đôi hồi,  
 Khi giăng thẳng cánh bù khi cúi  
 Chiến đứng không thôi lại chiến ngồi.  
 Nhấn nhủ ai về thương lấy với,  
 Thịt da ai cũng thể mà thôi.

## Vô âm nữ

(1)

Mười hai bà mẹ ghét chi nhau,  
 Đem cái xuân tình (2) vứt bỏ đầu.  
 Rúc rích thầy cha con chuột nhất, (3)  
 Vo ve mẹ mẹ cái ong bầu (4)  
 Đố ai biết đó vòng hay tróc (5)  
 Còn kẻ nào hay cuống với đầu (6)  
 Thôi thể thì thôi, thôi cũng được,  
 Nghìn năm càng khỏi tiếng nương dâu (7)

(1) Nhiều sách in sau này làm bài này với bài Quan thị. Quan thị là viên hoạn quan khi xưa. Bài Quan thị được gán cho Hồ Xuân Hương.

(2) Cái xuân tình: Bộ phận không thể thiếu của người phụ nữ.

(3) ý ca dao:

"Con gái mười bảy mười ba  
 Đêm nằm với mẹ chuột tha mắt..."

(4) ý ca dao:

"Bà già đánh trống long bong  
 Vừa đi vừa nhảy con ong đốt..."

(5) Tục ngữ: "Ngồi: lá vòng; chổng mông: lá tróc"...

(6) Tục ngữ: "Đầu trở xuống, cuống trở lên"

(7) Tiếng nương dâu: nương dâu là bãi trồng dâu "Tiếng nương dâu" là tiếng (xấu) ở bãi trồng dâu - Do thành ngữ chữ Hán là "Tang gian bặc thượng". Sách Hậu Hán thư, Địa lí chí nói rằng đất Vệ xưa có chỗ kín trong bãi trồng dâu (tang gian) ở trên sông Bộc (Bộc thượng), là nơi trai gái thường tụ hội làm những chuyện dâm ô. Nguyễn Du đã dịch thành ngữ này: "Ra tuồng trên Bộc trong dâu - Thì con người ấy cầu làm chi" (Kiều).

\*\*\*

### Phụ đính I:

## Thành ngữ và tục ngữ trong thơ nôm Hồ Xuân Hương Đặng Thanh Hòa



tranh Bùi Xuân Phái

Người ta thường bảo “Nôm na là cha mách quế”, thế nhưng với thơ Hồ Xuân Hương thì đó lại là một ngoại lệ, bởi vì người đọc nhớ Xuân Hương, yêu Xuân Hương lại chính từ cái sự “mách quế” ấy. Nếu không có cái chất “nôm na”, “mách quế”, “xỏ xiên” đầy tinh quái này thì có lẽ đã không có một Xuân Hương để cho người đời chiêm ngưỡng và tôn vinh Bà thành Bà chúa thơ Nôm trong làng thơ Việt Nam. Chính cái chất nôm na trong thơ của Bà đã tạo nên một chất men xúc tác mãnh liệt trong lòng người đọc. Người ta ngây ngất, hỉ hả, khoái trá với cái thứ ngôn ngữ “nhà quê, mách quế” như: đồ lòm lom, già tom, mân mó, tấp tênh, lún phún, le te, chín mồm mòm,... Tất cả những cái đó hoàn toàn xa lạ với sự trau chuốt, gọt giũa, khuôn sáo mà người ta thường bắt gặp trong ngôn ngữ thơ. Ngoài những đặc trưng ấy, người ta còn bắt gặp ở Bà một biệt tài nữa trong việc vận dụng tiếng nói dân gian trong thơ. Đó là việc đưa thành ngữ, tục ngữ vào trong thơ, làm cho câu thơ trở nên giàu tính hình tượng, dễ nhớ, và độc đáo hơn.

Qua sự khảo sát trong số 39 bài thơ trong tập Thơ Hồ Xuân Hương do tác giả Nguyễn Lộc tuyển chọn và giới thiệu được Nhà xuất bản Văn học xuất bản năm 1987, chúng tôi đã phát hiện được 15 trường hợp có xuất hiện các yếu tố của thành ngữ, tục ngữ trong những câu thơ. Đây quả là một con số không nhỏ, nó cho thấy thành ngữ, tục ngữ trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng như thế nào. Quả là hiếm có một nhà thơ nào lại quan tâm đặc biệt đến vai trò của ngôn ngữ dân gian như Hồ Xuân Hương.

Việc đưa thành ngữ, tục ngữ vào tác phẩm đã được nhà thơ xử lí rất tinh tế, tài tình và nhuần nhuyễn. Có những tác phẩm tuy rất ngắn nhưng chúng ta đã không khỏi ngạc nhiên khi thấy tác giả đã hai lần sử dụng đến yếu tố thành ngữ, tục ngữ. Chẳng hạn như: Bài Mời trầu có hai câu thành ngữ xanh như lá và bạc như vôi được áp dụng trong câu thơ "Đừng xanh như lá, bạc như vôi". Bài Khóc Tổng Cóc lại có hai câu thành ngữ khác là nòng nọc đứt đuôi và gọt gáy bôi vôi được áp dụng trong hai câu thơ "Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé, Nghìn vàng khôn chuộc đầu bôi vôi". Hoặc như ở bài Quan thị thi hai câu thơ "Đố ai biết đó vòng hay trốn, Còn kẻ nào

hay cuống với đầu" lại chính là hai hình ảnh hết sức ví von được rút ra từ hai câu tục ngữ[/i] ngồi lá vông, chổng mông lá trúc [/i]và đầu trở xuống, cuống trở lên.

Thậm chí có bài như bài Làm lẽ, chỉ với tám câu thơ ngắn nhưng lại có tới ba câu thành ngữ đã góp phần vào trong ấy, đó là "Năm thì mười hoạ chẳng hay chớ" lấy từ ý của câu thành ngữ năm thì mười hoạ; "Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hằm" lấy từ ý của câu thành ngữ cổ đấm ăn xôi; và câu "Cầm bằng làm mướn, mướn không công" lấy từ ý của thành ngữ làm mướn không công. Ngoài ra, còn có những bài khác cũng được vận dụng từ ý của thành ngữ, tục ngữ như: "Tài tử văn nhân ai đó tá?" (Tự tình I) lấy ý của thành ngữ tài tử giai nhân. "Ấy ai thăm ván cam lòng vậy" (Tự tình III) lấy ý thành ngữ thăm ván bán thuyền. "Bảy nổi ba chìm với nước non" (Bánh trôi nước) ý của thành ngữ ba chìm bảy nổi (bảy nổi ba chìm). "Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trèo" (Đèo Ba Dội) ý của thành ngữ mỗi gói chồn chân. "Bán lợi mua danh nào những kẻ" (Chơi chợ chùa Thầy) ý của thành ngữ bán lợi mua danh (mua danh bán lợi). Và "Đêm ngày lặn lóc đám cỏ hôi" (Con ốc nhồi) từ ý của thành ngữ lặn lóc như cóc bơi vôi.

Qua một số dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng Hồ Xuân Hương khi đưa thành ngữ, tục ngữ vào thơ thường chủ yếu thông qua hai phương thức chính như sau: Phương thức thứ nhất là vận dụng trực tiếp thành ngữ, tục ngữ vào thơ, tức là lấy nguyên văn, nguyên dạng những câu thành ngữ, tục ngữ vốn có của dân gian để đưa vào thơ như trường hợp: xanh như lá, bạc như vôi (Đừng xanh như lá, bạc như vôi - Mòi trâu); nòng nọc đứt đuôi (Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé - Khóc Tổng Cóc); năm thì mười hoạ, (Năm thì mười hoạ chẳng hay chớ - Làm lẽ); cổ đấm ăn xôi (Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hằm - Làm lẽ); bảy nổi ba chìm (Bảy nổi ba chìm với nước non - Bánh trôi nước); mỗi gói chồn chân (Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trèo - Đèo Ba Dội); bán lợi mua danh (Bán lợi mua danh nào những kẻ - Chơi chợ chùa Thầy).

Cách xử lí này phải nói là tương đối khó bởi vì nó đòi hỏi tác giả phải có một khả năng cảm nhận hết sức tinh tế về nghĩa của những câu thành ngữ, tục ngữ mà họ định sử dụng để xem nó có phù hợp với ý thơ mà mình định trình bày ở trong câu và trong bài hay không. Đồng thời, tác giả cũng phải là người hết sức giỏi về khả năng xử lí ngôn từ để có thể "ghép" những câu thành ngữ, tục ngữ, vốn là một "khối từ ngữ đúc sẵn", vào với những từ ngữ chủ quan riêng của mình để tạo nên một câu thơ hoàn chỉnh mà không bị cứng nhắc, gượng ép về nghĩa cũng như về vần điệu.

Những khó khăn nói trên đã được Hồ Xuân Hương xử lí thành công một cách tuyệt vời. Chúng ta thử lấy một ví dụ nhỏ trong số các ví dụ trên thì sẽ thấy rõ hơn biệt tài của Bà trong vấn đề này. Ví dụ trong bài Làm lẽ, để miêu tả thân phận hẩm hiu, thua thiệt của người vợ lẽ trong cuộc sống vợ chồng, tác giả đã sử dụng hai câu thành ngữ năm thì mười hoạ và cổ đấm ăn xôi trong hai câu thơ "Năm thì mười hoạ chẳng hay chớ" và "Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hằm". Đối với tiềm thức văn hoá của người Việt thì hai câu thành ngữ này vốn rất quen thuộc vì nó thường được sử dụng để nói tới sự trái khoáy, trớ trêu của một điều gì đó. Vì vậy trong trường hợp này phải nói rằng Xuân Hương đã sử dụng nó rất hợp cảnh hợp tình.

Phương thức thứ hai là chỉ lấy ý của thành ngữ, tục ngữ để chuyển vào trong thơ chứ không áp dụng hoàn toàn như ở cách thứ nhất. Chẳng hạn như: thăm ván bán thuyền (Ấy ai thăm ván cam lòng vậy - Tự tình III); gọt gáy bôi vôi (Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi - Khóc Tổng Cóc); làm mướn không công (Cầm bằng làm mướn, mướn không công - Làm lẽ); ngồi lá vông, chổng mông lá trúc (Đố ai biết đó vông hay trúc - Quan thị); đầu trở xuống, cuống trở lên (Còn kẻ nào hay cuống với đầu - Quan thị); lặn lóc như cóc bơi vôi (Đêm ngày lặn lóc đám cỏ hôi - Con ốc nhồi). Cách xử lí này thường tạo nên tính ẩn ý kín đáo cho câu thơ và đôi lúc khiến cho câu thơ như có hơi hướng của những câu đố, ví dụ như trường hợp của "Đố ai biết đó vông hay trúc" (Quan thị) hay như "Còn kẻ nào hay cuống với đầu" (Quan thị).



Những câu thơ được sáng tác theo kiểu này thường tạo cho người đọc có những sự liên tưởng rộng hơn, thích thú hơn và đầy ấn tượng hơn bởi vì dấu ấn thành ngữ, tục ngữ thường chỉ tồn tại phẳng phất trong câu thơ chứ không hiện hữu rõ ràng như ở cách thứ nhất. Do đó, muốn phát hiện ra trong câu thơ ấy tác giả có sử dụng các môtip của thành ngữ, tục ngữ để diễn đạt nội dung hay không thì người đọc phải có một vốn thành ngữ, tục ngữ nhất định để làm cơ sở quy chiếu so sánh thì mới nhận ra được.

Qua một số ví dụ trên, chúng ta thấy rằng ngôn ngữ dân gian nói chung và thành ngữ, tục ngữ nói riêng có một vai trò, giá trị rất lớn không chỉ trong đời sống ngôn ngữ nói hằng ngày mà còn cả trong ngôn ngữ viết, đặc biệt là thơ. Những câu thành ngữ, tục ngữ khi đi qua ngòi bút tài hoa của Hồ Xuân Hương dường như trở thành một thứ công cụ hết sức đắc dụng trong việc tạo hình, tạo nghĩa cho thơ mà không cần phải nhờ tới những thứ mỹ từ khác. Như chúng ta đã biết, thành ngữ, tục ngữ vốn là những đơn vị ngôn ngữ hết sức đặc biệt. Nó là một loại tổ hợp từ cố định quen dùng nên rất dễ nhớ dễ thuộc, và đặc biệt hơn là nghĩa của chúng thường có tính văn hoá, giáo dục cộng đồng, cũng như tính khái quát rất cao.

Cho nên, khi xuất hiện trong thơ chúng thường đem lại tính gần gũi, bình dị và mộc mạc cho câu thơ. Đồng thời, cũng tạo nên những chiều sâu về nghĩa thông qua sự liên tưởng, suy luận của người đọc. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta phủ nhận giá trị của nền ngôn ngữ văn chương, hay ngôn ngữ phổ thông mà hiện nay chúng ta đang phải học, phải tiếp xúc hằng ngày. Điều quan trọng hơn là qua đó giúp cho chúng ta thấy được những vẻ đẹp vốn có của ngôn ngữ dân gian. Và đặc biệt là thấy được cái biệt tài của Bà chúa thơ Nôm trong việc vận dụng thành ngữ, tục ngữ giỏi như thế nào. Nói tóm lại, bất kể là ngôn ngữ dân gian hay ngôn ngữ văn chương cũng đều cần phải được tiếp thu có chọn lọc và phát huy đúng sở trường thì mới có thể làm giàu thêm cho kho tàng ngôn ngữ dân tộc. Điều đó có nghĩa là mọi cái chỉ tạo nên được giá trị thực sự khi và chỉ khi nó được đặt vào đúng vị trí của nó mà thôi./.

## Hồ Xuân Hương, nàng là ai? Phạm Trọng Chánh

Hồ Xuân Hương tên thật là Mai, đó là lý do khiến chàng Tôn Phong trong 31 bài thơ tặng nàng đã có 29 bài nhắc đến Mai, có bài nhắc đến hai ba lần. Tên Hồ Phi Mai hiệu là Xuân Hương, Phi Mai, hoa mai bay trên hồ nơi ngắm cảnh xuân, Mai là hương hoa mùa xuân, thật là đồng điệu. Chàng Tôn Phong tên Huân ... nghĩa là Nam Phong, Gió Nam cũng gọi là Tôn Phong, hiệu Nham Giác Phu, là chàng ẩn trong núi mà hiểu sự đời. Người Hoan Nam, Thạch á€ n Nhi, chàng họ. Phan, huyện Thạch Hà, họ. Phan Huy Ấ • ch.

Hồ Phi Mai hiệu Xuân Hương, Phan Huy Huân hiệu Tôn Phong, GS Hoàng Xuân Hãn và Học gia? Trần Thanh Mại đã đồng ý với nhau việc giải mã tên của nàng.

Hồ Xuân Hương tên thật là Hồ Phi Mai, thân phụ nàng là Hồ Phi Diễn sinh năm 1703 và mất năm 1786. Năm 20 tuổi ông đậu Tam Trường đời Bảo Thái thứ 4 năm Quý Mão 1723. Ấng đồ Nghệ phiêu bạt đi dạy học tại Hải Dương và kết hôn với mẹ nàng họ Hà quê Hải Dương làm thứ thiếp, ông sinh nàng lúc gần 70 tuổi, bà có lẽ chỉ hai mươi và còn sống đến sau 1814, năm Tôn Phong trở lại đề tựa Lưu Hương Ký.

Hồ Phi Diễn thân phụ Hồ Xuân Hương, chánh quán tại làng Quỳnh Lôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An. Họ Hồ tại Quỳnh Lưu rất có tiếng tại Nghệ An và có từ đời đất còn bị nhà Hậu Hán (917 - 971), Trung Quốc cai trị. Viên Thái Thú Diên Châu là Trạng Nguyên Hồ Hưng Dật làm

nhà ở đây, con cháu phồn thịnh sau khi nước nhà độc lập. Đời Trần có chi ra Thanh Hóa lập nghiệp, sau sinh ra Hồ Quý Ly. Gia phả họ Hồ ở Nghệ An chép đến đời Trần Xương Phù (1377 - 1389) một cách liên tục. Đời Trần có một chi vào đất Đông Thành cùng phủ sinh ra Hồ Tông Thốc có ba đời Trạng Nguyên. Chi ở xã Hoàn Hậu đời Lê có nhiều người đậu Tiến sĩ và nổi danh như Hồ Sĩ Dương một nhà chính trị học, sử học. Riêng chi ở Quỳnh Lưu thì đời thứ tám có Hồ Sĩ Anh (1618 - ?), đời Lê có hai người đậu Hoàng Giáp Hồ Phi Tích (1665 - 1744) đậu năm 1700 và Hồ Sĩ Đống (1744 - 1745) đậu năm 1772. Có chi vào Tây Sơn đổi họ Nguyễn, tức Hồ Phi Phúc sinh ra Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoàng Giáp Hồ Sĩ Đống và nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Tú Tài Hồ Phi Hội đều cùng một đời thứ 12, cùng có một ông tổ đời thứ tám là Hồ Sĩ Anh.

(Theo Hồ Quỳnh gia phả của chi Hồ Phi Tích, Thư viện Hoàng Xuân Hãn, Paris.)

## 8. Hồ Sĩ Anh

### Sơ đồ

Thuở nhỏ ? Hồ Xuân Hương học với cha, cha dạy học tại gia, mẹ có lẽ dệt lụa trồng dâu, nuôi tằm và buôn bán chợ phiên như bao phụ nữ khác ở làng Nghi Tàm. Hồ Trọng Chuyên soạn Hương Biên làng Quỳnh Đôi năm 1941 và biên nói Hồ Tộc hiền lục thuật lại rằng:

"Nàng từng ở quê nhà thuở nhỏ, nhưng đã sớm rời quê hương, theo cha ra Bắc Hà. Cô ta rất thông minh, đĩnh ngộ, chỉ nghe lóm mà hay chữ. Năm 13 tuổi đã biết làm thơ, có biệt tài về thơ Quốc âm; đã từng xướng họa với Dương Tri Tạn, một danh sĩ trong làng. Một đôi lúc Hồ Xuân Hương có giúp tiền cho một vài bà con nghèo trong họ, Hồ Xuân Hương rất dạn trai, không bẽn lèn khi con trai chọc ghẹo, tính hồn nhiên. Dương Tri Tạn đã mượn có Vịnh cái điều bát để đùa với nàng:

Eo lưng thắt đáy thật xinh xinh  
Điều ai hơn nữa điều cô mình  
Thoát chằm, thoát bển duyên hương lửa  
Càng nức càng say nổi tính tình

Năm 1786, Hồ Xuân Hương 14 tuổi, cha mất thọ 84 tuổi. Nàng tự học tự đọc sách cổ văn và nói nghề dạy trẻ của cha và giúp mẹ dệt lụa, buôn bán sinh nhai.

Thuở 18, Hồ Xuân Hương xinh đẹp. Nguyễn Du trong bài "Mộng thấy hái sen," đã kín đáo ví nàng như hoa sen

Hoa sen đẹp xinh xinh

và

Hoa sen ai cũng yêu

Nàng đã là đóa hoa, cách sau khóm hoa chỉ nghe tiếng hồn nhiên nói cười.

Nàng đến tự bao giờ

Cách hoa nghe cười nói

Năm 1807 nàng 35 tuổi. Chàng thi sĩ đa tình Tồn Phong đã làm thơ tặng nàng, ca tụng vẻ đẹp của nàng trong thi tập của mình:

Nét thanh xuân ấy nghìn vàng khó mua

(bài số 23)

Mười phần xuân sắc tới trời Nam

(bài số 8)

Người Tiên rạng rỡ từ mây đến

(bài số 13)

Như dáng cây mai, xinh cốt cách

Mười phần xuân sắc rạng trời xanh

(bài số 22)

Và bài thơ số 12 Tồn Phong đã ca tụng nàng, họ nhà quan đẹp như tiên nữ đầu thai xuống trần, vẻ đẹp của Hoan Châu đẹp thuần, nàng như sao Khuê ngôi sao Văn Học, đẹp mười phần vẹn mười. Nàng là tinh anh 99 ngọn núi Hồng Lĩnh. Nàng là hoa Mai riêng chiếm cả một trời Xuân chốn kinh thành

Tao đàn nay đã có Thần

Gặp nàng đồng quận bội phần hân hoan

Hỏi ra thật họ nhà quan

Ngắm dường tiên nữ thác thân xuống trần

Hoan Châu vốn tiếng đẹp thuần

Sao Khuê rạng rỡ mười phần vẹn toàn

Tinh anh \"chín chín Hồng Sơn\"

Hoa Mai riêng chiếm trời Xuân Đẻ Thành

Nói theo ngôn ngữ ngày nay, chàng thi sĩ Tồn Phong, đã chắm nàng chiếm giải Hoa Khôi thành Thăng Long. Thơ Tồn Phong đã đánh đổ giả thuyết nàng xấu xí, mặt rỗ lại ẩn ức về tình dục.

Xuân Hương danh giá, em họ quan Hoàng Giáp, dạy học trò, một thầy đồ hiếm hoi phái nữ, khác với các thiếu nữ dòng dõi đương thời chỉ chăm sóc Công Dung Ngôn Hạnh, phần trí tuệ thơ phú dành cho phái nam. Người đến đủ trình độ xướng họa đối đáp với nàng cũng không phải là thư sinh tầm thường cỡ như Một đàn thặng ngọn đứng xem chuông, nó bảo nhau là ấy ái ông. Mà là những danh sĩ, những nho sĩ dạy học, những quan tri huyện, tri phủ, tham hiệp,

hoặc con, em của bậc công hầu bậc nhất triều đình như Nguyễn Du, hay Tiến Sĩ Phạm Quý Thích ...

Tài thơ văn của nàng, Tôn Phong đã tả trong bài tựa Lưu Hương Ký

"Tứ thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà không buồn tuồng, buồn mà không đau thương, khốn khổ mà không lo phiền, cùng mà không bức bách. Thật là do tính tình nghiêm chỉnh mà ra, cho nên khi hát lên, ngâm lên những thơ ấy, thì tay cứ muốn múa, chân cứ muốn dặm mà không tự biết.

Lưu Hương Ký tuy đầy vẻ gió mây trăng móc, nhưng đều tự đáy lòng mà phát ra, biểu hiện thành lời nói, lại cũng đều đúng với cái ý đã nói trên kia là: xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lễ nghĩa".

Trong bài tựa trên Tôn Phong cũng đã dẫn lời khen của bạn là Cư Đình:

"Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ."

Tôn Phong ca ngợi:

"Tôi thường nghe: người đất Nghệ. An thuần tú mà ham học. Đúng như thật! Đàn ông tuấn kiệt thì có các bậc khoa bảng đời trước, đàn bà tinh anh thì có những người như Phan My Anh và Hồ Xuân Hương. Người ta nói núi cao sông sâu sinh ra nhân tài tuấn kiệt, quả không sai vậy!"

GS Hoàng Xuân Hãn nhận xét:

"Một người thẩm phán về mặt hình thức văn thái (Cư Đình), một người xét về mặt ý tứ văn (Tôn Phong). Cả hai lời phẩm bình đều đúng. Riêng về mặt thơ nôm, ta nhận thấy có kỹ thuật chắc, lời nghiêm nghị mà bóng bẩy, từ thiết tha. Nhưng thơ trữ tình mà không có gì là lời hay bốn cột, trái với hầu hết những thơ nôm mà ta thường đọc trong các sách báo dưới mục "Thơ Hồ Xuân Hương."

Những lời bình phẩm thơ văn của Hồ Xuân Hương của người đương thời đã đánh đổ truyền thuyết, xem Hồ Xuân Hương là một kỳ nữ lãng lợ, dâm ô. Trái lại nàng là một nữ sĩ tính tình nghiêm chỉnh, thành thật, học rộng, thơ xuất phát tự đáy lòng, chữ mới lạ, văn hoa. Có lẽ vì thơ Lưu Hương Ký chưa bao giờ được khắc bản in ra, chỉ được các bậc danh sĩ xướng họa với nàng chép lại. Nàng là một nhà thơ trữ tình, lãng mạn đầu tiên của Văn Học Việt Nam. Khi nàng mất đi, những huyền thoại về nàng tiếp tục phát triển thêm dật dờn dần dần do thị hiếu dâm tục, làm xa đi con người thật của nàng.

Cổ Nguyệt Đường là nơi Hồ Xuân Hương dạy học, bên cạnh có trà quán của bà mẹ đã là Phòng Khách Văn Học của Việt Nam cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. Cổ ... Nguyệt ... là chiết tự chữ Hồ ... là nơi tao nhân mặc khách, các nhà thơ, nhà văn lớn của Việt Nam đương thời xướng họa. Thi hào Nguyễn Du tác gia ? Truyện Kiều, Phạm Đình Hồ tác gia ? Vũ Trung tùy bút, Tiến Sĩ Phạm Quý Thích người khắc bản và in thơ Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự tác gia ? Hoa Tiên Ký, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán, Mai Sơn Phủ, Tôn Phong Phan Huy Hân, Cư Đình, Trần Quang Tỉnh, Trần Phúc Hiến ... Cổ Nguyệt Đường từng tổ chức thi thơ văn mà người đoạt giải nhất là Trần Ngọc Quán.

Năm 1814, Tôn Phong trở lại Thăng Long gặp Xuân Hương có tặng nàng bài thơ trong đó có

hai câu:

Mai, quả đã từng ba độ kết

Khách, tình vẫn vậy sáu năm nay

Có nghĩa là trước năm 1814 nàng đã ba lần lấy chồng. Dựa vào thơ Lưu Hương Ký ta thấy có ba khoảng thời gian, ba khoảng trống nàng vắng làm thơ: 1794 - 1798, 1802 - 1806 và 1810 - 1812 có lẽ là ba thời kỳ Xuân Hương lấy chồng rồi bị góa. Tương truyền rằng nàng lấy lần thứ nhất một thầy thuốc, nên có bài thơ "Bà lang khóc chồng." Lần thứ nhì bà lấy một Chánh Tổng tên Cóc, bài "Vĩnh Tổng Cóc," theo Xuân Diệu, trong Hồ Xuân Hương, bà chứa thơ nôm, hiện nay tại Vĩnh Yên vẫn còn nhà thờ Chánh Tổng Cóc. Lần thứ ba nàng lấy một quan Tri Phủ, có bài "Khóc Ấng Phu ? Vĩnh Tường." GS Hoàng Xuân Hãn bác bỏ việc lấy ông Phu ? Vĩnh Tường vì lẽ tên Phu ? Vĩnh Tường năm 1822 mới có, phủ ấy giữ tên Tam Đái suốt đời Gia Long. Đại Nam Nhất Thống Chí quyển Sơn Tây chép năm Minh Mạng thứ hai 1821 đổi ra Tam Đa, có lẽ kiêng tiếng Đái cho là tục, năm thứ ba 1822 lại đổi ra phu ? Vĩnh Tường. Theo đó nếu Hồ Xuân Hương mất vào năm đó thì không thể là vợ ông phu ? Vĩnh Tường. Do đó bài thơ nôm khóc ông phu ? Vĩnh Tường quyết không phải là thơ Hồ Xuân Hương. Ba mối tình trên không có dấu vết trong Lưu Hương Ký, mà chỉ có trong thơ văn truyền tụng, có lẽ nàng không muốn nhắc đến. Tôi sẽ lần theo dấu vết thơ truyền khẩu để tìm cuộc đời nàng.

Dựa vào năm ghi trên các bài thơ Lưu Hương Ký và tựa viết tên các danh sĩ, ta biết được Hồ Xuân Hương đã kết bạn thơ và bạn tình với các danh sĩ sau:

Nguyễn Du vào khoảng 1790 - 1793

Lấy chồng lần thứ nhất 1794 - 1798

Mai Sơn Phủ 1799 - 1801

Lấy chồng lần thứ hai 1802 - 1806

Tồn Phong 1807 - 1808

Trần Quang Tĩnh 1808 - 1809

Lấy chồng lần thứ ba 1810 - 1812

Trần Phúc Hiển 1813 ...

Tồn Phong trở lại 1814

Trần Ngọc Quán 1815 - 1816

Lấy chồng lần thứ tư

Tham Hiệp Trần Phúc Hiển 1816

Hồ Xuân Hương mất 51 tuổi 1822

Người yêu đầu tiên Hồ Xuân Hương thổ lộ trong thơ văn là Nguyễn Du. Qua bài thơ chữ đề: Cảm cụu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu, Hầu Nghi Xuân, Tiên điền nhân. (Cảm tình cũ và trình quan Cần Chánh Học Sĩ họ. Nguyễn người huyện Nghi Xuân làng Tiên Điền). Cho biết mối tình kéo dài được ba năm, sau đó tan vỡ, vì chàng ra đi về quê Hồng Lĩnh. Có lẽ khoảng năm 1790 - 1793. Thời gian này Nguyễn Du đã đỗ Tam Trường ở Sơn Nam năm 19 tuổi, 1784 sau đó nhà Trịnh sụp đổ, loạn lạc, nên không thi tiếp được, dinh thự của anh bị loạn kiêu binh phá tan hoang, Tây Sơn đem quân ra Bắc, anh cả là Tiến Sĩ Nguyễn Khản đã mất, một người anh tên là Nguyễn Quỳnh nổi lên chống Tây Sơn, nên làng Tiên Điền bị đốt sạch, anh cùng mẹ là Nguyễn Nễ ra làm quan với Tây Sơn, xuất tiền ra trùng tu lại từ đường và chùa làng. Nguyễn Du về ở với anh Nguyễn Nễ cạnh Giám Hồ nơi đây Nguyễn Du nghe tiếng đàn người nhạc nữ cung vua Lê cũ, tôi sẽ phân tích kỹ hơn trong chương mối tình Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du. Lúc ấy nàng khoảng 18 tuổi và chàng 25 tuổi, chàng và nàng có nhiều kỷ niệm cùng hái sen trên Tây Hồ. Mối tình đó còn lưu dấu vết trong nhiều bài thơ khác của Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương.

Hai người cảm phục thơ nhau, Hồ Xuân Hương yêu chàng "Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung," nhưng Nguyễn Du lúc này đã có vợ là em Đoàn Nguyễn Tuần người đi sứ Tây Sơn cầu phong nhà Thanh năm 1790. Nguyễn Du thân phận còn ăn nhờ ở đậu nơi các ông anh, khi quê vợ, khi góc bể chân trời "Chữ tình chốc đã ba năm vẹn" ba năm yêu nhau mà không đi đến đâu, chàng không danh phận cũng không muốn nàng làm thứ thiếp, rồi Nguyễn Du dứt áo về quê Hồng Lĩnh và năm 1795 toan tính về Gia Định giúp Nguyễn Ánh, bi. Quận Công Thận bất, nhưng nể tình bạn là Nguyễn Nễ nên chỉ giam ba tháng, ra tù chàng lại lang thang ăn nhờ ở đậu, có lúc đi xin ăn: "Sách vở ích gì cho cuộc sống, nào ngờ đói rách người thương tâm" (Thơ Nguyễn Du bài Khất thực).

Khi Gia Long thắng trận, Nguyễn Du đón xe, dâng sớ được Gia Long cho cùng ra Bắc. Tháng 8-1802 được bổ làm Tri huyện Phù Dung, Trấn Sơn Nam, năm sau được thăng Tri Phủ Thường Tín, gần Hà Nội, nhưng thời gian này Hồ Xuân Hương trong cơn tao loạn, mẹ già nhà túng thân gái một mình nàng đã nhận lời lấy Tổng Cóc ở Vĩnh Yên. Chàng có trở lại Cổ Nguyệt Đường thì cũng ngậm ngùi tình xưa dang dở. Mùa thu 1804 Nguyễn Du cáo bệnh về quê nghỉ một tháng, rồi được triệu về kinh giữ chức Đông Các Học Sĩ. Năm 1809 giữ chức Cai bạ Quảng Bình. Tháng 2-1813 được thăng Cần Chánh Học Sĩ, được cử làm Chánh Sứ sang cầu phong nhà Thanh, tin này đến Thăng Long, Hồ Xuân Hương gửi bài thơ mừng, lúc này Nguyễn Du đã có một vợ hai thiếp, con đã cả chục. Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập còn nàng đã góa chồng lần thứ ba trở về Cô ? Nguyệt Đường phẫn son càng tủi phận long đong, chàng có nhớ tình cũ chăng? Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong nàng thao thức năm canh bên đèn một mình, ngắm trăng cũng một mình.

Không biết hai lần đi sứ, làm Chánh sứ, công việc quan trọng như Bô. Trưởng Ngoại Giao ngày nay, Nguyễn Du có dám xé rào đi thăm Hồ Xuân Hương khi đi ngang qua Thăng Long chăng? Một người đa tình như Nguyễn Du trong bữa tiệc tiễn sứ ở nha Tuyên Vũ, chàng xót xa khi nghe tiếng đàn nguyệt của người nhạc nữ đã về chiều nhan sắc tàn tạ, lẽ nào không nhớ đến Xuân Hương?

Mối tình để lại thơ văn nhiều nhất trong Lưu Hương Ký, là mối tình với Mai Sơn Phủ, những bài thơ hẹn thề nồng nàn thấm thiết. Hồ Xuân Hương viết bài Cảm nghĩ khi thề:

Mười mấy năm trời một chữ tình

Duyên tơ này đã sẵn đâu dành

Mái mây cắt nửa nguyên phu phát

Giọt máu đầy hai chữ tử sinh

Một kiếp đã thề cùng dạ thắm

Trăm năm đành phụ với đầu xanh

Mai sau lòng chẳng như lời nỡ

Dao búa nguyên xin lụy đến mình

Mai chỉ là một thư sinh ra học tại Thăng Long trong thời Tây Sơn, chưa có danh phận gì. Vì đâu Hồ Xuân Hương không kết hôn cùng Mai Sơn Phủ ? Khi chàng từ biệt nàng về quê Hoan Châu năm 1801, sau đó không còn tìm thấy dấu vết của chàng, chàng mất vì một cơn bạo bệnh hay vì trái lời thề nguyên mà bị dao búa trong cơn hoạn lạc triều Tây Sơn sụp đổ?

Sau khi Triều Nguyễn được thiết lập năm 1802, nhiều văn nhân, danh sĩ được bổ vào các chức vụ tri huyện, tri phủ, tham hiệp, hiệp trấn ở các địa phương và các chức ở ba tào Bắc Thành. Sự kiện này đã mang lại cho Xuân Hương nhiều bạn mới: Tôn Phong, Trần Quang Tĩnh, Trần Ngọc Quán, Trần Phúc Hiển.

Tôn Phong cùng họ với Phan My Anh, người huyện Thạch Hà, Hoan Châu, ra Thăng Long thi Hương năm 1807, thi hỏng, chàng ở lại Thăng Long dạy học cạnh Hồ Kim Ân, khu Sinh Từ ngày nay, qua lời giới thiệu của Cư Đình, chàng quen biết Xuân Hương. Hai người kết bạn thơ tri kỷ tri âm, nhưng chàng chưa thi đỗ, thi chưa ... cưới nàng được. Năm 1808 chàng lại về quê và năm 1814 chàng lại trở ra thi Hương, lại thi hỏng nữa, nàng thối lộ mọi tâm tình, kể chàng nghe mọi mối tình, đưa chàng tập thơ Lưu Hương Ký nhờ chàng đề tựa, nhưng trở lại yêu chàng thì nàng không thể, vì đã có tình yêu mới với quan Tham Hiệp Trần Phúc Hiển, người hò hẹn sẽ cưới nàng đưa nàng về Vịnh Hạ Long.

Mối tình Hồ Xuân Hương với Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ. Trần Quang Tĩnh cũng không kém phần thắm thiết trong bài Họa vãn thơ Quan Sơn Nam Hạ. Hiệp Trấn năm 1809. Thơ chữ Hán, Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát:

Chia tay, giữa tiệc, tình còn

Nghẹn ngào ngậy ngát tan hồn Sảnh Nương

Hồ Xuân Hương muốn thoát trần như chuyện Sảnh Nương yêu Vương Trụ trong Liêu Trai Chí Dị. Mối tình bị cha mẹ ngăn cản nàng bất tỉnh suốt năm năm, nàng thoát hồn theo Vương Trụ, Vương đang đi thì thấy Sảnh Nương chạy theo, hai người lấy nhau đi xa làm ăn, năm năm sau hai người trở về thú tội, cha mẹ sùng sốt, xác Sảnh Nương từ trong buồng chạy ra ôm lấy hồn và nhập lại thành một. Ai ngăn cản nỗi mối tình Hồ Xuân Hương và Trần Quang Tĩnh? Cha mẹ chàng chẳng?

Còn mối tình Hồ Xuân Hương và quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán, có lẽ là mối tình đến muộn sau khi nàng đã yêu Trần Phúc Hiển, nên chỉ là bạn thơ. Trần Ngọc Quán nguyên Cai ba. Quảng Đức, Thừa Thiên ngày nay. Tháng ba năm Ất Hợi 1815 được bổ nhậm chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, Trấn này gồm đất hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên và trị sở ở ?



Châu Cầu, Phu ? Lý. â€” tại chức được hơn ba năm, đến tháng năm năm Mậu Dần, 1818 thì bị bệnh mất.

Khi mới tìm đến Cổ Nguyệt Đường năm 1815, gặp Xuân Hương chàng đã tán:

Tài cao nhả phượng, thể gian kinh

May đến Long Thành, được thấy danh

Chạm học tự cười, tài vốn kém

Mổ rông thêm thẹn, thuật chưa tinh

Chàng khen nàng có tài làm thơ hay như phượng múa, thể gian kinh phục, nay mới Thăng Long được hân hạnh gặp nàng. Chàng tự khiêm nhường học còn vụng, chạm chim hạc hóa ra con cò. Muốn làm thơ cao như chuyện chàng đi học nghề mổ rông tinh diệu, nhưng học xong chẳng có rông mà mổ, thẹn mình học thuật chưa tinh, chưa làm được gì cả.

Xuân Hương họa lại:

Tài tôi thẹn kém khiến ai kinh?

Lận đận mười năm tự dối mình!

Vào cuộc mới hay tay đối giỏi

Cần chi gọt giũa chữ cho tinh ...

Từ đó Xuân Hương lập Tao đàn tại Cổ Nguyệt Đường, nàng mời các bạn thơ "chung đỉnh" chung chí hướng, cùng chung đốt đỉnh hương trầm, uống rượu, trà, thi nhau làm thơ. Bài Gửi Quan Trấn Hiệp Sơn Nam Thượng ho. Trần cho ta biết những điều ấy. Trong cuộc thi Trần Ngọc Quán đã chiếm giải nhất, làm vẻ vang danh sĩ đất Hoan Châu, Nghệ. An, kể cả chủ nhân, riêng nàng mang tiếng thèo đánh vì đàn bà mà làm thơ văn, hội họp văn nhân tài tử. Bài thơ như sau:

Vào cấm tao đàn một ngọn cờ

Ấy người thân đấy, phải hay chưa ?

Lắc đầy phong nguyệt, lưng bầu rượu,

Giắt lỏng giang hồ, nửa túi thơ.

Đình Nguyệt, góp người chung đỉnh lại,

Trời Hoan, mở mặt nước non xưa.

Bấy nay tài tử bao nhiêu tá,

Thèo đánh khen ai khéo đặt cho.

Năm 1816 Hồ Xuân Hương được quan Hiệp Trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiển cưới làm thiếp.

Trần Phúc Hiển con Trần Phúc Nhàn, giữ chức tham mưu trong quân đội Nguyễn Ánh trước khi khôi phục Phú Xuân, có lẽ tử trận, để đền công, khi lên ngôi Gia Long phong cho con là Phúc Hiển được bổ chức Hàn Lâm Viện Thi. Thụ năm 1803, sau đó được thăng dần đến chức tri phủ Tam Đái thuộc Trấn Sơn Tây. Đến tháng 12 năm 1813 được thăng nhậm chức Tham Hiệp Trấn Yên Quảng. Phép trị gia ngày xưa vợ cả không theo chồng tại chức mà ở lại quê cai quản gia trang, sai khiến gia nhân, chăm sóc cha mẹ chồng, con cái, Phúc Hiển rời phủ Tam Đái, Việt Trì ngày nay, dong thuyền qua Thăng Long rủ bạn tình Hồ Xuân Hương cùng đi, khi đến gần trấn Lãoe trên sông Bạch Đằng, "nghĩ mình phương diện quốc gia, quan trên trông xuống người ta trông vào" Phúc Hiển để bạn tình trở lại Thăng Long và hẹn sẽ rước nàng về làm vợ. Xuân Hương trong bài thơ "Tiễn bạn trên sông Bạch Đằng" tỏ rõ lòng thắc mắc, sợ bạn tình bội bạc, rồi mình lại thêm một phen đau khổ ?

Vui hoa khéo kéo lay cành gắm

Vực nước coi mà động bóng trăng

Lòng nọ chớ rằng mây lạt lạt

Lời kia hay đã núi giăng giăng

Với nhau tình nghĩa sao cho trọn

Nàng sợ chàng chỉ theo nhục dục, chơi hoa lay cành, vực nước rung trăng, sợ chàng hẹn hò đông dài vu vơ; mây lạt lạt, núi giăng giăng. Nàng xin tình lang ở sao cho trọn tình sâu nghĩa thắm, chớ có như nước sông Bạch Đằng khi lên cao, khi thật cạn.

Với lòng băng khuâng ấy Xuân Hương trở lại Thăng Long. Chừng tháng sau bạn cũ Tôn Phong trở lại an ủi cảm thông khuyến khích cầu duyên. Nàng nghĩ đến Tham Hiệp Yên Quảng nên trả lời bài thơ họa vận của Tôn Phong:

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liêu

Nhưng chắc trăm năm há bấy nhiêu

Nghĩ lại luống đau cho phận bạc

Nói ra thêm nhẹ với thân bèo

Chén thè thườ nọ tay còn dính

Món tóc thời xưa vẫn cánh đeo

Được lừa tài tình cho xứng đáng

Nghìn non muôn nước cũng tìm theo

Nghìn non muôn nước chỉ vùng Hoa Phong Vịnh Ha. Long, nàng vô tình hay hữu ý dùng thành ngữ ấy; người xứng đáng mà nàng đã tìm được là quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng.

Năm 1816 Trần Phúc Hiển trở lại cưới Hồ Xuân Hương làm thiếp, nàng tham dự việc quan

cùng chồng. Trong thời gian này nàng viết sáu bài thơ Vịnh Đồ Sơn Bát Cảnh bằng chữ Hán.

Năm 1818, nhân vụ việc ruộng tại Châu Vạn Ninh bị bỏ hoang nhiều, Quan Hiệp Trấn ép dân phá ruộng cày, dân không chịu. Viên án phụ trách an ninh vốn có tị hiềm với Phúc Hiển và Xuân Hương, xui dân kiện Phúc Hiển đòi ăn hối lộ 700 quan. Phúc Hiển bị bắt. Vua Gia Long phê án "Tham nhũng như thế mà không giết thì lấy gì khuyên liêm," bảo quan Bắc Thành trị tội. Phúc Hiển bị giam một năm, đến tháng 5 ta năm 1819 thì bị tử hình. Cùng một thời kỳ đó nhiều công thần của Gia Long cũng bị tội, bị giết như Hữu Quân Nguyễn Văn Thành và con là Nguyễn Văn Huyền, như Tả Quân Lê Văn Duyệt, Đại công thần Lê Chất mã cũng bị san bằng. Phải chăng khi về già, lo sợ uy quyền triều đại bị các công thần lấn lướt, Gia Long đã hành xử theo lối "được chim bẻ ná, hết thỏ thịt chó săn."

Sau khi chồng mất, Hồ Xuân Hương vào tu chùa Hoa Yên núi Yên Tử, nhưng sau đó nàng lại trở về Cổ Nguyệt Đường. Trong số bạn thơ cũ có Trần Quang Tĩnh bấy giờ đã trở nên một vị quan to Tham Tri Bộ. Binh coi Tào Binh Bắc Thành không biết có giúp đỡ gì được nàng không?

Các mối tình Hồ Xuân Hương, tôi sẽ lần lượt dẫn chứng qua thơ nàng, qua thơ xướng họa, và qua những dữ kiện lịch sử xảy ra từng năm tháng. Hồ Xuân Hương mất chồng lần cuối năm 1819 vài năm sau thì mất vào năm 1822, hưởng dương được 50, 51 tuổi.

Năm 1842, hai mươi năm sau Vua Thiệu Trị ra Hà Nội tiếp sứ nhà Thanh, sang phong Vương tại Bắc Thành. Tùng Thiện Vương Miên Thẩm theo anh đi du lịch. Vương thăm Hồ Tây có viết 14 bài thơ tứ tuyệt thể liên hoàn trong đó có đoạn viết về mô. Hồ Xuân Hương. GS Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát như sau:

"Đầy hồ rục rở hoa sen

Sai người xuống hái để lên cúng dường

Chớ trèo qua mô. Xuân Hương

Suối vàng còn giặt tơ vương lối làng

Son tàn phấn rữa mờ hoang

Xuân Hương đã khuất bên đàng cỏ xanh

U hồn say tí làm tỉnh

Gió Xuân mấy độ vô tình không hay

Mô. Xuân Hương bên Hồ Tây. Một nước mấy nghìn năm văn hiến mà để mộ nàng như mô. Đạm Tiên chẳng ? Dựng lại tấm bia kỷ niệm nàng, dựng lại Cổ Nguyệt Đường cho người sau đến đó thăm viếng là việc làm ý nghĩa cho văn hóa dân tộc ngày nay.

Paris 3-1998

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Hãn: Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long. Phụ lục Tình sử và văn thơ Hồ Xuân Hương. Tạp chí Khoa Học Xã Hội số 10 - 11 Paris tháng 12-1883.

- Phạm Trọng Chánh:

Bài viết này chỉ là một tóm tắt của quyển Hồ Xuân Hương nàng là ai? của TS Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh. Khuê Văn Paris xuất bản. Mỗi đoạn trong bài sẽ trở thành một chương sách với những chứng minh đầy đủ, với những thơ văn mới tìm lại được của Hồ Xuân Hương: Lưu Hương Ký, Hương Đình Cổ nguyệt thi tập, văn bản chép tay do giám đốc trường thông ngôn Hànội mướn Lê Quý chép năm 1882 tìm lại được tại Paris và trong nước. Tiến sĩ Phạm Trọng Chánh là môn sinh của giáo sư Hoàng Xuân Hãn, tiếp nối công trình còn dang dở Tình Sử Hồ Xuân Hương của giáo sư. Đính chính nhiều sai lầm trong gia phả họ Nguyễn Tiên Điền do cụ Nguyễn Mai viết năm 1920 như: Tổ Như không phải là bút hiệu Nguyễn Du, mà chỉ có nghĩa là người con gái tài sắc như nàng Tiểu Thanh, trong bài Độc Tiểu Thanh Ký. Nguyễn Du 30 tuổi mới cưới vợ em Đoàn Nguyễn Tuấn, sau mười năm gió bụi.

## Nữ sĩ Hồ Xuân Hương, một thiên tài nhưng bất hạnh Nguyễn Quý Đại

*Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương  
Hồn thơ còn hấy như hương trên ai..  
(Tản Đà - Giấc mộng con)*

Dân tộc Việt Nam luôn chiến đấu giành độc lập, tự do, mở đầu cuộc khởi nghĩa của chị em Hai Bà Trưng (40-30 trước công Nguyên) và Bà Triệu (năm 248) để lại những chiến tích oai hùng. Những người không cầm gươm, đao xông pha nơi chiến trận, thì cầm bút đóng góp cho nền văn hoá dân tộc những nhà thơ nữ nổi tiếng như : Đoàn Thị Điểm dịch giả Chinh Phụ Ngâm khúc của Đặng Trần Côn, Ngọc Hân công Chúa với Ai tư vấn.. Ngô Chi Lan Ý Lan Phu nhân, Huyện Thanh Quan, Sương Nguyệt Ánh. Nữ sĩ nổi tiếng một thời được gọi là Bà Chúa Thơ Nôm (1) Hồ Xuân Hương xuất hiện vào thế kỷ thứ 18. Giai đoạn đất nước chia đôi hai miền Nam Bắc. Trịnh - Nguyễn phân tranh gọi là Đàng trong Đàng ngoài, lấy sông Linh Giang làm biên giới từ những năm 1627 đến 1772.

Hồ xuân Hương sinh năm (1772-1822) (2) con ông Hồ Phi Diễn, làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu Nghệ An. Theo một số tài liệu dẫn chứng: Hồ Sĩ Anh đời nhà Lê sinh bốn người con trai : Hồ Thế Viêm, Hồ Phi Quyền, Hồ Phi Cơ, Hồ Phi Tích (1665-1734 đậu Hoàng giáp năm 1700). Hồ Thế Viêm là ông tổ bốn đời của anh em nhà Tây Sơn đã đổi từ họ Hồ sang Nguyễn, còn Hồ Phi Cơ là ông tổ bốn đời của Hồ phi Mai tức nữ sĩ Xuân Hương. Như vậy Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Hồ Xuân Hương là anh em cùng họ ông tổ năm đời (3)

### Hồ Xuân Hương và thân phận

Ông Hồ Phi Diễn thi đỗ Tổng Sinh làm quan cuối thời đại vua Lê. Ông đã lập gia đình nhưng cưới thêm vợ thứ quê Hải Dương, sinh ra Xuân Hương. Lúc Xuân Hương 13 tuổi thân phụ mất, Xuân Hương rời làng Khán Xuân theo mẹ về làng Thọ Xương gần Hồ Hoàn Kiếm, đi học một thời gian phải ở nhà giúp mẹ lo sinh sống gia đình. Xuân Hương tự học thêm, thông minh làm thơ hay, tiếng tăm lừng lẫy. Có Tổng Kinh tên tự Nguyễn Công Hoà tục gọi là Tổng Cóc ở làng Tứ Xã (nay thuộc huyện Phong châu - Vĩnh Phú). Cai Tổng mến tài của Xuân Hương, nhờ người mai mối cưới Xuân Hương làm thứ thiếp. Theo *tục truyền* chiều 30 tết, Tổng Cóc đem biếu quà tết cụ Đồ Xứ bị Hồ Xuân Hương ra câu đố.

*"Tối ba mươi khép cánh càn khôn kéo nửa ma vương đưa quỷ tới"*

Sáng hôm sau, Tổng Cóc đến làm xong thủ tục xong nhà đọc lại câu đối

*"Sáng mồng một mở then tạo hoá để cho thiếu nữ rước xuân vào"*

Có thể Xuân Hương mến mộ chàng trai này có khiêu văn chương? nên nhận lời kết hôn với Tổng Cóc. Theo tài liệu của Giáo sư Lê trí Viễn (4), Tổng Cóc không phải là một anh trọc phú, mà là một nho sĩ từng có phen lều chõng như ai và trong sự gặp gỡ Xuân Hương có chuyện chữ nghĩa chứ chẳng phải chỉ có đồng tiền .." Tổng Cóc yêu thương Xuân Hương và từng bảo nàng làm thơ viết vào gỗ để người ta sơn then giữ cho bền, hiện nay tại nhà thờ của ông Kiều Phú, thôn Đại Đình, xã Sơn Dương huyện Phong Châu, Vĩnh Phú còn tám ván mít ghi những nét thơ Nôm của Hồ Xuân Hương. Bút tích còn 4 câu thơ :

*Thảo lai băng ngọc kính  
Xuân tận hoá công hương  
Độc bằng đan quế thượng  
Hào phóng bích hoa hương*

tạm dịch

*Nói đến tám gương bằng ngọc  
Hóa công cũng chịu lúc tàn xuân  
Chỉ bằng lúc vin cành quế đỏ  
Tha hồ hoa bích tỏa hương thơm (5)*

Tình yêu giữa hai người không được bao lâu trong hoàn cảnh gia đình mà người chồng yếu đuối, Xuân Hương bản tính nghệ sĩ giao tiếp rộng.. không tránh được va chạm hằng ngày trong xã hội phong kiến „Đau đớn thay phận đàn bà! Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu“ Xuân Hương bị gia đình bên chồng đè nén với thân phận làm lẽ. Nên đã phản kháng quyết bỏ nhà ra đi. Thân phận của Xuân Hương cũng như hoàn cảnh của kiếp đàn bà làm lẽ mọn :

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng  
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung !  
Năm thì mười họa chăng hay chớ  
Một tháng đôi lần có cũng không  
Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hẩm  
Cầm bằng làm mướn, mướn không công  
Thân này ví biết đường này nhỉ  
Thà trước thôì đành ở vậy xong*

Ca dao cũng có bài

*Tối tối chị giữ mát buồng  
Chị cho manh chiếu nằm suông chuồng bò  
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho  
Đến khi chồng xuống gà o o gáy dồn...*

Từ già gia đình Tổng Cóc đi tìm phương trời thơ mộng tự do hơn, vốn người yêu thơ văn lãng mạn muốn vượt qua bức tường nho giáo khắc nghiệt, nhưng không tránh được cái nghiệp tình duyên ngang trái. Xuân Hương lấy ông phủ Vĩnh Tường, tình yêu được trân quý hơn, nên Xuân Hương làm bài thơ già từ “khóc Tổng Cóc“.

*Chàng Cóc ơi ! Chàng Cóc ơi !  
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi  
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé  
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.*

Bài „khóc Tổng Cóc “gây nhiều dư luận trong văn học, những người ở Làng Mương, làng Giáp nói bài thơ đó là khóc cho mối tình của Xuân Hương, không phải khóc người chồng đã mất, bởi vì Xuân Hương từng khổ đau với hoàn cảnh làm vợ lẽ trong gia đình Tổng Cóc nên dùng những từ ngữ chỉ họ hàng nhà Tổng Cóc nào là nòng nọc đứt đuôi..để giễu lúc Tổng Cóc còn sống, Xuân Hương lập gia đình với ông phủ Vĩnh Tường cũng trong cảnh lẽ mọn không tránh được cảnh khổ ghen tương cay độc như Hoạn thư

*Rằng tôi chút dạ đàn bà,  
Ghen tuông, thì cũng người ta thường tình  
Lòng riêng, riêng cũng kính yêu.  
Chồng chung, chưa để ai chiều cho ai  
(Nguyễn Du – Truyện Kiều)*

Thời gian chung sống tri ngộ ông phủ Vĩnh Tường (ở Thổ Tang, Vĩnh Phú bây giờ) tuy làm vợ lẽ nhưng ông Phủ coi nàng là bạn văn chương tình duyên không đến nỗi bề bàng. Nhưng tình nghĩa vợ chồng chỉ trong 27 tháng ông Phủ mất, Xuân Hương đã khóc chồng. Cuộc đời Xuân Hương về tình duyên bất hạnh.

*Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!  
Thiếp bén duyên nàng có thể thôi  
Chôn chặt văn chương ba thước đất  
Ném tung hồ thi bốn phương trời  
Cán cân tạo hoá rơi đầu mắt;  
Miệng túi càn khôn thất lại rồi  
Hăm bảy tháng trời là mấy chốc;  
Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ơi !*

Cuộc đời Xuân Hương có thể “bảy nổi ba chìm” qua hai đời chồng hy sinh cả đời chịu thân phận làm lẽ mọn, nỗi khổ đau cũng là niềm dang dở cái mối duyên thiên, duyên trời nào có phải là hậu quả oan nghiệt của con người như „chữ tài liền với chữ tai một vần“ !

### **Thơ và bạn đời**

Tập thơ Lưu Hương Ký chú dẫn: Hoan Trung Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương nữ sĩ sử tập Lưu Hương Ký viết xong năm Giáp Tuất (1814) mãi đến năm 1964 được phát hiện (?). Tên di cảo có nghĩa là ghi mùi hương thơm của ngọc lưu. Trong tập thơ có 30 đầu đề, phần xướng họa có lần thơ của văn nhân thời bấy giờ để lại số đề tài khúc chiết, nòng nọc yêu đương mong đợi. Ở Cổ Nguyệt Đường do Xuân Hương dựng lên ở phường Khán Xuân gần Hồ Tây khu vực vườn Bách Thảo, trường Bưởi đường Cổ Ngư làng Yên Phụ. Tình yêu, tình bạn của Xuân Hương rất nhiều bài gọi cảm, lãng mạn với những văn nhân thi sĩ như (trích dẫn mỗi người một tựa đề) : Thi hào Nguyễn Du (1765-1820) bài: Cảm cụu Kiêm Trình Cần Chánh học sĩ Nguyễn Hầu

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung  
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn  
Giác mộng rồi ra nửa khắc không ?*

*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập  
Phấn son càng tủi phận long đong  
Biết còn mấy chút sương đeo mái  
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng treo...*

Xuân Hương với Tôn Phong hai bài : Ngụ ý đến Tôn Phong Thi" v v..

*Đường hoa diu dặt bước đông phong  
Nghĩ kẻ tìm thơm cũng có công  
Lạ mặt dám quen, cùng gió nước  
Nặng lòng nên nhẹ đến non sông  
Da trời nắng nhuộm tươi màu biếc  
Phòng gấm trắng in dải thức hồng  
Ai nhớ lấy cho lòng ấy nhỉ !  
Trước trăm năm hấn nợ chi không?*

Xuân Hương với Hiệp trấn Sơn Nam Thượng họ Trần Ngọc Quán...

*Vác cấm đàn tao một ngọn cờ  
Ấy người thân đấy, phải hay chưa ?  
Lắc đầy phong nguyệt lưng bầu rượu  
Giắt lỏng giang hồ nửa túi thơ  
Đình nguyệt góp người chung đỉnh lại  
Trời Hoan mô mặt nước non xưa  
Bấy nay tài tử bao nhiêu tá ?  
Thèo đánh khen ai khéo đặt cho!*

Xuân Hương với Mai Sơn Phủ,, Hoạ thơ Sơn Phủ" bài thơ bằng Hán văn gửi bạn tỏ lòng quyến luyến nhớ thương. khoảng thời gian (1799- 1801)

*Này đoạn chung tình biết với nhau  
Tiễn đưa ba bước cũng nên câu  
Trên tay khép mở tanh chiều nhạt,  
Trước mặt đi về gấp bóng câu  
Nước mắt trên hoa là lối cũ,  
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu  
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm  
Này bạn chung tình biết với nhau..*

Xương họa với Chiêu Hồ tức Phạm đình Hồ (1768-1839) đối thủ với Hồ Xuân Hương

*Anh đồ tình, anh đồ say  
Sao anh gheo nguyệt giữa ban ngày  
Này này chị bảo cho mà biết  
Chốn ấy hang hùm chớ mó tay..*

Xuân Hương trải qua nhiều kinh nghiệm nhân sinh, nhất là về ái tình để rồi „quang cảnh trong đời chiếc gối mơ!" đời sống phóng túng của Xuân Hương để nhận lấy lời phê bình "tự thán".

*Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn  
Một đời riêng mấy tiếng chua cay*



Sau khi viết xong tập Lưu Hương Ký (1814), bảy năm sau (1822) Xuân Hương mất, nhưng mộ bà được táng ở đâu? ngày nay vẫn chưa tìm được tung tích, chắc chắn cũng ở quanh Hà Nội? năm 1842 Tùng Thiện Vương ra thăm cảnh Hồ Tây có làm bài thơ viếng mộ Xuân Hương “Long Biên trúc chi từ” bản dịch ra Việt ngữ của học giả Hoàng Xuân Hãn

*Đây hồ rục rở hoa sen  
Sai người xuống hái để lên cúng đàn  
Chớ trèo qua mộ Xuân Hương  
Suối vàng còn giận tở vương lỗ làng  
Sen tàn, phấn rữa mờ hoang  
Xuân Hương đã khuất bên làn cỏ xanh  
U hồn say tí làm tỉnh  
Gió xuân mấy độ thể tình không hay !!*

### **Những nét tiêu biểu trong thơ Hồ Xuân Hương**

Hồ Xuân Hương trưởng thành trong giai đoạn lịch sử chiến tranh, ảnh hưởng nặng nề phong kiến “nhất nam viết tử thập nữ viết vô”. Đàn bà ít được đi học ứng thí như đàn ông, may mắn học ít chữ, lấy chồng sanh con lo việc nội trợ. Xuân Hương đã tỏ ra là một thiên tài, làm thơ khẩu khí bị trợt té người ta cười, bà làm ngay hai câu thơ để chữa thẹn

*Giơ tay với thử trời cao thấp  
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài*

Hồ Xuân Hương thông minh, có tài, khá tiếc thay sinh ra phận gái nên cái lỗi lạc của bà thành ra lãng mạn mà lắm người cho là “lãng lơ”! Nhưng hãy đọc mấy câu thơ sau của bà, dũng khí như một đấng tu mi nam tử. Khi đi ngang qua miếu Sầm Nghi Đống, bị vua Quang Trung giết ở Đống Đa mừng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu 1789. Người Hoa lập miếu thờ, tin đồn miếu linh thiêng nên Xuân Hương đã đề mấy câu thơ :

*Ghé mắt trông nghiêng thấy bảng treo  
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo  
Vị đây đổi phận làm trai được  
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu ?*

Dưới xã hội thời phong kiến người ta quan niệm „tra nam thê bảy thiếp, gái chín chuyên chỉ một chồng“ Xã hội bất công! vấn đề đa thê ngày nay không được chấp nhận (ngoại trừ các nước theo Hồi Giáo). Ngày xưa chồng chết vợ phải thủ tiết thờ chồng.. Nhưng Xuân Hương đã muốn phá cái phong tục thời đó. Nên lúc sống với ông Phủ Vĩnh Tường, có người goá phụ còn trẻ muốn được tái giá, làm đơn xin quan phủ xét, gặp lúc ông phủ đi vắng, Xuân Hương xem đơn và phê ngay :

*Phó cho con Nguyễn thị Đào  
Nước trong loe lẻo cấm sào chờ ai?  
Chữ rằng xuân bất tái lai  
Cho về kiếm chút kéo mai nữa già .*

Những bài thơ tuyệt tác của Xuân Hương được lưu truyền hậu thế qua tập Lưu Hương Ký. Biệt tài thơ Xuân Hương dùng chữ Việt thuần túy, không vay mượn điển tích sáo ngữ, đọc thơ hiểu được nghĩa đen và nghĩa bóng. Đọc thơ Hồ Xuân Hương với tâm hồn nghệ sĩ thực sự phát hiện được những khía cạnh miêu tả rất thâm mỹ.

Đọc bài „Ngủ quên,, như xem bức tranh trưa hè người thiếu nữ đang ngủ, độc giả có thể liên tưởng đến bức tượng khỏa thân với những đường nét tuyệt vời sống động... cảm thấy rung động nghệ thuật trước hình ảnh đẹp lạnh mạnh.

*Mùa hè hây hẩy gió nồm đông  
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng  
Lược trúc chải cài trên mái tóc,  
Yếm đào trễ xuống dưới nương long  
Đôi gò Bồng Đảo sương còn ngậm  
Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông  
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt  
Đi thì cũng dở ở không xong.*

Cái đẹp bất cứ ở đâu đều được mọi người yêu chuộng, người trần tục ai thấy hoa đẹp không muốn nhìn? Từ xưa và nay nhiều phê bình bàn cãi tranh luận, thơ Xuân Hương mang tính chất dân và tục ..Những người yêu thơ Xuân Hương thường hết lời ca tụng xem những sáng tác của Xuân Hương kỳ diệu từ cách dùng chữ chính xác âm điệu kỳ tài.. Nhóm khác phê bình thơ mang chất tục sinh lý đè nén „Libido“ ..Bài thơ đầu đề không được thanh “Dương vật” Hồ Xuân Hương tả rất hay

*Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn  
Ban đêm không mất sáng như đèn  
Đầu đội nón da loe chớp đỡ  
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen*

Để có thể thẩm định thế đứng của nhà thơ này, nói về Văn học không thể đọc một số bài thơ rồi cho là dân tục có quá đáng chăng?.. Bởi vì vấn đề Tình Dục từ Á sang Âu thường được trình bày qua các tác phẩm văn chương, những hình điêu khắc chạm trổ trong các Cung điện, Đèn đài lưu tại từ ngàn năm về trước có những nét đẹp độc đáo như thân thể đàn bà qua những đường cong tuyệt vời, bộ ngực no tròn lồ lộ dưới lớp xiêm y mỏng manh .. những tác phẩm đó thể hiện linh động văn hóa, sắc thái mang tính chất điển tả về nghệ thuật.

Mỗi dân tộc văn minh có sinh hoạt văn hoá khác nhau, Nhiều sắc dân họ thờ các bộ phận sinh dục, dân tộc Chăm xây các Tháp theo hình tượng Lingam (dương vật) tình dục được nói đến trong sinh hoạt của con người. Xã hội bình dân xưa không thoát khỏi qui luật dục vọng cá nhân là lẽ sống con người, dục vọng tập thể là lẽ sống của xã hội. Bởi vậy ca dao được truyền tụng trong dân gian.

*Có chồng từ thuở mười lăm.  
Chồng chê tôi nhỏ không nằm cùng tôi.  
Đến chùng mười chín đôi mươi.  
Tôi ngủ dưới đất chàng lúi lên giường  
Một rảnh thương, hai rảnh thương  
Có bốn cẳng giường gãy một còn ba!  
(Ca dao)*

Đời sống qua thi ca bình dân, điển tả trào lộng, vui tươi vốn có trong thực tế không nói xa gần, cái điều cay hút thuốc người bình dân .

Lòng em cay đắng quanh năm  
Khi ngồi, khi đứng, khi nằm nghênh ngang  
Các anh các bác trong làng  
Gặp em thì lại vội vàng nâng niu  
Vắng em đau khổ trăm chiều  
Tuy rằng cay đắng nhưng nhiều người mê  
(ca dao)

Nổi tiếng như Truyện Kiều diễn tả lại chuyện tình dục trong khuê phòng,

*Đêm xuân một giấc mơ màng  
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ*

hoặc

*Này con thuộc lấy nằm lòng  
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề  
Chơi cho liễu chán hoa chê  
Cho lẩn lóc đá cho mê mẩn đời  
Khi khéo hạnh khi nét ngài  
Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười cợt hoa  
Điều là nghề nghiệp trong nhà  
Đủ ngàn ấy nếp mới là người soi*

Hay Trạng Quỳnh với bài tạ ơn cô hàng bánh

*Đương cơn nắng cực đói lòng thay  
Thét đãi ơn cô có bụng này  
Giờ biết lấy gì mà tạ lại  
Xin quỳ hai gối chống hai tay*

Sinh hoạt xã hội bất kỳ ở tầng lớp nào, dục tính cá nhân vẫn len lỏi vào cuộc sống. Cái khác biệt toàn thể về bản chất không ai giống ai. Hồ Xuân Hương người trần tục nên ca tụng sinh hoạt trần tục và những niềm vui trần tục, đọc thơ Xuân Hương để tiếp nhận cái tinh thần hồn nhiên trong ca dao, tục ngữ. Tôi Không đào sâu cái „tục“ trong thơ làm đề tài chính. Thơ Xuân Hương rất sống động tài tình mang tinh hoa khác, đó là một giá trị tồn tại mãi mãi trong lâu đài văn hoá dân tộc. Đọc hai bài thơ sau để so sánh bài đèo Ngang và đèo Ba Đội của hai nữ sĩ

*Bước tới đèo ngang bóng xế tà  
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa  
Lom khom dưới núi tiêu vài chú  
Lác đác bên sông chợ (rợ) mấy nhà  
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  
Dừng chân đứng lại trời non nước  
Một mảnh tình riêng ta với ta  
(Huyện Thanh Quan)*

Chúng ta cảm nhận bài thơ ấy hay nhẹ nhàng trang nhã, bài này có 8 câu nhưng vay mượn ý của hai câu chữ Hán

*Dạ thính đồ quyền minh quốc quốc  
Nhật văn cô điều khiêu gia gia*

Nghiã là  
*Đêm nghe đồ vũ kêu quốc quốc  
Ngáy lẳng gà rùng gọi gia gia*

Hồ Xuân Hương vịnh đèo Ba Đội là một bức tranh tả chân đơn sơ

*Một đèo, một đèo lại một đèo  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo  
Cửa son đỏ loét tùm lum nóc  
Hòn đá xanh rì lún phún rêu  
Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc  
Đầm đìa lá liễu giọt sương rơi  
Hiền nhân quân tử ai là chẳng  
Mỗi gỏi chôn chân cũng muốn trèo*

Bài thơ này đọc qua độc giả có thể nhận ra ngay đó là đèo Ba Đội, „một đèo, một đèo lại một đèo“ từ màu sắc “cửa son đỏ loét; tùm lum, xanh rì; lún phún; lắt lẻo“.. Xuân Hương đã tài tình tạo ra một bức tranh sống động thành hợp tấu kỳ thú, từ âm thanh, màu sắc, nếu đi qua đèo thì độc giả chia sẻ với thi nhân Xuân Hương là một nhạc sĩ tài tình, phối hợp cả âm thanh, màu sắc, không gian lẫn thời gian, tạo những nét đặc sắc, thông thường ít nghe điệp âm „hồm hồm hom, toen hoen ...“, trong bài vịnh hang Cốc Cờ

*Trời đất sinh ra đá một chòm  
Nứt làm đôi mảnh hồm hồm hom  
Kẻ hằm rêu mốc trơ toen hoen,  
Luồng gió thông reo võ phập phòm  
Giọt nước hữu tình rơi lồm bồm  
Con đường vô ngần tối om om  
Khen ai dẻo đá tài xuyên tạc  
Khéo hớ hênh ra lằm kẻ dòm*

Giọt nước từ những thạch nhũ rơi từng giọt, xuống vũng nước bên dưới lồm bồm, con đường vào hang thiếu ánh sáng. Ngày nay nhờ phương tiện lưu thông thuận lợi, nếu ghé hang Thánh Hoá ở làng Thụy Khê, huyện Sài Sơn tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) hang ở hòn núi có Chùa Thầy.

Hàng năm có hội chùa Thầy mà không vào hang Cốc Cờ thì coi như chưa biết chùa Thầy. Đến đó sẽ nhớ ngay nữ sĩ Xuân Hương ! là một thiên tài cũng vịnh cảnh Chùa Hương Tích ở huyện Mỹ Đức Hà Đông rất linh động cảnh trời mây non nước..vào những ngày đầu xuân, hội Chùa Hương nhộn nhịp, người tu hành thì ít, kẻ trần tục thì nhiều, muốn lên phải gọi là trèo các bậc thì đúng hơn là đi, chen chân trong dòng hương khói pha mờ mù sương.

*Người quen cõi Phật chen chân xọc  
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm...*

Bài “đánh đu“ bức tranh quê sống động hơn, diễn tả cảnh vui xuân náo nhiệt

*Bốn cột khen ai khéo khéo trồng  
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông  
Trai đu gỏi hạc khom khom cật,*

*Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng  
Bốn mảnh quần hồng bay phát phới  
Hai hàng châu ngọc duỗi song song  
Chơi xuân ai biết xuân chẳng tá ?  
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không !*

Có thể Hồ Xuân Hương phỏng theo bài thơ trên bài cây đánh đu vốn có trong tập Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập

*Bốn cột lang nha ngắm để trông  
À thì đánh cái ả còn ngong  
Tế hậu thổ khom khom cất,  
Vải hoàng thiên ngửa ngửa lòng  
Tám bức quần hồng bay phát phới,  
Hai hàng châu ngọc đứng song song  
Chơi xuân hết tác xuân đường ấy  
Nhỏ cột đem về để lỗ không .*

Ngày nay ở miền Bắc hội xuân vẫn còn giữ trò chơi đánh đu, thường những trai gái thích đánh đu như cuộc thi lòng dũng cảm. Khi chàng trai nhún đu, cô gái trong tư thế tay nắm chặt, chân duỗi thẳng, chờ đón độ cao bay bổng. Khi độ cao đã giảm đến lượt cô gái nhún, chàng trai lại chờ đón..tất cả phải nhịp nhàng, khoẻ mà mềm mại bay cao ung dung, vẻ đẹp càng hiện rõ hình thể bên ngoài ..gối hạc, lưng ong, ngửa ngửa lòng, phát phới, song song. Xuân Hương đã khéo tài tình dùng điệp khúc qua ca dao có nhiều bài rất là „tục“ như cái vịnh cái quạt

*Rành rành ba góc rành rành  
Khi khép nhỏ lại, khi vành to ra  
Khi vui thì sướng thay là  
Khi buồn thì nước chảy ra rì rì..*

Hồ Xuân Hương tả cái quạt duyên dáng hơn có tính cách tương tự như ca dao tục ngữ hài hước, tả cái quạt có nhiều nan được bồi bằng giấy với hình dáng xòe ra để quạt cho mát, bắt cứ ở đâu, khi mưa có thể che đầu, khi xếp lại những nếp giấy chồng lên vẫn còn thừa.

*Một lỗ sâu xâu máy cũng vừa  
Duyên em dính dáng tự bao giờ  
Chành ra ba góc da còn thiếu  
Khép lại đôi bên thịch vẫn thừa  
Mát mặt anh hùng khi nắng gió,  
Che đầu quân tử lúc sa mưa  
Nâng niu ước hỏi người trong trướng  
Phi phạch trong lòng đã sướng chưa ...*

Ngành tiểu công nghệ dệt vải thời xưa mỗi gia đình ở thôn quê, thường trồng cây bông, nuôi tằm ươm tơ làm lụa tự dệt may sắm áo quần. Ban ngày làm việc đồng áng, đêm về dệt vải với dụng cụ đơn giản cái khung cửi, hai ống trục, một bộ go, hai cái lược, một đôi guốc con suốt, con thoi (con cò bằng gỗ). Xuân Hương tả đêm cô gái dệt vải; mà phẩm chất vải tốt không phai màu phải ngâm lâu

*Thấp đèn lên thấy trắng phau  
Con cò mấp máy suốt đêm thâu*

*Hai chân đạp xuống năng năng nhắc  
Một suốt đêm ngang thích thích mau  
Rộng hẹp nhỏ to vừa vặn cả  
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau  
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ  
Chờ đến ba thu mới dải màu*

Chùa Quán Sứ được xây dựng từ thế kỷ thứ 17 nằm ở phố cũng mang tên Quán Sứ Hà Nội; Phật giáo vào thời Xuân Hương suy thoái, thời nào cũng có người núp dưới chiếc áo cà sa.. Xuân Hương đã nghi ngờ về chùa Quán Sứ trong cảnh vắng teo

*Quán sứ sao mà cảnh vắng teo  
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi nao  
Chày kình, tiểu để sông không đấm  
Tràng hạt, vải lần đếm lại đeo  
Sáng banh không kê khua tang mít  
Trưa trật nào ai móc kẽ râu  
Cha kiếp đường tu sao lắt léo  
Cảnh buồn thêm chán nợ tình đeo*

Người đời nhớ Xuân Hương ở tiếng cười phá phách, nhưng trong lòng Xuân Hương mang nặng những niềm đau .. trong đó khối tình của Xuân Hương nặng như đá, với những tâm sự thể thái nhân tình làm rung động sâu thẳm cõi lòng người

*Gan nghiã giải ra cùng nhật nguyệt  
Khối tình cọ mãi với non sông  
Đá kia còn biết xuân già dạn  
Chả trách người ta lúc trẻ trung  
(Đá ông chồng, đá bà chồng)*

hoặc qua bài tình tự

*Canh khuya vắng vắng trống canh dồn  
Trơ cái hồng nhan với nước non  
Chén rượu hương đưa đưa say lại tỉnh  
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn !  
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,  
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn  
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại  
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Xuân Hương vịnh bánh trôi nước quen thuộc của người bình dân. Thân em ở đây (Xuân Hương) hay là thân phận đàn bà lầm lặn dạn? nhưng tấm lòng được tôn trọng

*Thân em trắng phận em tròn  
Bảy nổi ba chìm với nước non  
Lớn nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn  
Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

Hồ Xuân Hương có phong cách riêng tiêu biểu cho thái độ tự nhiên tràn đầy tình cảm trong sáng, thơ Hồ Xuân Hương rất bình dân, duyên dáng giàu khả năng gợi cảm, gợi tình, chứa

chan tình tự và cảm khoái, không dùng Hán tự điển tích. Bà có biệt tài sử dụng điệp khúc, âm điệu và tiết tấu, thích hợp với từng ý, từng hoàn cảnh.

Dù muốn chê hay khen, đọc thơ Xuân Hương cảm thấy cái vui vui xen lẫn vào hờn, cái hay trong thơ Xuân Hương rất tuyệt vời, nhưng bài viết giới hạn không thể trình bày và trích giải hết được..Hồ Xuân Hương là nhà thơ độc đáo có một không hai trong văn học sử Việt Nam...

Chú Thích:

1/ Chữ Nôm có vai trò nổi bật trong sáng tác văn chương. Mặc dù văn nhân, thi sĩ mọi thời đều đã dùng chữ Hán làm thơ, viết truyện, nhưng chỉ có với chữ Nôm, người Việt mới tạo nên những tác phẩm bất hủ. Tập thơ Nôm có niên đại sớm nhất còn lưu truyền là Quốc âm Thi tập của Nguyễn Trãi (1380 - 1420), sau đó là Bạch vân Am quốc ngữ thi của Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Văn học Việt nam qua các thời đại, chữ Hán các tiền nhân viết những tập truyện ngắn và tiểu thuyết văn xuôi, còn với chữ Nôm gần như các cụ chỉ làm thơ.

Sở trường và thành công bằng hai thể thơ giàu dân tộc tính này, vào cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XIX Văn học cổ điển Việt Nam có những tác phẩm xuất sắc khiến thế giới phải biết đến là Chinh phụ Ngâm khúc của Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748); Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) của Nguyễn Du (1766 -1820). Chúng ta còn các tên tuổi sáng giá khác nữa từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX như: Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái, đặc biệt thơ của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương v.v. ..Chính nhờ ở những tác giả này, tiếng Việt hấp thụ hai nguồn văn tự là chữ Hán và văn tự văn hóa dân gian, chữ Nôm để trở thành một ngôn ngữ văn học sáng chói và giàu sức diễn đạt

2/ Được dẫn chứng trong Hồ Quỳnh Gia Phả gia phả họ Hồ ở Quỳnh Lưu. Nhưng tác giả Lê Xuân Sơn viết trong tập „ Hồ Xuân Hương thơ và đời viết “HXH con ông Hồ sĩ Danh (1706-1783) em cùng cha khác mẹ với Hồ Sĩ Đống (1738-1786) là một vị quan đầu triều thời chúa Trịnh ?

3/ Những kỳ Án trong Việt sử, tác giả Trần Gia Phụng

4/ Hồ Xuân Hương thơ và cuộc đời, trang 206, nhà xuất bản Văn học.

5/ Theo phóng sự Hồ X Hương và Tổng Cốc ( Nguyễn Hữu Thanh)

Tài liệu đọc thêm : Hồ Xuân Hương toàn tập của Gs Ngô Lăng Vân; nghĩ về thơ HXH.của Gs Lê Trí Viễn, Ng Đức Quỳnh.

## Hồ Xuân Hương từ phản kháng đến nổi loạn Hà Văn Thủy

Có nhiều cách hiểu về Hồ Xuân Hương: Nhà thơ cách mạng (Hoa Bằng), Thiên tài hiểu dân (Trương Tửu), Bà chúa thơ Nôm (Lê Tâm, Xuân Diệu), Người lạ mặt (Trần Bích Lan)... Mỗi cách hiểu đều có cái lý riêng nhưng suy ngẫm lại thì hình như chưa có cái khuôn nào vừa vặn với vóc dáng nhà thơ! Chưa thoả lòng, chúng tôi thử tìm định nghĩa khác.

### I. Hành trình Xuân Hương

Văn học sử chỉ hé ra một chút tèo tèo về thân thế và cuộc đời nữ sĩ họ Hồ nhưng lại khép kín không cho ta biết tí gì về quá trình sáng tác của nữ sĩ. Trong nghiên cứu văn chương, quá

trình sáng tác là một chỉ dấu đặc biệt quan trọng cho thấy điểm xuất phát cùng sự hình thành, biến đổi về tư tưởng, phong cách của tác giả. Do thiếu hiểu biết về quá trình sáng tác của Hồ Xuân Hương mà 50 bài thơ được coi như của bà tồn tại trong tư thế vừa ngẫu nhiên, vừa tản mạn. Nhận ra hạn chế này nên nhiều nhà nghiên cứu cố gắng sắp xếp chúng. Ông Nguyễn Hữu Tiến trong *Giai nhân di mặc* ấn hành hồi đầu thế kỷ trước đã dựa vào thơ rời tưởng tượng ra một "biên niên tác", để qua đó dựng nên một tiểu sử Hồ Xuân Hương. Ông Trần Thanh Mại viết: "Có lẽ chúng ta nên chia thơ xưa nay coi là của Hồ Xuân Hương ra làm ba loại: một loại gồm những bài có tính tư tưởng cao và có phương pháp nghệ thuật thanh nhã, một loại gồm những bài có yếu tố tục, những yếu tố đó nhằm một mục đích yêu cầu tiến bộ và loại thứ ba gồm những bài có tính chất khêu gợi không lành mạnh, những bài có yếu tố dâm". (*Nghiên cứu Văn học* 1961, dẫn theo Đỗ Lai Thuý, *Hồ Xuân Hương - hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn hoá Thông tin 1999). Ông Đỗ Lai Thuý lại chia làm 6 mục: những bài vịnh vật, những bài vịnh cảnh... Thời gian cho thấy những cách sắp xếp trên đều bất cập. Ông Nguyễn Hữu Tiến đã tiểu thuyết hoá đối tượng nghiên cứu của mình. Cách phân chia của ông Trần Thanh Mại rơi vào thực dụng nên khiến cưỡng không thuyết phục. Cách sắp đặt của ông Đỗ Lai Thuý không có giá trị học thuật mà chỉ là sự thay tập hợp tản mạn này bằng tập hợp tản mạn khác: Cách phân loại thành "phong cách môn", "nhân đạo môn"... theo *Hồng Đức quốc âm thi tập* chỉ có ý nghĩa đối với những tác giả được biết rõ về tiểu sử cũng như quá trình sáng tác!

Từ những bất cập của người đi trước, chúng tôi nhận ra phải xâu sọt chỉ đỏ xuyên suốt những bài thơ rời rạc của Xuân Hương thành một chuỗi. Để làm việc này, chúng tôi sắp xếp những bài thơ hiện có theo quá trình chúng có thể được sáng tạo ra, từ đó mong sẽ dựng lên một lý lịch tâm hồn, thấy được sự chuyển biến của nữ sĩ về con người, tư tưởng cũng như phong cách sáng tạo.

### **Thời kỳ thứ nhất**

Theo như những nét tiểu sử hiện có thì thân sinh Hồ Xuân Hương là thầy đồ, thuộc một dòng văn học của vùng quê văn hoá nổi tiếng là làng Quỳnh Đôi xứ Nghệ ra Kinh dạy học. Mẹ bà là người con gái xứ Đông thuần hậu. Thuở nhỏ Hồ Xuân Hương được học chữ, học làm thơ và cố nhiên học tam tòng tứ đức. Nàng là một khuê nữ dấu không đài các cũng nên nếp con nhà. Ta nhận ra điều này trong bài thơ "Bánh trôi nước":

*Thân em thì trắng phận em tròn  
Bảy nổi ba chìm với nước non.  
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn  
Nhưng em vẫn giữ tấm lòng son!*

Bài thơ là lời tự giới thiệu cho thấy tác giả là thiếu nữ chần chu, khiêm nhường, cùng với bề ngoài tròn trặn hấp dẫn còn có một tâm hồn trong trắng, có tấm lòng son. Người thiếu nữ này cũng khao khát tình yêu và biết yêu chân thành thể hiện qua bài "Mời trầu":

*Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,  
Này của Xuân Hương đã quệt rồi.  
Có phải duyên nhau thì thăm lại,  
Đừng xanh như lá bạc như vôi!*

Khách đến chơi hay mối manh gì đó, nàng thiếu nữ mời trầu. Khiêm nhường lắm vì nàng chỉ có được trầu hôi! Bưng coi trầu rưng rưng mời khách mà lòng nàng thầm ước ao: duyên thăm lại, đừng xanh bạc như thói đời! Ta như nhìn thấy bàn tay nàng run run, miệng áp úng lời mời chân thành đến tội nghiệp! Ở hai bài thơ trên, hoàn toàn không có chút gì dâm tục mà chỉ thấy mối chân tình đến tận cùng của người con gái khát khao hạnh phúc.



Nếu chỉ vậy, Xuân Hương sẽ có cuộc đời khác. Nàng sẽ thành mệnh phụ phu nhân vượng phu ích tử sống cuộc sống êm ấm. Nhưng oái oăm thay, trong người thiếu nữ vốn chân chất ấy lại chứa đựng tài năng văn chương cùng những khát khao sống vượt ra ngoài chiều kích bình thường của một khuê nữ.

Với hai vé đối *"Giơ tay với thử trời cao thấp/ Xoạc cẳng đo xem đất vấn dài"*, người thường nhân đã giật mình vì cái khẩu khí ngang tàng khác đời của một nhi nữ. Không chỉ có vậy, hai bài *"Mắng học trò dốt"* với lời lẽ vừa trịch thượng vừa cay độc: *"lũ ngẩn ngơ/ chị dạy làm thơ"* rồi *"ong non ngựa nọc, dê cõn buồn sùng..."* là những đòn đau đánh vào phân nửa nhân loại đầy tự tôn. Vẫn chưa hết, đòn bồi tiếp lại đụng đến thánh thần: *"Ví đây đối phận làm trai được/ Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?"* (*"Đề đền Sầm công"*). Không chỉ chê bai họ Sầm mà còn là lời thách thức "phạm thượng" đối với giới mày râu! Không dừng ở đó, còn thêm ba bài thơ về các nhà sư: *"Kiếp tu hành"*, *"Sư bị ong châm"*, *"Sư hổ mang"*. Sáu bài thơ trên là những lần roi mây quất vào giới mày râu cùng giới tu hành. Đau nhưng họ phải nín chịu vì nàng nói đúng quá: phần đông họ dốt hơn nàng, các nhà sư quá có chuyện hổ người! Ngay cả cái ông thần họ Sầm kia thực ra cũng chẳng đáng để thờ! Giận đấy nhưng không làm gì được! Cùng lắm, "phái mạnh" - kẻ thua cuộc - cũng chỉ có thể cả vú lấp miệng em, mắng nàng là đanh hanh, kiêu căng, lẳng loàn... vậy thôi!

Nhưng khi những bài thơ *"Thiếu nữ ngủ ngày"*, *"Tranh tố nữ"*, *"Đánh đu"*, *"Cái giếng"*, *"Cái quạt"*, *"Quả mít"*, *"Ốc nhồi"* ra đời thì sự thể đã khác! Người ta thích thú reo lên vì kẻ phạm tội bị bắt quả tang: Xuân Hương làm thơ dâm! Tình thế mới xuất hiện: trong khi kín đáo chuyền nhau chép trộm những bài thơ ấy rồi thú vị ngâm nga trong lúc vắng vẻ thì ngoài miệng các bậc chính nhân quân tử đạo mạo cao giọng kết án nữ sĩ không chỉ là kênh kiệu lẳng loàn mà *con mẹ này còn là kẻ đi thoã làm thơ dâm, nguy hiểm cho đạo đức xã hội, đáng phải lên án!* Chòng ong ong dốt: chắc là có nhiều cú đòn thù đánh vào nàng thơ. Đòn đánh cay nghiệt nhất được thể hiện qua Chiêu Hồ. Bằng những bài thơ đối đáp giữa nhà thơ và Chiêu Hồ, ta hiểu tình cảm của hai người đã sâu nặng. Ta cũng mong rằng tài tử kết hợp với giai nhân. Nhưng rồi cuộc tình chấm dứt thật phũ phàng với những lời mắng cặn tàu ráo máu: *"Đù mẹ cái hồng nhan/ Làm đi càn!"* Rõ ràng từ yêu nhau đã hoá thành mười phụ nhau! Và người bị đau, thua cuộc ê chề lại là nữ sĩ! Với hai câu đối đoạn tình trên, giai đoạn thứ nhất trong sáng tác của Xuân Hương chấm dứt. Đây là giai đoạn người thiếu nữ Xuân Hương còn trong trắng với ước mơ hạnh phúc, còn gìn vàng giữ ngọc về tình duyên cũng như danh tiếng. Nàng mới làm những bài thơ mắng học trò dốt, bài bác nhà sư hổ mang và những bài mà ý dâm tục còn trong mức tế nhị

### **Thời kỳ thứ hai**

Từ trước, trong cuộc đấu với đời, Xuân Hương luôn thắng: thắng lũ học trò cười chê nàng ngã, thắng lũ học trò dốt, thắng nhà sư hổ mang, thắng cả thánh thần là Sầm Nghi Đống... Thất bại với Chiêu Hồ là thất bại đầu tiên của nhà thơ. Thất bại này là cú sốc lớn đánh vào danh dự, lòng tự hào và toàn bộ cuộc sống của nàng! Cùng với Chiêu Hồ, nhiều bạn thơ bạn tình của nàng lần lượt ra đi. Họ có thể hoạ thơ đối đáp với nàng để cầu danh, để mua vui hoặc ỡm ờ tình ngãi nhưng không ai chịu ở lại với nàng. Nàng từ một người được chiều chuộng, sẵn đón bóng bị hắt hủi trở lại trong cảnh *"mẹ già nhà túng"*. Trong cô đơn đau buồn, nàng rút vào cuộc sống nội tâm. Đây là thời kỳ của ba bài thơ *"Tự tình"* bộc lộ tâm trạng lo lắng bồn chồn của cảnh muộn màng, chăn đơn gối lẻ. Ta thấy đó là những bài thơ trữ tình tuyệt tác, là tiếng kêu than thê thiết của thân phận người phụ nữ. Ở đây không hề có yếu tố dâm tục. Bài *"Không chồng mà chữa"* cũng được làm ở thời kỳ này: trong hoàn cảnh của mình, nhà thơ thông cảm với chuyện lỡ làng của mọi kiếp đàn bà nói chung và có thể với số phận chính mình? Trong đời thực, thời kỳ này tác giả gặp những trắc trở về duyên phận: hai lần lấy chồng thì cả hai lần phải làm lẽ và làm lẽ cũng không xong: chồng chết sớm! Nàng lại mang cái tiếng khủng khiếp là đàn

bà sát chồng! Những bài: “Làm lẽ”, “Phận đàn bà”, một số bài thơ về hang động, “Đỗ người đàn bà chết chồng”, “Bỡn bà lang khóc chồng”, “Khóc Tổng Cốc”, “Khóc ông phủ Vĩnh Tường” ra đời trong thời kỳ này. Ở những bài thơ vừa kể, yếu tố dâm tục tăng lên. Thời kỳ này chấm dứt cùng với cái chết của ông phủ Vĩnh Tường. “Khóc ông phủ Vĩnh Tường” là bài thơ tràn đầy nước mắt, nỗi đau và thất vọng.

### **Thời kỳ thứ ba**

Sau cái chết của người chồng thứ hai, Hồ Xuân Hương rơi vào khủng hoảng. Không chỉ tai tiếng về thơ phú, bà còn mắc tai tiếng trong cuộc đời: cái tiếng sát phu là cái gông đeo trên cổ nhà thơ! Một điều chắc chắn: không còn người đàn ông nào dám đến một cách nghiêm túc với bà nữa! Bà biết mình sẽ cô đơn cô độc, trơ trọi, không chồng, không con đến suốt đời. Với tâm trạng của kẻ cùi không sợ lở, không còn gì để mất, từ chỗ phản kháng, bà nổi loạn chống lại xã hội. Tuyên ngôn của nữ sĩ lúc này là:

*Chôn chặt văn chương ba thước đất  
Tung hê hồ thi bốn phương trời!*

Ý nghĩa của cái tuyên ngôn này ra sao? “*Chôn chặt văn chương*” có thể hiểu, ông phủ là một bò văn chương. Khi ông chết, cái bò ấy bị chôn đi? Cũng có thể hiểu là cùng với việc người chồng thân yêu mất đi, bà mất luôn cái hứng văn chương của mình? Chúng tôi nghiêng về nghĩa thứ hai! Còn “*tung hê hồ thi*”? Hồ thi tang bồng là cái ý chí là cái ước mơ đạt tới cao xa của con người! Cùng với việc chồng chết, bà không còn gì để ước mơ hy vọng, cũng không còn gì phải gìn giữ, trở nên thí mạng cùi, liều lĩnh coi khinh tất cả, vứt bỏ tất cả, tung hê tất cả! Cùng với hành động nổi loạn này, ta cũng xét đến chứng bệnh thần kinh sinh ra do ấn ức tình dục tác động, khiến cho thơ bà càng mang đậm yếu tố dâm tục hơn. Lúc này là người tự do, không phải vướng bận với chồng con gì, bà đi thăm thú nhiều thắng cảnh và ở mỗi nơi đều để lại thơ: “Đèo Ba Dội”, “Kẽm Trống”, “Hang Cốc Cờ”, “Chùa Quán Sứ”, “Đá ông chồng bà chồng”, “Chợ trời chùa Thầy”, “Một cảnh chùa”, “Cảnh thu”, “Chơi đèn Khán Xuân”, “Qua cửa Đót”, “Tát nước”, “Dệt cửi”, “Trống thủng”, “Trăng thu”, “Ông cửi vỡ”. Nhiều bài trong đó không hề có ý nghĩa xã hội nhân sinh, dâm tục chỉ để dâm tục, trở thành bệnh hoạn như “Trống thủng”, “Ông cửi vỡ”, “Động Hương Tích”, “Vịnh nữ vô âm”, “Trăng Thu”. Đàn bà sở dĩ là đàn bà bởi nét yếu điệu thực nữ. Dịch nói đức người mẹ là đức quẻ Khôn (thủy), đức nhu thuận, bao dung, nuôi nấng. Khi người đàn bà không còn giữ được đức trinh nguyên nhu thuận nữa thì đấy là loạn. “Trống thủng” là bài thơ không hề có ý nghĩa nhân sinh nào mà chỉ là sự gợi dục đến mức quá quắt thành trơ trẽn. “Ông cửi vỡ” không có giá trị văn chương ngôn từ nào mà chỉ là sự mô tả trắng trợn cơ quan sinh dục nam, kiểu những tổng kết rất tục của dân gian: lá vông, hạt hồng, lông ấu... Nhưng đấy là dân gian! Một người đàn ông có thể viết ra, làm ra nhưng chắc hẳn không ai dám đứng tên, xác nhận bản quyền loại văn chương như thế! Càng tệ hơn nó lại là sản phẩm ngôn từ của đàn bà, thêm vào đó lại xưng tên nhận họ! “Vịnh nữ vô âm” còn đẩy lên một mức về sự gợi dục. Và dù có cố công, người ta cũng không thể bênh nổi nữ sĩ trong việc đùa bỡn với dị tật của con người, khai thác yếu tố dâm tục một cách bệnh hoạn mà thiếu đi một tấm lòng. “Động Hương Tích” cũng là sản phẩm của tâm lý nổi loạn đến mức bệnh hoạn. Một danh thắng từng được khen là Nam thiên đệ nhất, không chỉ là nơi thờ phụng mà là cảnh non bồng nước nhược các tao nhân mặc khách đến thưởng thức ngâm vịnh cũng bị hạ thấp xuống, bị dung tục hoá thành cái đó! Khi vừng trăng thanh cao hiện dụ muôn đời cũng bị vấy máu hành kinh đỏ lôm lôm thì không thể nào nói khác hơn là ở đây sự phản kháng xã hội đã đến mức bệnh hoạn! Cuộc sống luôn cần chuẩn mực. Nguyễn Khuyến từng chê Tú Xương “*đem nho đối xử lão này không ưa!*” Lời chê trách có lý.

*Hành trình* được dẫn ra ở trên chỉ là giả định. Những bài thơ xếp trong từng thời kỳ cũng chỉ là ước chừng, có thể hoán chuyển. Điều chúng tôi muốn xác định là ba cái mốc: thời kỳ thứ nhất

mở ra bằng những bài “Bánh trôi nước”, “Mời trầu” và kết thúc bằng hai cặp câu đối giữa Chiêu Hồ và Xuân Hương. Thời kỳ thứ hai bắt đầu bằng những bài “Tự tình” rồi kết thúc bằng bài “Khóc ông phủ Vĩnh Tường”. Qua từng thời kỳ, cùng với biến động trong cuộc sống, chất đậm tục trong thơ Hồ Xuân Hương tăng dần lên đến độ bệnh hoạn.

## II. Thử đánh giá thơ Hồ Xuân Hương

Không ai có thể phủ nhận rằng, những bài thơ hiện cho là của Hồ Xuân Hương được nhiều thế hệ người đọc say mê. Thừa nhận điều này, một câu hỏi nảy sinh: Người ta mê thơ Hồ Xuân Hương vì nổi gì? Theo thiên ý, trong hơn trăm năm qua, dân trí số đông người bình dân còn thấp. Gặp thơ Hồ Xuân Hương, trước hết, theo bản năng, người ta khoái cái yếu tố gợi dục trong đó, không khác gì mê những câu đố tục giảng thanh hay những câu chuyện tiểu lâm truyền miệng vốn là nguồn giải trí hiếm hoi trong cuộc sống ngưng đọng khép kín thời đó. Họ chưa biết thưởng thức văn chương. Trong khi đó người có học thường thức thơ Xuân Hương bằng khoái cảm kép: vừa thích thú cái ý ngầm gợi dục, họ vừa nhận ra trong những bài thơ này một nghệ thuật ngôn từ, thanh âm tuyệt vời! Rồi để chứng tỏ mình thanh cao, trong tiếp xúc qua lại, họ giảng cho dân quê biết cái hay của chữ nghĩa, cái khéo trong mẹo luật làm thơ... Dần dần người dân quê giác ngộ, vượt khỏi sự thưởng thức cái đậm tục theo bản năng để đến với sự thưởng thức văn chương đích thực. Nếu trước đây chỉ tâm đắc cái phần gợi dục của thơ thì bây giờ họ có thêm khoái cảm về ngôn từ về thanh điệu. Sự thưởng thức của họ từ bản năng chuyển dần sang trí tuệ. Rồi từ sự giác ngộ đó, người trước truyền cho người sau, dân trí được nâng dần. Nhưng dù dân trí nâng lên, dù biết thưởng thức văn chương thì sự gợi dục trong thơ Hồ Xuân Hương vẫn là thứ ma túy cuốn hút mãnh liệt! Có thể nói, nếu thiếu yếu tố đậm tục thì thơ Hồ Xuân Hương không thể hấp dẫn số đông người đến vậy. Nhìn vào Nguyễn Bình Khiêm, Đoàn Thị Điểm, Bà Thanh Quan thì rõ: thơ của họ dù hay về nghệ thuật dù thấm đẫm triết lý nhân sinh cũng không lan toả sâu rộng đến vậy trong dân gian.

Đánh giá thơ Hồ Xuân Hương ra sao? Chúng tôi đồng ý với nhiều người đi trước cho rằng, bà là người đầu tiên và duy nhất ở nước Nam đã Việt hoá, dân gian hoá thể thơ Đường luật đến độ mềm mại uyển chuyển gần với tâm hồn dân tộc Việt nhất. Bà cũng là phù thủy sai khiến chữ nghĩa thăng hoa lên bằng tài năng ma thuật. Bà cũng là pháp sư trong việc lồng ý ẩn vào trong những chữ nghĩa thông thường. Có thể nói, thơ Hồ Xuân Hương là phòng trưng bày tranh khoa thân. Nhiều bức đẹp mê hồn nâng ta lên trong khoái cảm lạnh mạnh thanh cao nhưng trong đó lẫn vào không ít những bức tranh thô thiển chỉ có ý nghĩa gợi dục dung tục!

Có cảm tưởng rằng, nhiều nhà nghiên cứu, do ảnh hưởng của tâm thức cộng đồng, quá say mê với thơ bà mà không bóc tách được những yếu tố tiêu cực này, đã ca ngợi không chọn lọc, nên ý tưởng của họ vừa thiếu khoa học vừa không có lợi cho môi trường văn hoá.

## III. Về cội nguồn thơ Hồ Xuân Hương

Trong việc nghiên cứu nữ sĩ họ Hồ, một vấn đề thú vị được đặt ra là tìm cội nguồn của thơ bà. Nhiều tác giả lý giải điều này. Ngay từ rất sớm, Trương Tửu áp dụng học thuyết phân tâm của Freud cho rằng thơ bà là hệ quả của ẩn ức tình dục. Ông Nguyễn Văn Hanh cũng viết cả cuốn sách về đề tài này. Ông Tam Vị cho là do ảnh hưởng của tinh thần phục hưng. Những nhà nghiên cứu đến sau nói theo Bakhtin cho là ảnh hưởng của Lễ hội giả trang (carnival). Ông Đỗ Lai Thuý phát triển quan điểm của Trương Tửu, cho là *hoài niệm phồn thực*. Về ý tưởng của ông Đỗ Lai Thuý, chúng tôi thấy:

1. Khi phồn thực đã thành tín ngưỡng thì nó trở nên thiêng, không còn khả năng gợi dục nữa. Trong lễ hội phồn thực, việc rước nữ, nường rồi cho nữ nường đụng nhau là nghi lễ thờ cúng thiêng liêng, không còn ý nghĩa gợi dục cũng như khi đứng trước tranh tượng Đức Mẹ đồng trinh, con chiên không còn cảm giác đậm. Vì vậy, tín ngưỡng phồn thực không thể là cội nguồn sâu xa cho những bài thơ gợi dục của Hồ Xuân Hương.

2. Theo nghĩa Việt - Hán thì *hoài niệm* là tưởng nhớ về cái đã mất, chẳng hạn hoài niệm về thời niên thiếu, về người mẹ đã qua đời... Phồn thực là việc hiện có, hiện sinh (mà rõ ràng, ngày sau mức độ còn cao hơn ngày trước). Như vậy, nói theo kiểu ông Thuý, *hoài niệm phồn thực* là tưởng nhớ về cái đang còn, đang có. Một sự vô nghĩa, khác nào đang ôm vợ trong tay lại tưởng nhớ về chính người vợ đó!
3. Tục thờ phồn thực là tín ngưỡng cổ của người Việt nhưng từ lâu, do ảnh hưởng quan niệm Phật giáo, đặc biệt là thời Trần, cho là dâm tục nên Trần Thái Tông đã bài bác, cấm đoán. Vì vậy, tục thờ này hầu như bị xoá trong tín ngưỡng Việt. Những gì còn lại chỉ là dư ảnh. Dư ảnh mờ nhạt lại bị bài xích của tín ngưỡng phồn thực mà sinh ra được một Hồ Xuân Hương thì theo lô gíc đó, những sắc tộc đang thờ phồn thực như Chăm, Khmer... hẳn sẽ sản sinh ra nhiều nhiều Hồ Xuân Hương?!

Vi những lẽ trên, chúng tôi cho rằng *hoài niệm phồn thực* tưởng như phát hiện hay ho nhưng là một khái niệm vô nghĩa! Học hỏi những người đi trước, chúng tôi cho rằng, việc áp dụng Freud để lý giải ca Hồ Xuân Hương là một giải pháp khoa học. Chỉ có thể cắt nghĩa thơ Xuân Hương là kết quả của sự thăng hoa tinh thần do bệnh lý thần kinh ứ đọng tình dục. Nhưng nếu tuyệt đối hoá điều này và coi là nguyên nhân duy nhất thì rơi vào phiến diện. Chúng tôi cho rằng hiện tượng này có cơ sở xã hội sâu xa hơn.

Theo thiên ý, những dòng suối cội nguồn làm nên hợp lưu thơ Hồ Xuân Hương là:

1. Yếu tố xã hội: Thời đại mà Hồ Xuân Hương sống, xã hội Việt Nam có những biến chuyển sâu sắc. Cùng với sự lung lay mục nát của thể chế quân chủ là một phong trào vùng dậy quật khởi của nhân dân mà đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn. Những biến động xã hội này tạo ra tinh thần dân chủ chưa từng có, làm cho con người được giải phóng về thể chất cũng như tinh thần. Đây thực sự là thời kỳ phục hưng trong lịch sử Việt Nam.
2. Yếu tố văn hoá: Được tinh thần phục hưng cổ vũ, hàng loạt tác phẩm lớn ra đời: *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm*, *Hoa tiên truyện*, *Truyện Kiều*, thơ bà Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm... Cùng với văn chương bác học, văn chương bình dân cũng đua nhau nở rộ: nhiều truyện thơ Nôm khuyết danh, càng nhiều hơn những truyện dân gian trong đó có loại truyện tiểu lâm. Những truyện dân gian này mang hai nội dung chính: chống lại sự áp bức bóc lột, đạo lý cổ hủ, hoặc giả đạo đức trong xã hội. Nội dung khác là tục và dâm phản ánh nhu cầu đòi giải phóng bản năng, vừa như vũ khí đấu tranh, vừa giúp giải tỏa ứ đọng tình dục trong xã hội thanh giáo đóng kín. Thời kỳ này do biến động xã hội nên con người cũng chuyển dịch nhiều, những câu chuyện nhanh chóng được truyền từ nơi này đến nơi khác, kích thích những tác giả dân gian sáng tác hay nhuận sắc những câu chuyện vừa nghe được.
3. Yếu tố cá nhân: Hồ Xuân Hương thuộc nền nếp con nhà nhưng gia cảnh không cho bà được sống sung túc và học cao để gia nhập tầng lớp quan liêu. Vốn học và gia cảnh chỉ cho phép bà ở mức cuối cùng của trí thức sống lẫn cùng dân gian. Với hồn thơ thiên bẩm, với vốn liếng thi ca học được, bà trở thành một trong những tác giả quần chúng vô danh mọc lên như nấm. Những tác giả khác, sau khi làm ra vài bài thơ hay câu chuyện được lưu truyền thì có thể vì hết tài không còn làm được nữa, cũng có thể vì làm ra những bài thơ, câu chuyện tục tĩu chống báng mà bị phản ứng gay gắt của hương chức của gia tộc nên tác giả "nghỉ chơi". Điều này khá phổ biến. Tôi từng chứng kiến khoảng 30-40 năm trước, làng tôi có một bà ngoài 50 tuổi, mới đọc thông viết thạo qua lớp bình dân học vụ nhưng có biệt tài làm câu đối và ghép thơ thất ngôn bát cú nói về những việc đáng cười đáng chê xảy ra ở thôn xã. Tôi còn nhớ lúc đó có anh T quá nghèo nên hay ăn trộm vặt. Một lần T bị bắt quả tang, dân quân dong lên xã. Hôm sau anh về nhà, được xã cho cái áo và mấy bơ gạo. Cũng lúc đó, hai anh em ông N và Đ là cán bộ thôn, tranh một đồng phân đánh nhau vỡ đầu phải đi cấp cứu. Lập tức câu đối: *Tổng T. ăn*

*trộm trên khen thưởng/ N, Đ tranh cướp tôn nhà thương* được truyền tụng. Sau đó còn mấy bài thơ nói về việc gian lận công điểm trong tổ đổi công. Chính quyền gọi lên cảnh cáo. Trở về bà không làm thơ về nữa. Nhiều tác giả dân gian mai một như vậy.

Riêng Xuân Hương, do hoàn cảnh là dân chợ, mới ở Thăng Long đời thứ hai, cha mất sớm, không bị ràng buộc vào gia thế, chẳng sợ gì điều tiếng và vì có thực tài nên bà cứ làm thơ, ngày càng nhiều, ngày càng thách thức dư luận và trở thành tác giả.

Ta từng biết: tính cách làm nên số phận. Một con người cá tính mạnh cùng tài năng siêu việt lại phản kháng mãnh liệt lẽ thói của xã hội, tất nhiên bị xã hội trả thù khốc liệt! Ta trách Chiêu Hồ bội bạc nhưng trong chừng mực nào cũng phải thể tất cho chàng. Chàng đỗ đạt, là “phương diện quốc gia” nên phải giữ gìn trong mọi quan hệ. Ngay chúng ta ngày nay, muốn nên người thì chuyện chọn vợ tìm chồng cũng phải vừa mắt tổ chức. Đố anh nào rắp ranh ghé cấp nọ cấp kia mà dám dính vào một người đàn bà tai tiếng cỡ Xuân Hương?! Thất bại trong cuộc đời, nhất là trong cuộc sống lứa đôi đã đẩy Xuân Hương từ người phản kháng đến mức nổi loạn. Khi mặc cảm nổi loạn đẩy lên cao, lúc đó ẩn ức tính dục cũng phát triển thành thứ bệnh tâm thần, nó khiến nhà thơ nhìn cái gì cũng mang màu sắc gợi dục. Bệnh lý này tạo nên sự thăng hoa của tinh thần ở mức nào đó nhưng khi bị đẩy lên thái quá, lại cho ra những sản phẩm bệnh hoạn, đó là những bài thơ gợi dục quá đà.

Với cuộc đời trần tục, Xuân Hương là người thất bại ê chề: không chồng không con, không danh phận. Ngay cả thơ bà cũng không được xã hội thừa nhận: không tuyển tập văn chương đương thời nào nhắc đến bà. Ngay trong tộc phả bà cũng không có được một dòng tên! Không khác gì Đạm Tiên trong *Truyện Kiều*, cả cuộc đời nàng chỉ còn lại nắm mồ vô chủ! Đây là ngón đòn thù mà xã hội cay nghiệt giáng lên số phận kẻ dám chống lại nó!

Do không có văn bản xác thực nên việc nghiên cứu thơ Hồ Xuân Hương vô cùng khó khăn. Nhiều người muốn bóc tách những bài thơ mà họ cho là lộn sòng ra khỏi thơ được coi là của Xuân Hương. Nhưng điều này dường như bất khả thi vì nếu có sự lộn sòng thì tác giả dân gian đã nhại Xuân Hương đến mức tuyệt chiêu nên không thể phân biệt được đâu là thực đâu là giả. Cũng như trong ngụ ngôn Êdốp không tách nổi nước sông khỏi nước biển! Trong tình hình như vậy, chúng ta buộc phải dùng biện pháp tình thế là chấp nhận những bài thơ hiện có là của Xuân Hương. Nhưng khi bình giảng phải làm rõ những mặt hạn chế trong thơ bà đồng thời có sự phê phán cần thiết. Nếu bỏ đi những bài như “Ông cử võ”, “Trống thủng”, “Vịnh nữ vô âm”, “Trăng thu”, tập thơ bớt được phần tục tĩu mà vẫn không mất đi phẩm chất vốn có.

## Tình dục trong ca dao và thơ Hồ Xuân Hương Thế Uyên



tranh Bùi Xuân Phái

### 1. Tình dục trong ca dao

Những nữ tác giả đầu tiên bàn tới, nhắc tới vấn đề sex (người viết dùng từ này cho ngắn gọn) trong tác phẩm của mình, là những tác giả ca dao. Ca dao vốn vô danh, làm sao biết chắc được những câu nào của nam, những câu nào của nữ? Đặt câu hỏi như thế là đúng. Người viết đã giải quyết vấn đề này một cách tương đối, tương đối thôi, căn cứ vào phong thái, văn phong của nam và nữ khi bàn, đã động đến những cơ phận nam hay nữ của mình và sự việc xảy ra khi giao hợp. Đọc nhiều truyện do các nhà văn nữ hiện đại viết, thấy các vị nữ nhân nặng về phần miêu tả y phục, cảm giác, xúc cảm... kiểu như bà Huyện Thanh Quan hay Margaret Mitchell, tác giả *Gone with the Wind* (chúng ta chỉ được biết cô Scarlett tóc đen mắt xanh leo có dáng đi gợi dục... thế thôi). Tránh né miêu tả những cơ phận nữ như đôi vú, bụng, âm mao, âm hộ, âm thủy... cũng như các động tác giao hợp, thậm chí mình có sướng hay không, một lần hay nhiều lần, cũng ếm nhẹm không nói. Trong khi các tác giả nam miêu tả chính xác những cơ phận nữ cùng động tác làm tình, cả *before* lẫn *after*. Thí dụ những ca dao dưới đây có cho là của những người nam cũng không sai mấy:

*Cô kia cắt cỏ bên sông,  
Cái váy thì cộc, cái lông thì dài.  
Thuyền chài nó trả quan hai,  
Cô không chịu bán để dài quét sân...*

Hay là những câu ca dao chọc gái sau đây, dứt khoát là của nam nhân:

*Sáng trăng vàng vạc,  
Vác cặc đi chơi,  
Gặp con vịt trời,  
Giương cung định bắn,  
Gặp cô yếm thắm,  
Đội gạo lên chùa,  
Giơ tay bóp vú,  
Khoan khoan tay chú,  
Đừng bóp vú tôi  
Hôm nay ba mươi,  
Ngày mai mồng một,  
Để tôi đội gạo  
lên chùa cúng Phật.*

*Đức Thích Ca mở miệng cười khi,  
phán: Cửa tam bảo,  
Để làm gì chẳng... bốp.*

Phía người nữ chỉ nói đến cơ phận nữ chính của mình một cách... phác thảo, thủy mặc thôi. Thí dụ như câu ca dao nổi tiếng:

*Sáng trăng suông em tưởng tối trời,  
Em ngồi em để cái sự đời em ra:  
Sự đời như cái lá đa,  
Đen như mồm chó, chém cha sự đời...*

Một thí dụ khác:

*Chị em tắm mát ngọn con sông đào,  
Cửa em thì trắng, cửa chị sao thâm thế này?  
Chị thâm bởi tại anh mây,  
Xưa kia chị cũng hạt chay đổ lòm...*

(Hạt chay: hạt trái chay ngoài Bắc màu đỏ thắm)  
Về động tác giao hợp, người nữ chỉ nói sơ sơ thôi, như:

*Của tôi tôi để đầu hè,  
Bỗng dung anh đến anh đè tôi ra,  
Kêu lên, xấu mẹ hổ cha,  
Nín thinh, ướm của tôi ra thế này...*

Người nữ thường thụ động trong vấn đề tiến tới cũng như giao hợp (và điều đó cũng đúng cho hiện nay: theo *Tờ trình Kinsey* của Mỹ thập niên 50 - gọi là tờ trình, thực ra là một cuốn sách dày cộp - nếu nhu cầu về sex của đàn ông là 5 thì đàn bà chỉ là 1 (đàn bà không dành cho sex một ưu tiên cao trong cuộc sống thường nhật của mình):

*Đương khi bếp tắt cơm sôi,  
Lợn kêu con khóc chồng đòi tòm tem.  
Bây giờ cơm đã chín rồi,  
Lợn no con nín tòm tem thì tòm.*

Ngay một vụ cưỡng hiếp, hiếm khi được nói tới trong ca dao, cũng chỉ được ghi lại bằng một giọng khá dịu dàng, chịu đựng:

*Hôm qua lên núi hái chè,  
Gặp thằng phải gió nó đè em ra,  
Em lấy nó cũng chẳng tha...  
Em càng nhúc nhích nó càng vào sâu,  
Váy em nó tốc ngang đầu,  
Vú em nó bóp bầu dậu nó chơi...*

(Thằng phải gió: lời mắng nhẹ nhất đàn bà dành cho đàn ông; bầu dậu: thời xưa những người đi bán hàng rong hay đựng dầu trong những cái bao da mềm)  
Về bài ca dao trên: phần ghi chép của tiền bối Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và sưu tập của người viết bài này chỉ đến đoạn trên. Ai biết được toàn bài, xin cho biết để bổ túc sau.

Người phụ nữ Việt Nam bình dân thời xưa không chịu ép một bề, ngoan ngoãn im lìm chịu đựng đàn ông áp chế như phụ nữ Trung Hoa, nơi phát xuất đạo Khổng nghiêm túc với các thứ như tam tòng tứ đức. Ý thức phản kháng, châm biếm thói đạo đức giả của đàn ông, ngoài miệng thì rao giảng đạo đức truyền thống dân tộc này nọ (bây giờ ở cả hải ngoại lẫn hải nội vẫn còn hiện tượng này, thường là trong giới cao tuổi) thực ra thâm tâm thường nghĩ tới phụ nữ, nhất là cái đồ đồ của họ. Phụ nữ Việt Nam dân dã đã phê phán thái độ đạo đức giả của giới quan lại một cách trực tiếp, thẳng thắn với thái độ đi gần tới cái thứ gọi là tranh đấu nữ quyền hiện nay:

*Ban ngày quan lớn như thần,  
Ban đêm quan lớn tần mần như ma.  
Ban ngày quan lớn như cha,  
Ban đêm quan lớn ngầy ngà như con...*

(Ngầy ngà: chữ cổ miền Bắc, chỉ con nít khóc lóc đòi bú tí mẹ)

Ngay cả giới kẻ sĩ nói chung, cũng bị các bà các cô phê phán thẳng thừng:

*Văn chương chữ nghĩa bề bề,  
Thần lồn ám ảnh cũng mê mẩn đời...*

Thái độ đạo đức chỉ vì tâm trạng ích kỷ "trâu buộc ghét trâu ăn, không được ăn thì đạp đổ" (tục ngữ) của truyền thống đa số dân Việt, cũng bị phê phán, bằng thứ ngôn ngữ của phụ nữ ít học thời xưa:

*Xưa kia ai cấm duyên bà,  
Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi!*

Sự đề cao trinh tiết một cách quá đáng, cũng bị phản ứng một cách đả đố chanh chua:

*Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn,  
Chính chuyên cũng chẳng sơn son mà thờ!*

Đến đây xin ngừng một chút để người viết tranh cãi với các cụ bà thời xưa một chút: dĩ nhiên không ai sơn đỏ cái đó rồi thượng lên bàn thờ mà thờ cúng, cùng lắm chỉ đội lên đầu thôi, nam nhi miền Nam thường gọi là "đạo thờ bà"... và dù tục ngữ đã có câu: *Cái lồn vợ thì gần hơn bàn thờ cha*, nhưng "lẳng lơ" mà không "mòn" cái đó, là sai trên thực tế. Nhiều nam nhân thời nay, cũng như người viết bài này, đã có nhiều dịp để thường thức tường tận những cái đó phơi bày trên những tờ báo (vẫn bán ở các tiệm sách, các quầy sách báo ở phi cảng...) chuyên về phụ nữ khoả thân như *Playboy*, *Penthouse*... đều dễ nhận thấy cái đó của những phụ nữ trẻ, ít làm tình, trông gọn ghẽ khép kín xinh xắn hơn của các phụ nữ lớn tuổi, hoặc loại "hợp chợ trên bụng cỡ dăm trăm người" (ca dao). Bởi thế các ông thường tránh lấy các cô gái nhiều bồ trai, cũng như giữ gìn vợ cẩn thận, để cái đó của vợ mình lúc nào cũng "tun hút như hang thỏ", chứ không "toang hoác quá lỗ trên" (thơ cổ truyền khẩu)... Gần đây ngành giải phẫu thẩm mỹ tiến bộ và phát triển đến độ ở nội địa cũng như hải ngoại, có thể đại tu, *tune-up* lại một số bộ phận trên cơ thể phụ nữ cho trở thành gần như mới, hoặc làm cho to hơn, phồng hơn. Nhất là những cái "lá đa" đã bị "mòn", bị rộng ra vì quá "lẳng lơ" hoặc sinh con đẻ cái nhiều.

Lùi lại một khoảng cách mà nhận xét chung, để thấy phụ nữ Việt Nam nói chung không có mặc cảm tội lỗi, xấu xa về cái giống của mình như phụ nữ Thiên chúa giáo. Họ nhắc tới một cách



thường là đùa cợt hay âu yếm cái "lá đa, lá vông" của mình, và coi những chức năng của "nó" trong việc giao hợp, sinh nở... là tự nhiên, không việc gì phải xấu hổ, giấu giếm như trong nhiều nền văn hoá văn minh khác.

## 2. Bạch hoá tình dục trong thơ Hồ Xuân Hương

Những ca dao trích dẫn ở phần trên nguyên gốc là văn chương truyền khẩu, đến thập niên 30 của thế kỷ 20 mới được Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc sưu tập và viết thành văn tự, in thành sách nhan đề *Phong dao tục ngữ*. Thời đó di chuyển khó khăn, ông Ngọc mới chỉ sưu tập được ở phần đất Bắc kỳ, chưa đủ động tới Trung kỳ, Nam kỳ. Vậy nhà văn nữ mà bàn tới tình dục trong tác phẩm *Thành văn* của mình, tính từ lúc Ngô Quyền lập quốc thế kỷ thứ 10 cho đến thế kỷ 19, vẫn chỉ có nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương.

Gần đây có một số nhà biên khảo Việt Nam ở Âu châu cố gắng chứng minh rằng có thật một Hồ Xuân Hương từng có thời là người tình của Nguyễn Du, nhưng cái bà Hồ Xuân Hương "mới tìm thấy" này thường chỉ làm thơ chữ Hán đứng đắn nghiêm túc như bà Huyện Thanh Quan vậy, không liên quan đến bà Hồ Xuân Hương chuyên làm thơ nôm hài hước châm biếm về tình dục quen thuộc với chúng ta từ trước đến nay. Bà này nói tới cái giống đàn bà, đôi khi cái giống đàn ông, và vấn đề giao hợp một cách vui vẻ cười cợt, bằng một bút pháp hai nghĩa và một vài thủ thuật về chữ nghĩa. Thời bà, chưa có các cơ quan kiểm duyệt và các tổ chức "bảo vệ sự trong trắng của con nít" cho đến năm 18 tuổi (ở Mỹ), đến già như ở nội địa Việt Nam hiện nay, nhưng bà làm thơ khéo léo, luồn lách hay đến độ phải là người lớn mới có thể đoán ra, hiểu được ý nghĩa đúng thật của lời thơ câu thơ.

Thủ thuật nói lái:

*Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc,  
Trái gió cho nên phải lộn lèo...*

(Lộn lèo: lẹo lồn)

Thủ thuật dùng chữ ngược chỗ: Thí dụ như chữ "người quân tử" đầy nghiêm túc với tu thân đủ loại... của văn minh Trung Quốc/ Việt Nam, bà đem dùng chỉ người đàn ông đang ở *vị thế tình dục* đủ loại đủ kiểu, kể cả coi cợt.

Về động tác đàn ông sờ l...:

*Quân tử có thương thì đóng nõ  
Xin đừng mân mó nhựa ra tay.*

(Muốn trái mít chóng chín, người ta thường đóng một khúc gỗ vào cuống trái mít, cũng chỉ đàn ông nếu muốn giao hợp thì cho cái đó của mình nhập cung, đừng sờ soạng mân mê nhiều đâm thủng làm ướt tay.)

Về người đàn ông coi trộm phụ nữ ngủ ngày quần áo xốc xếch phơi bày thân thể:

*Đôi gò bông đảo sương còn ngậm,  
Một lách đào nguyên suối chứa thông...  
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt,  
Đi thì cũng dở, ở không xong.*

(Phụ nữ miền Bắc thời xưa trời nóng chỉ mặc yếm, không mặc áo và mặc váy ngắn không đờ

lót, nên khi ngủ họ hờ nhiều hơn phụ nữ thời nay.)

Những từ chỉ dùng trong những lúc xưng hô nghiêm túc, như *chàng* và *thiếp*, Hồ Xuân Hương dùng ngay trong trường hợp trai gái giao hợp:

*Chàng với thiếp đêm hôm trần trọc,  
Đét đồn lên đánh cuộc cờ người...  
Mới đầu vào chàng liền nháy ngựa,  
Thiếp vội vàng vén phứa tịnh lên,...  
Hai xe hà chàng gác hai bên,  
Thiếp sợ bí thiếp liền nghênh sĩ.  
Chàng thừa cơ thiếp đang khi bất ý,  
Đem tốt đầu dú dí vô cung...*

Thủ thuật chính Hồ Xuân Hương hay dùng, qua thí dụ dễ thấy như trong bài thơ trên, là lối khẩu khí ngược ngạo, phồn thực. Thơ khẩu khí hay khẩu khí bình thường là thứ thơ Lê Thánh Tông hay dùng nhất trong mọi thi sĩ thời xưa, là tả một vật, con vật hay sự việc bình thường, nhưng chọn chữ đặt câu chọn lọc khéo léo như thế nào để làm người đọc phải nghĩ tới một vật, con vật hay sự việc quan trọng hay lớn lao hơn nhiều. Tả một con cóc nhưng làm độc giả nghĩ tới một ông chúa hay vua, tả một vật trong nhà như cái chổi nhưng làm người đọc nghĩ tới một vị tướng tài ba... Lê Thánh Tông hay làm loại thơ này cốt để chứng tỏ mình đích thực là con vua cháu chúa, vì mẹ ông là con bà thứ, bị hoàng hậu ghen, phải trốn khỏi cung điện nên Lê Thánh Tông lớn lên ở bên ngoài hoàng thành.

Còn thủ thuật khẩu khí ngược ngạo, phồn thực của Hồ Xuân Hương là tả một vật bình thường, vô tính như cái quạt, hoặc một món quà như bánh trôi, một hang động ngoài thiên nhiên, hay một sự việc rất bình thường như chơi cờ người... nhưng bà dùng chữ, hình ảnh như thế nào để bắt buộc người đọc phải nghĩ tới các cơ phận nữ như vú, âm hộ, hay việc giao hợp:

*Cửa son đỏ hoét tùm hum nóc,  
Hòn đá xanh li lún phún râu...  
Đằm đìa cành liễu hạt sương gieo...  
(Hang Cốc Cờ: âm hộ mở)*

Những thủ thuật văn chương Hồ Xuân Hương (và các tác giả ca dao) đã dùng, thường là dễ hiểu cho người Việt, nhưng chuyển ra một ngôn ngữ khác, do cấu trúc ngôn ngữ khác biệt, thường là khó hiểu và khó dịch. Truyện chơi chữ, đảo ngữ, đồng âm dị nghĩa, chữ hai nghĩa... trong Anh Pháp cũng có nhưng ít, và thường là ít gây hào hứng. Gần đây có bản dịch thơ Hồ Xuân Hương sang Anh ngữ của một giáo sư Mỹ miền nam California, tôi chưa được đọc nên không biết ông dịch thơ của Hồ Xuân Hương làm thơ chữ Hán đứng đắn hơn cả bà Huyện Thanh Quan, hay bà Hồ Xuân Hương chữ nôm quen thuộc với chúng ta. Và hơn nữa, liệu ông dùng chữ Anh ra sao... Dịch cái quạt đúng là cái quạt, cái hang đúng là hang động, đánh cờ là đánh cờ quốc tế... thì đúng dịch là phản như các cụ bên Tây thế kỷ 19 đã nói. Chưa kể người dịch có mắc những lỗi sơ đẳng như: *mulberry sea* (bể dâu), phòng khuê lạnh lũng (*cold bedroom*)... hay không...

Đã bàn về chữ nghĩa thì bàn thêm: người viết bài này, trong phần đầu của bài, khi nhắc tới cái đó của phụ nữ thì gọi bằng chữ nôm, chữ Việt thuần túy, là cái lồn. Không viết l... như Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc hay các cụ Việt Nam hoặc Mỹ trắng Mỹ đen hiện nay vì nghĩ rằng hậu sinh phải tiến bộ hơn tiền bối. Chữ nào viết đúng chữ đó, không việc gì phải chỉ viết phụ âm đầu rồi chấm chấm chấm... Nhưng càng viết về sau càng cảm thấy người đọc nói chung chưa quen với

lỗi viết thẳng thường, thẳng thắn như vậy, nên lại lùi về lỗi viết l..., b..., c... dù biết rằng lỗi viết đó dễ gây lầm lẫn. Trừ chữ l... đọc đáo ai cũng hiểu ngay và hiểu đúng là cái gì, còn viết b... thì có thể lẫn giữa buôi và bôi, viết c... còn dễ lẫn hơn nữa, vì c... có thể là cặc, cu hay cứt... Nhưng thôi, thói quen chung vẫn là ưu thẳng, người viết không muốn gây "sốc", vương mắt vô ích cho người đọc, nên trở lại lỗi viết phụ âm chấm chấm chấm, mỗi khi đụng độ với những thứ mà người Mỹ hay gọi là *four letter words*.

\*\*\*

**Phụ đính II :**

## Đêm Cổ Nguyệt Đường Nguyễn Quang Thân

*Tôi chưa đọc thấy ở đâu viết rằng Xuân Hương đẹp.  
Thậm chí có người còn cho rằng nàng không có nhan sắc.*

Nhưng tôi tin nàng đẹp  
*Tài năng có bộ mặt riêng, vẻ đẹp riêng, dù thế nào, ít gì sánh được.*

Ở làng Quỳnh không ai ưa cô gái ấy. Bọn trai làng thì coi ta coi như củ khoai. Các vị bô lão tự cho mình cái quyền chê bai người khác thì không chịu nổi con bé mới nứt mắt kia lại dám báng bổ, lăng lợ, trêu chọc cả sư. Mấy ông đồ, ông Tú, cả ông đầu xứ Thanh Vân thì bị cô diều bằng thơ, đặt tên tuổi khả kính của các ông vào mồm trẻ trâu để chúng rêu rao khắp hang cùng ngõ hẻm. Không làm gì được cô ta. Không anh đàn ông nào thắng nổi đàn bà huống gì người đàn bà đó lại là Xuân Hương. Và một hôm, ông đầu xứ Thanh Vân, trong một cuộc rượu thưởng hoa, khi bị mấy anh học trò hồng thi trong vùng căn vặn về mối tình giữa ông với cô gái làng Quỳnh, đã bất ngờ thốt lên : “ Vân này thềm vào ngữ cá rô đực ấy!” A! Xuân Hương chỉ có cái mã bên ngoài! Xuân Hương không phải đàn bà mà là con cá rô đực! Câu nói lúc đầu chỉ bất chợt là miếng chạy làng của ông đầu xứ đang ngà ngà. Nhưng nó nhanh chóng trở thành vũ khí cho những ai không chịu nổi cô gái làng Quỳnh. Những người đó, trước đây vẫn thường nói “cái nét đánh chết cái đẹp” của Xuân Hương nay cho rằng cái đẹp chưa từng có nên nó chưa hề bị đánh chết. Và không còn gì phải để tâm đến cô gái chanh chua, đanh đá kia vì cô ta đâu phải là đàn bà, còn cái nét thì cũng chẳng ra gì để mà châm chọc cho một cô gái đẹp mà không có gì để sinh con đẻ cái cho nhà chồng. Và thế là Xuân Hương trở thành miếng dẻ rách trước mắt những người từng theo đuổi cô, hâm mộ cô, say mê cô mà chưa hề được đáp lại dù chỉ một cái nhìn tử tế và thiện cảm. Cứ như người ta nói với nhau thì, phải tin ông đầu xứ Thanh Vân vì ông ấy mê đắm Xuân Hương và có lẽ là người duy nhất trong làng có quyền nói về chuyện đó. Vậy phỏng cô ta còn là cái gì nữa trước mắt người làng ? Cái sắc đẹp nhìn thấy chỉ là trò lừa lọc của trời đất hay là sản phẩm của phù thủy thì cũng thế.

Đó là những ngày bi thảm nhất của Xuân Hương. Nàng coi nhan sắc cũng chỉ là trò đùa của Tạo Hoá, trong chiếc hộp sơn ta màu đen của nàng có nhiều thứ, nhưng không hề có một cái gương. Gương là thứ đồ dùng đắt tiền, nhưng không phải vì thế mà mẹ không mua được cho nàng một chiếc. Nàng không muốn soi gương, thế thôi. Khi giỗ Tết hay có việc đi đâu, nàng chải tóc trước tấm gương Tàu bằng đồng gán trên vách gỗ gần ban thờ. Thế nhưng cũng nhiều khi nàng dừng lại một vũng nước trong vườn nhìn xuống và thấy mình đẹp. Những lúc đó nàng sung sướng, trở lại là một cô thôn nữ nhu mì, hồn nhiên. Giờ thì bọn người đó đã xua đuổi nàng, họ xua đuổi và căm thù sắc đẹp của nàng vì không mặt nào với tới được. Nàng đẹp, hiền nhiên. Giờ đây, lũ trẻ trâu làng Quỳnh xâu hạt bưởi thành chuỗi như gắp chả nướng, đốt lên làm đèn, rỗng rần trước cái cổng gỗ mít thâm nghiêm của nhà nàng, hát : *Làng Quỳnh có chị Xuân Hương - Đẹp thì có đẹp mà không...* và những tiếng tục tĩu lộn mửa ngụ ý nàng chỉ là

một thứ không dùng để làm gì. Ai đã làm ra mấy câu về con cóc thô bỉ ấy, nàng không thèm biết, thèm chấp. Cái hĩm Xoan, nửa bạn nửa người hầu, con gái một ông tá điền đã mấy đời bảo người làm ra mấy câu về ấy là ông đầu xứ Thanh Vân. Nàng không tin. Nàng nghe nói Thanh Vân có nói gì đó trong bữa rượu thường hoa Quỳnh. Đó là nói trên chiếu rượu, do sĩ diện với lũ bạn lêu lổng và cũng còn do nỗi đau khổ tận cùng trong trái tim ông ta nữa. Bạn bè của ông ta nhiều kẻ vô tướng bất tài. Nhưng ông ta thì không đến nỗi. Nàng biết, ông đầu xứ yêu nàng mê mết nhiều năm nay. Ông ta chịu đựng những bài thơ và lời ong châm của nàng như một con trâu điếc, quỳ gối trước mặt nàng nếu nàng chịu vỗ về ông ta dù chỉ bằng một ánh mắt. Ông ta không phải người có tâm địa dè dặt nàng xuống đất để lấp liếm sự bất tài và lòng dạ xấu xa, đạo đức giả vờ. “ Trong bụng họ toàn cứt trâu!” Chính ông ta bảo Xuân Hương thế. Nàng cần chịu đựng đòn thù tuy trong bụng cũng núng, không biết thoát ra khỏi cái giỏ cua đồng này như thế nào đây.

Thế rồi, thân phụ mất. Đại tang trên trời rơi xuống. Trong nhà chồng không ai để mắt tới phận lẽ mọn của mẹ nàng và đứa con cô. Chỉ còn tính nước về quê ngoại xứ Bắc, miếng đất trồng hoa ven La Thành. Cũng là dịp may để trốn khỏi miệng lưỡi những kẻ tiểu nhân không có tài cán gì hơn là đổ kỹ tài thơ và thù ghét cái Đẹp. “ Mẹ con mình ở lại đây thì làm sao con có chồng!”, mẹ nói. Bà đã khổ một đời vì cảnh chồng chung. Vậy mà vẫn làm mọi việc để con gái bà có chồng. Mẹ nàng là thế.

Thăng Long từ đó có Hồ Xuân Hương, người đẹp Cổ Nguyệt Đường.

\*\*\*

Trong những ngày tao loạn thời Lê mạt ấy, kinh thành như một phiên chợ họp trái phiên. Lính tráng cướp bóc giữa ban ngày còn tiếng chuông chùa Trấn Quốc thì loạc choạc lúc có lúc không. Xuân Hương bước xuống thuyền thúng, cầm mái dầm dấy nó vào đám sen. Búp sen, gương sen và cả lá sen đều bán được. Nàng cúi nhìn khuôn mặt mình trong nước hồ Tây, rùng mình. Vó câu qua cửa sổ, người xưa nói thế mà đúng. Nhà có u già giúp việc nhưng u không hái sen, đi chợ được nữa. U hết sức rồi. Hai mẹ con mang u từ Quỳnh Lưu ra đây sau khi cha mất, gọi là để trả ơn đền nghĩa u nuôi nàng từ tấm bé. Ba miệng ăn mà chỉ trông vào mấy sào đất trồng dâu, trồng hoa. Sen thì mẹ nàng thầu được một đám của phường Khán Xuân, cũng có việc cho nàng trong suốt cả mùa hè. U Nghĩa cứ đòi về quê, Xuân Hương can: “ Ai nuôi u ở cái xứ gió Lào ấy? U về làm gì?” U nói : “ Nhà toàn đàn bà. Tôi đi để bớt được một người. ” Xuân Hương hiểu ý u. Nàng nói : “ Con bắt một thằng rể về cho nó hầu mẹ với u!” U Nghĩa nguýt: “Người ta cùng lứa đã có nơi có chốn cả rồi. Đàng này...” Nàng biết trên đời này chỉ có u là kiêu hãnh vì tính nét khác người cũng như sắc đẹp và tài thơ của nàng. U không học chữ, không tụng kinh. Nhưng u hiểu nàng. Mẹ thường trách mắng nàng vì những trò tinh quái, những bài thơ đọc mồm đọc miệng, trách thật sự, lo gia phong bị hoen ố. U Nghĩa thỉnh thoảng cũng hòa theo mẹ mắng nàng. Nhưng miệng thì mắng mà nụ cười trên môi u như tự hào, như ngầm bảo: “Con này giỏi!” Đầu xứ Thanh Vân mê nàng, nhưng không hiểu nàng. Một kẻ si tình vụn, đồng lửa rơm trước ngọn lửa ma quái trong đôi mắt lá liễu bí ẩn của nàng. Cái đồng rơm mục ấy cháy được bao lâu?. Còn lũ đạo đức giả ở làng Quỳnh thì chẳng chấp làm gì. Suốt đời họ tranh nhau miếng bê thui, cái đầu gà giữa đình hay giết nhau, thù ghét nhau đến mấy đời vì chiếu trên chiếu dưới. Chính họ đã xua đuổi mẹ con nàng ra khỏi quê hương. Vì sao? Chẳng vì sao cả. Chỉ vì nàng là Xuân Hương mà không phải là họ, thế thôi.

Những bông sen nở sẵn như chào đón người đẹp đang lách chiếc thuyền câu vào giữa rừng sen. Sương buổi sáng đọng thành vũng giữa đón lá, thỉnh thoảng lại đổ xuống mặt nước ào ào như trời mưa. Tay bôi dầm, tay hái hoa, Xuân Hương tự xoay người, đưa ngực ra gạt đám cọng sen đổ nghiêng lên vai. Cái yếm dũi ướt sũng. Chỉ một lúc, hai cái giỏ đựng hoa trong

chiếc thuyền con đã gần đầy. Đôi gò má của Xuân Hương đỏ hồng, mồ hôi lấm tấm. Nắng đã lên. Trong đám sen ven hồ phía xa là thuyền các cô hàng xóm lúc ẩn lúc hiện. Xuân Hương bơi thuyền ra một chỗ trống, nước lặng như tờ, một đàn sâm cầm bay vụt lên. Chúng hút mắt nhìn về phía dãy Tam Đảo lơ mờ trên làng Quảng Bá. Nàng cúi mình xuống giém tóc. Hình như hoa biết mai là ngày vọng, vừa phong nhụy chúm chím, hoa nở cũng nhiều mà gương cũng nhiều. Khéo phải oằn lưng mà gánh ra đầu Yên Phụ, sẽ có lái trong phố ra, bao nhiêu họ cũng mua hết. Chợt nàng nhớ ra bó hoa sen phải dành tiễn ông huyện Thọ Xương. Ông ta, một người để bộ ria mép cá trê đen nhánh, si tình và thích những nhiễu. Nhưng mẹ con nàng chịu ơn ông ta từ ngày ra Thăng Long, những ngày tứ cố vô thân, bên ngoài nghèo rớt, chỉ còn mỗi miếng đất cần. Ông ta muốn nàng về làm lẽ. Làm lẽ! Tại sao từ trước tới nay, ai đến với nàng cũng chỉ muốn lấy nàng làm lẽ. U Nghĩa bảo : “ Vì chị đẹp, thơ chị chọc thủng lỗ tai người ta. Vợ cả phải tử tế. Vợ lẽ thì phải đẹp” Nàng cãi : “ U bảo con không tử tế à ?” U nguyệt : “Vâng, chị hiền lành, chị tử tế !” U vẫn thường nói ngược như thế và nàng thấy mỗi ngày u càng hiểu nàng hơn, quý nàng hơn, hiểu nàng còn hơn cả mẹ nàng. Bó hoa là cái nợ Liễu Thăng thay thế cho việc nàng đã dám thẳng thừng từ chối người ơn. Thực ra thì nàng không chắc ông quan huyện có hàng ria mép cá trê đen nhánh lại yêu hoa sen đến thế. Ông đòi trả tiền, nàng không nghe. Mỗi tháng nàng “tặng” ông ấy bó hoa cho khỏi mang tiếng là mẹ con nàng không có đầu cuối. Có lần nàng nhờ con Lài đưa hoa hộ. Ông huyện nhất định không nghe. Ông đòi nàng phải tự tay đưa hoa đến. Ông không sàm sỡ, mà trọng thị. Nhiều lần ông bỏ dở chuyện công đường để vào phòng khách tiếp nàng. Xuân Hương đưa hoa, ông huyện nhận, cảm ơn và nhìn nàng với đôi mắt tiếc nuối. Nhưng mỗi tháng một bó hoa. Có lẽ đến ngày Hồ Tây hết sen mới trả xong!

- Chị Xuân Hương ơi! Có người tìm chị này!

Cô Lài hàng xóm gọi nàng. Xuân Hương nhìn mãi vẫn không thấy nó ở đâu. Chắc là nấp đầu đó trong đám sen. Nàng nhóng mắt, ngơ ngác hướng về phía tiếng gọi, tìm kiếm. Bỗng từ trong đám sen nhà Lài, cái mũi thuyền nhô ra. Đầu thuyền một người đàn ông ngồi, lấy tay che mắt vì chói nắng. Chiếc thuyền lộ dần và nàng nhận ra Nguyễn. Ông quan võ hôm nay mặc áo lương, khăn đóng, hai tay cho vào dưới vạt áo. Mắt ông ta nhìn nàng háo hức và tinh nghịch như một chàng trai xứ Nghệ đi hội làng. Nàng nhớ lại hôm ông ta giải thoát nàng khỏi mấy tay học trò quỷ quái bên hồ Tây, hai người quen nhau và nàng có lời mời ông ta đến nhà chơi. Mẹ nàng rất mừng, nhận ra cậu ấm Du con quan quận công làng Tiên Điền vốn trước đây có quen biết thân phụ bà ở Kinh Bắc. Từ đó hẳn có việc về Thăng Long là Nguyễn đến thăm nàng. Lúc đầu, khi thấy ông xoắn xuýt mình, nàng xù lên như xưa nay vẫn thế. Nhưng vẻ dịu dàng thật đặc biệt của Nguyễn với nàng, sự hào phóng chàng dành cho cảnh nhà bần hàn của mẹ con nàng đã nhiều khi làm nàng cảm động. Tình cảm nàng thay đổi lúc nào không hay. Nàng mềm mại, yếu đuối hơn chứ không “đáo đẽ” như chính lời nhận xét ban đầu của Nguyễn. Và Xuân Hương hoảng sợ khi nhận ra điều đó. Nàng sợ nhất là tính nhẹ dạ. Khéo nàng đang nhẹ dạ.

- Ông tìm em ạ ? - nàng hỏi, ngoan ngoãn, không đánh đá, chanh chua như đối với nhiều người đàn ông khi họ đòi gặp nàng.

- Tôi vừa ở Thái về. Nghe ông cử Hoan bảo là cô ốm, tôi đến thăm thì cụ bảo cô còn ở ngoài này.

- Sao ông không chờ em về. Ra đây làm gì cho nắng.

Nguyễn chăm chú nhìn nàng. Đôi vạt áo và cái yếm ướt sũng vì sương. Hai bàn tay đen nhựa sen, có những vết cứa rớm máu. Chàng nhớ lại những dinh thự, lâu đài, những bữa tiệc tùng thâu đêm suốt sáng thời trẻ ở Thăng Long, khi thân phụ chàng, một người quảng giao, thích đãi đằng và trong nhà lúc nào cũng phải có mỹ nhân và môn khách. Nhưng liệu trong số người đẹp Thăng Long bọc trong lụa là gấm vóc và được tưới bằng rượu ngon trong lầu son gác tía ấy ai có được một thân hình và đôi mắt trong biếc, giọng nói vừa êm dịu vừa lạnh lạnh và chứa một nội lực làm say đắm lòng người như cô gái hái sen đứng trong thuyền trước mặt chàng đây ? Chàng không còn nghĩ tới nữ sĩ Xuân Hương với những bài thơ đầy tứ lạ, sắc sảo, vỗ mặt thói giả dối của thiên hạ mà chỉ còn lại trong lòng chàng một cô hái sen đẹp và tươi tắn, yêu đời trong nắng sớm.

\*\*\*

Xuân Hương phải về sớm vì nhà có khách. Nàng phải gánh sen lên dốc Yên Phụ bán vội cho một người quen, nhân thể mua ít thức ăn, trong đầu lúc nào cũng nghĩ tới người khách đang chờ mình ở nhà. Nguyễn thì đang dạo quanh vườn cây cảnh bé tý. Mẹ nàng nói : “ Các ông trong thành mang đến cho cả đấy. Nhưng nó có ngó ngang gì đến đâu!” Chàng nhìn một bó hoa sen khoảng mười bông bọc trong lá sen dựng cánh bề nước, hỏi : “ Cô Hương quên bó hoa này rồi!” Bà mẹ nói:“Hoa của ông huyện Thọ Xương đấy. Rằm nào con Hương cũng phải đưa lên tận nhà tặng quan.” Nguyễn thấy nhói trong ngực. Chàng nhìn bó hoa cạnh bề nước, mím môi. Một cơn giận pha lẫn ghen tuông thắt bóp tim chàng. Trong đầu chàng những câu thơ như xếp hàng lần lượt hiện ra. Chàng không thể vào thư phòng của chủ nhân để ghi lại nó và chỉ còn mỗi cách là cố nhớ lấy đừng quên mất. Chàng ngây ngất với những vần thơ đang xô đẩy nhau trong đầu mình.

Hôm đó chàng ở lại Cổ Nguyệt Đường. Xuân Hương như một người khác hẳn lúc sáng. Nàng đốt mười hai cây nến trong phòng khách nhà ngoài, cho trầm vào một cái đỉnh cổ nhỏ xíu. Rồi trải lên bàn một tờ *hoa tiên*, nói : “ Nghe ông Tú Tiên Điền có thư pháp của họ Vương. Xin ông Tú một bài thơ cho hai mẹ con được thưởng thức lúc nhàn rỗi”. Nàng gọi Nguyễn là ông Tú tuy ông ấy chưa hề dính được cái tú tài, cái *tam trường* của ông thì nàng chẳng muốn nói. Còn thư pháp Vương Hy Chi ? Nàng có nghe ai đó nói Nguyễn viết đẹp, tiện mồm thì nói thế thôi chứ chưa bao giờ nàng thích treo chữ của ai trong nhà. Thân phụ nàng cũng thế. Nàng chỉ sợ những bài thơ mà Nguyễn đã một hai lần đọc cho nghe nhưng chưa lần nào chép lại cho nàng giữ. Nàng sợ cái mạch thơ sâu lắng, đau đời và trang nhã của Nguyễn. Nàng tự cho thơ mình trang nhã. Thơ Xuân Hương mà trang nhã ? Mấy ông hay chữ quanh Tây Hồ cười nhạo với nhau về chuyện đó. Thực ra họ không hiểu đầy thôi. Những bài thơ nôm đả đố của nàng thường được bật ra khi lòng nàng quặn thắt. Nàng không thể dịu dàng trong thơ. Nhưng lòng nàng thì mong manh và mềm yếu. Ai hiểu được lòng nàng?

Dưới ánh sáng của nến, Nguyễn muốn viết lên tờ hoa tiên làng Bưởi bài *Hái sen*. Nhưng chàng không thể viết xong bài thơ. Vì Xuân Hương đứng cạnh chàng, mãi mê đưa mắt theo từng nét mực Tàu lần lượt hiện lên dưới tay chàng. Tấm lưng với chỗ thắt eo mềm mại mà chiếc áo lụa không che giấu nổi làm chàng bối rối. Một “phận đàn bà” đang ở bên cạnh chàng. Chữ viết của chàng bắt đầu nghiêng ngả, lộn xộn. Một vài vần thơ bị thất vận không thể bỏ qua. Số phận người con gái bên bờ Hồ Tây chỉ hiện ra trong trực giác mơ hồ của chàng, qua những bài thơ kỳ lạ người đời truyền tụng đến tai chàng, một số phận làm tim chàng tan nát. Năm tháng sẽ trôi qua và người đẹp ở Cổ Nguyệt Đường sẽ hiểu vì sao chàng đành bỏ dở bài thơ. Chàng biết mình chỉ có một đêm để sống chứ không phải để làm thơ. Nguyễn đặt bút xuống. Trên tờ giấy hoa tiên chỉ mới có hai câu viết nét chữ thảo :

*Hoa tặng người mình sợ  
Gương tặng người mình yêu...*

Xuân Hương cầm tờ giấy lên. Nàng đọc, thấy thương mình, thương đời. Và nàng bật khóc. Lần đầu tiên nàng khóc trước mặt một người đàn ông.

\*\*\*

Hàng chục năm sau, khi làm quan Cai bạ ở Quảng Bình, trong một đêm giữa cảnh *Tầm dương đất trích*, Nguyễn Du chợt tỉnh sau một giấc mộng. Gối ông ướt đầm nước mắt. Ông ngồi dậy, bước đến án thư, mở hộp văn phòng tứ bảo ra và viết một mạch bài thơ *Mộng đắc thái liên*, nằm mộng thấy hái sen, một bài thơ thực ra ông đã làm nhiều năm trước bên cạnh người

đẹp họ Hồ. Ngày đó đời là thực. Còn ở tuổi ngoại tứ tuần, tất cả chỉ còn là một giấc mộng. Ông chợt nhớ về một con người, một vẻ đẹp một tình yêu không bao giờ lại đến với ông nữa. Và bầu không trung êm ả bên hồ Tây như lãng đãng đâu đây.

Còn ông đầu xứ làng Quỳnh ? Có một câu chuyện truyền miệng ở vùng Quỳnh Lưu kể rằng, ông đầu xứ Thanh Vân, mãi đến bạc đầu vẫn không yêu ai, không lấy vợ và cũng bỏ luôn việc lều chõng. Ông luôn cho rằng chính mình đã xua đuổi Xuân Hương ra Thăng Long. Và khi nghe tin nàng lấy lẽ ông Hiệp trấn Quảng Yên, ông đầu xứ biến mất. Người ta đoán ông đã tìm cái chết bằng cách chui vào một hang đá ở núi Hai Vai và ở lại trong đó luôn. Chuyện này có cơ sở vì mãi tới gần đây, một người hái củi trốn mưa cả buổi trong hang đá , anh ta nhặt những thanh củi bó lại, hý hửng gánh về đi chợ bán. Nhưng khi người mua giở bó củi ra xem, phát hiện ra trong đó có lẫn nhiều khúc xương người. Người làng Quỳnh bảo đó là di cốt của ông đầu xứ Thanh Vân, người đã từng khinh suất trước tình yêu và cái Đẹp.

## Người vợ lẽ phường Khán Xuân Nguyễn Quang Thân

Con chó ốm nhách ghéch mõm ra cổng sửa mấy tiếng. Nó mệt lắm, chán lắm rồi. Khách gì mà đông thế. Mà nào khách có ra khách, toàn lũ nhà thơ ốm đói. Bà u già vốn mát tính là thế cũng nhăn mặt, bước vào buồng cô chủ, bộ xà tích kêu lách cách. Xuân hương đang dính nốt cái giải yếm, ngẩng đầu lên. "Lại khách hở bu?" - nàng hỏi, buồng cái yếm xuống đùi: "Bu đợi em mặc xong quần áo rồi hẵng mở cổng u nhé!" Bà u già te tát: "Tôi còn phải vào Thọ Xương mượn người ươm tơ, cô thì luộc sen để rồi thiu thối ra đó, e qua Tết vẫn chưa thành mút. Cứ khách thế này thì hai u con chết đói mất thôi. Hay là tôi bảo người ta là cô đi vắng?" Xuân Hương nhõn cười như là nàng thích được mắng ấy. Từ ngày mẹ nàng đưa nàng ra Thăng Long, rồi mẹ mất, nàng coi u già như mẹ. Sợ nhất là những lúc u giận giọng u cứ ngọt xót dạ thừa cô, dạ thừa cô như mía lùi. Nàng đứng dậy.

"Thì u đuổi người ta đi cho con nhờ, con đang buồn ngủ díp cả mắt lại đây."

"Thôi đi, nỡm. Tôi mà đuổi khách thì cô ế, cô bắt tôi hầu suốt đời ấy à? " U già đã quay đi nửa bước nhưng vẫn chưa tha:

"Lần này thì liệu mà giữ lấy yếm đấy nhé!"



tranh Bùi Xuân Phái

Xuân Hương nguyệt một cái dài: "U ác thế!" Nàng còn nắm cái yếm, chẳng cần khâu lại cái giải đứt, nhưng từ sáng đến giờ nàng vẫn lấy cái yếm ấy ra. Đời nàng tan nát như miếng vải, rách đi vá lại nhiều lần, u già biết, cả thành Thăng Long đều biết. Cái yếm rách chẳng là cái quái gì!



Trước sau chỉ có mỗi u già thương nàng. Còn bọn họ, những kẻ van nài, thề thốt, xin xỏ, khi cơn lên thì quỳ mọp dưới chân nàng như chó con. Cái mớ người lân la đến Cổ Nguyệt Đường của nàng có đủ loại, học trò, khoa bảng, quan văn lẫn quan võ hai, ba triều vua, già và trẻ, dê cỏn và dê cụ, anh nào cũng biết làm vài câu thơ và tưởng ghép vần được là có thể đánh bạn với nàng, có quyền bắt nàng thù tiếp. Nhưng xem ra thơ phú với bọn họ chỉ để kiếm một chức quan và tán gái. Phong hoa tuyết nguyệt cũng chỉ là giả vờ, anh nào cũng nhằm nhằm vào *cái* ấy. Chẳng thà họ đến với nàng như đến với một cô gái đang thì, như lũ con trai ngỗ ngược làng Quỳnh trong những câu chuyện mẹ nàng kể khi nhớ lại quãng đời làm dâu xứ Nghệ. Chẳng thà...

Chẳng thà như ông ấy! Tối qua ông ấy đến khi nhà đã lên đèn. U già bảo ngày nguyệt kỵ không tiếp ai. Khách không chịu đi. Lúc đó nàng đang hái nốt mớ dâu gần cổng. Nàng nhìn rõ người khách ngồi trên lưng ngựa dưới trăng. Khách lạ. Không đi xe, không mang theo tiểu đồng, chỉ có tay nải tòn ten bên vai. Và trên lưng một con ngựa chiến. Một chút trác ẩn, một chút hiếu kỳ, nàng đặt mớ dâu xuống đất, bước lại.

"Thưa, Cổ Nguyệt Đường không phải nhà chùa, nhưng nếu ông lỡ bước, xin mời xuống ngựa, vào nhà xơi chén trà mọn". Nàng nhún hai tiếng *xuống ngựa* như muốn nhắc khéo khách.

Khách đáp: "Kể thì cũng đường đột, nhưng tôi không khát nước, chỉ khát gặp người tài. Tôi xin gặp cô Xuân Hương". Thứ tiếng đàng trong quá quen thuộc với nàng. Cả cái cung cách đến nhà đàn bà con gái vào giờ này, cái vẻ ngang tàng kẹp chân vào hông ngựa "đòi gặp người tài" như một ông quan võ đi thúc thuế làm nàng thú vị.

U già nói: "Cô tôi đang đứng trước mặt ông, thế là ông đã gặp rồi".

Khách không chút kiêu cách, cũng không cúi chào, nhẹ nhàng xuống ngựa, nói:

"Vậy thì may quá, tôi đã được mời vào nhà". Rồi nhanh chân dắt ngựa bước qua cổng. Con ngựa tía ngửi được mùi cỏ trong vườn, rũ bồm, đập đuôi, hí khê một tràng.

"Ông cột ngựa vào gốc muỗm. Nhà còn ít ngô vẫn dành cho ngựa của khách, để tôi bảo u già".

Khách bảo: ""Tôi có mang theo thóc đây". Ông rút một bao vải bên yên đưa treo dưới cổ ngựa.

Nàng nói: "Con ngựa của ông làm tôi nhớ câu thơ Lý Bạch. *Tuấn mã kiêu hùng đạp lạc hoa*.

Chỉ tiếc là vườn nhà tôi hoa rụng hết rồi".

Khách nói: "Tôi thì chỉ nhớ thơ của cô. *Một đèo, một đèo, lại một đèo...* Hôm nay tôi phải phi ngựa qua bốn cái đèo mới được gặp người làm ra câu thơ ấy".

Xuân Hương bảo: "Chết, chắc là ông chưa ăn tối?" Nàng lại mỉm lòng. Người ta bảo nàng sắc như dao mà nhẹ dạ. Nàng thương người chứ không nhẹ dạ. Nàng thừa biết đàn bà mà để người đời và lũ đàn ông háu đói biết tiếng thì cầm bằng chim trĩ đẹp ló đầu ra trước cánh cung và mỏ chim cắt. Ông này ở đâu mà thuộc thơ mình nhỉ? Thơ mình đi xa thế ư? Nàng sung sướng vì một con chim cắt đang liệng vòng trên đời nàng khen nàng. Nàng lại mỉm lòng rồi.

\*\*\*

Bên mâm cơm, ông khách chỉ chú mục vào đĩa trám muối, không phải thứ trám mỏng vỏ, chất ngọt của rừng Phú Thọ, Tuyên Quang mà là trám Nghệ. Nhân đó nàng kể cho khách, liễn trám muối này là của một thằng cháu họ Hồ ra kinh thi Đình biểu nàng. Một tháng trời lều chõng anh ta ăn trám muối, uống *trà trắng* và đậu tiến sĩ. Nàng trêu cháu: "Nếu mang cá gỗ theo chắc là anh đã đỗ Trạng Nguyên". Nó nói: "Bọn trọc phú nhờ vàng bạc cướp bóc hồi đánh Tây Sơn cho con cái học thêm từ ngày để chõm vậy mà cô xem, có đứa nào dính bảng đầu". Nàng nói: "Làm gì cũng phải có đức mới nên!" Thằng cháu, tội, người ta truy ra có bà con với tông tổ Tây Sơn, không được cất nhắc gì, ở nhà mở trường dạy học. Nó gửi ra cho nàng một bài thơ, có hai câu: "*Ngọc diệp nan tri hà xứ xuất. Công hầu hoan mộng nhượng kim chi*". Cái lá ngọc này khó mà biết ở đâu ra, thôi thì mộng công hầu vui vẻ xin nhường lại cho cành vàng. Ông thấy thơ của nó có đau đớn không. Ông khách ăn thêm một quả trám nữa, nói: "Tôi không làm nổi một câu thơ nhưng tôi biết thơ hay. Thơ có đau đớn mới hay, phải không nữ sĩ?"



Lần đầu tiên Cổ Nguyệt Đường tiếp một người không biết ghép vần. Điều này làm nàng thích thú. Những tay xuất khẩu thành thơ thường không *ong non dê cỏn* thì cũng phờng quan lại ẩn ức vì vợ phải vợ xấu vợ già, bị thất sủng. Tâm địa họ thường xấu xa mà lại giả dối. Tâm thế ấy mà ra thơ thì sợ lắm. Thăng Long này được mấy người tài?

Nàng đã chán chuyện thơ, nói: "Chỉ thương thằng cháu, nên danh ông Nghè mà chẳng nên cơm cháo gì!"

Khách bảo: "Cô còn nhớ chuyện đánh đòn bọn Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích ở Văn Miếu? *Thời đã thế, thế thời phải thế...* Ăn may là chuyện thành phần".

Nàng bảo: "Kẻ sĩ như hai ông ấy được mấy người. Nọc trí thức ra mà đánh thì thất đức quá, e hậu vận không hay".

Khách cười ha hả: "Chẳng thà đánh đòn hay cho một nhát cuốc còn hơn là đối xử lịch sự mà không cho người ta làm kẻ sĩ. Đức Thế Tổ làm thế là sòng phẳng".

Nàng thấy khách nói có lý bảo *phải*, tiếp: "Đặng Trần Thường rồi cũng lên giáo đài, nhưng Phan Huy Ích thì trường tồn vĩnh viễn vì vẫn được làm kẻ sĩ. Tôi không bao giờ bảo ông ấy hèn".

Khách nghiêm mặt: "Chính trị là thứ không muốn làm thì đừng nói tới. Tôi đến đây là để gặp người tài và nghe thơ. Tôi không nói chuyện chính trị".

Nàng nói: "Thiên hạ bảo thơ tôi là dâm thi, không bị đánh đòn là may, ông nghe làm gì?"

Khách trầm ngâm: "Tôi không bảo thế. Cơ thể con người đều của Tạo Hóa, chẳng có bộ phận nào sang hèn thanh tục. Gặp *thiếu nữ ngủ ngày* thì thiên tử cũng dùng dằng hướng gì quân tử".

Đến lượt nàng: "Còn ông?"

Khách cười, Xuân Hương ít thấy ai cười chân thật mà dễ mến như thế với nàng: "Tôi là kẻ thất phu đi kiếm cơm, tôi cũng thèm lắm, nhưng dùng dằng thì chết đói".

Nàng im lặng một lúc rồi nhìn thẳng vào người đàn ông ngồi trước mặt, hỏi:

"Nhưng ông là ai?"

Khách đáp: "Tôi là Trần Phúc Hiển, Hiệp trấn Quảng Yên".

Nàng đổi giọng: "Thưa quan Hiệp Trấn, xin cảm ơn Ngài. Hôm nay Ngài đến đây có gì chỉ giáo cho kẻ hèn mọn này?"

Khách nói: "Tôi thì chỉ giáo cho ai? Mà cô cũng đừng khách sáo. Cha tôi đã dùng kiếm hạ mười hai thành dưng Nguyễn Vương, vậy mà không gạt kịp một mũi tên phản phúc xuyên qua cổ. *Nợ áo cơm thế là phải trả đến hình骸*. Tôi thì bắt nạt và ăn chặn bọn khổ rách. Nợ áo cơm phải trả đến nhân cách. Tôi chỉ giáo cho ai?"

Trước nay thường có ông Hiệp Trấn Sơn Nam thượng Trần Ngọc Quán, Hiệp Trấn Sơn Nam hạ Trần Quang Tĩnh đến Cổ Nguyệt Đường xin thơ và nghe thơ. Họ thường bị bạn bè văn chương của nàng khinh như rác. Khinh và ghen nữa. Nhưng có thể coi khinh được ông Hiệp Trấn Quảng Yên này chăng? Con ghen thì... nàng chẳng còn ai để ghen với ông ta nữa. Những người yêu nàng đều thề thốt rồi đều bỏ nàng đi làm quan tân triều, kể cả người nàng quý trọng nhất, yên mến nhất, tài ba nhất: Nguyễn.

Nàng cúi đầu tránh cái nhìn như thiêu đốt của người đàn ông ngồi đối diện, chạnh nhớ tới Nguyễn, mối tình sâu sắc nhất đời nàng. Chàng cũng mê thơ nàng, cũng nói với nàng những lời chân thật, nhưng nàng đã không giữ được chàng trước quyền rũ của thời tao loạn. Đàn ông là thế. Chàng có những giấc mộng của riêng mình. chàng có một hồn thơ mà nàng hiểu nhưng không sánh ngang được, với tới được. Nguyễn tìm nàng một lần khi nàng đã lấy chồng, lâu lắm rồi, nghe nói đó là ngày chàng đoạn tuyệt với mộng trung quân, về Hồng Lĩnh. Tưởng thế nào, chàng lại đi thờ một ông vua khác. Hay chỉ vì đàn thú săn núi Hồng và đất cát Nghi Xuân không nuôi được chàng với đàn con nheo nhóc? Đàn ông là thế. Họ chung tình với vua mà bỏ rơi đàn bà, bỏ rơi thơ. Vua đâu có làm họ sung sướng như đàn bà? Vua đâu có làm họ cao cả như thơ? Đó là điều ngu xuẩn nhất của lũ đàn ông mà nàng không hiểu nổi. Bây giờ thì... tất cả đã thành xa vắng. Nàng khóc.

U già dọn dẹp mâm cơm từ lúc nào, đặt lên bàn một nậm rượu nếp cẩm. U đã có kinh nghiệm nhiều năm. Khách thơ thì phải có rượu. Nhưng u thường không có họ uống rượu nào khác ngoài thứ rượu cẩm nhạt phèo. U vẫn muốn giữ cái hũ rượu tiết hạnh mà trên đời này có lẽ chỉ

mình u nhận ra ở nàng. Nhưng hôm nay u đã không biết được những gì đang làm Xuân Hương xao xuyến. U cũng không hay người đối ẩm với nàng chẳng phải khách thơ, còn hơn thế, chưa từng làm một bài thơ. Ông nhấp chén rượu cầm, đặt xuống liền, nói: "Để xin hầu cô thứ rượu này!" Rồi lấy trong tay nải ra một cái chai nhỏ đựng thứ rượu hồi vàng sánh.

U già bảo: "Cô tôi không uống thứ nào khác rượu nhà".

Xuân Hương nói: "U để khách tự nhiên".

Nàng muốn được say. Từ lâu rồi nàng không được say. Không còn ai đáng mặt làm nàng say. Nàng muốn say khi danh tiếng đang lên chót đỉnh nhưng thể xác nàng đã có dấu hiệu tàn tạ. Và nàng tự biết mình đã già.

Nàng uống với quan Hiệp Trấn đến khuya. Mỡ báo canh hai gióng lên từ phía thành nội mới tiễn khách ra về. Tỉnh rượu nàng nhận ra cái giải yếm của mình bị đứt.

\*\*\*

Quan Hiệp Trấn Quảng Yên không trở lại một mình. Cùng đi với ông có viên tri huyện Thọ Xương Bùi Thế Mẫn và chú tiểu đồng đã quá quen đường đi lối lại Cổ Nguyệt Đường. Xuân Hương tự tay mở cổng đón khách. Bùi Thế Mẫn đơn đả như xưa ông vẫn thế với nàng: "Hôm qua ngày nguyệt ky, nhưng hôm nay đã rằm. Chúng tôi xin đến hầu rượu bà cô đây". Bà cô, những người thân thiết nhất thường xưng hô với nàng như thế.

Đêm ấy chỉ có một chén rượu được rót ra. Đón chén rượu ấy trên tay quan Hiệp Trấn Trần Phúc Hiển, Xuân Hương nhận lời lấy lễ ông ta, một người không biết làm thơ nhưng đã làm nàng xúc động. Người rơi nước mắt đầu tiên đêm ấy là u già...

## Phường săn Nguyễn Quang Thân

*Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán  
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên*  
(Nguyễn Du)

Đàn chó sủa vang đầu ngõ, mỗi con một phách. Nguyễn bưng tỉnh, ngẩn ngơ tiếc một giấc mơ. Chàng mơ thấy gì? chàng đang ân ái. Không phải với vợ, cũng chẳng phải với người cũ Thăng Long. Mà với chất Điêu, cô gái hát phường vải mới quen vài hôm trước. Chất Điêu kéo chàng đi, những đống rạ lù lù trên cánh đồng. Cô nàng rút rạ trải xuống đất, nằm xuống. ánh sao mờ tỏ, sương lạnh thấm qua đôi giày nhưng sồn của Nguyễn. Chàng ớn lạnh nhưng trước mặt chàng là cô gái đang nằm trên rạ vừa trải xuống đất, cái váy lụa đen nhánh tóc lên hờ hênh dưới ánh sao. Nguyễn không được. Cách đây ba hôm chàng đi sau chất Điêu, đã ngấm dáng đi ngoe nguẩy và bí ẩn của cô gái, đã tưởng tượng và thèm và khát. Chàng ngồi xuống đống rạ, cởi giày. Ba mươi lăm tuổi, gầy yếu vì thiếu ăn nhưng chàng đâu đã già. Đó là lần đầu tiên chàng buông thả. Ai chẳng buông thả sau mười năm ba đào làm lạc? Mười năm khư khư lòng trung với một ông vua hèn đớn chịu nhận một chức tam phẩm của vua Tàu? Chàng đánh mất mười năm trẻ trung đời mình. Chàng phải lấy lại.

Nhưng cái can đảm buông mình đầu tiên ấy cũng chỉ là một giấc mơ mà thôi. Chàng vừa tiếc vừa mừng vì may chỉ là một giấc mơ và mệt rã rời. Nguyễn đỏ mặt xấu hổ. Cái máu đa tình thì họ Nguyễn nhà chàng ai cũng có. Nhưng với ai kia, chứ chất Điêu thì... Dù chàng đã thèm, đã muốn cô ta, muốn được ngủ với cô ta không phải một lần. Nhưng thôi, soạn sửa đi với phường săn cái đã! Đàn chó đang giục. Chúng nặng xì cắn nhau chí chóe. Cứ ba con chó là có chuyện

cắn nhau - chàng nhận xét - cũng như hai thằng đàn ông đang yên lành mà có một người đàn bà xuất hiện là y như họ đánh nhau.

Đội Nguyễn ở ngoài ngõ tre là ba người đàn ông trong phường săn Hồng Lĩnh. Cháu Hối, nghĩa Hợp và chất Khôn. Ba người ba tuổi nhưng đều lực lưỡng, da đen bóng, tóc đen bóng búi thành cục như nắm đấm. Trước đây cả ba đều là con cháu tá điền mấy đời của cha và ông chàng. Cháu Hối là con u dĩ, người bông bé và chăm bẵm chàng hồi trứng nước. Còn nghĩa Hợp là con trai một ca kỹ được cha chàng tha từ Thăng Long về rồi gian díu sao đó mà đẻ ra Hợp. Tụ Nguyễn cũng thấy anh ta hơi giống mình nhưng cả hai không nhận anh em. Hợp làm con nuôi của ông phó Đại. Còn chất Khôn ? Anh ta có dòng máu thuần khiết nhất của một gia đình người Lào sống trên mái phía đông dãy Giăng Màn. Giữa trận lũ to, người làng vớt được anh ta trong một cái thúng, tám tuổi, chưa biết nói tiếng Kinh. Cháu Hối và nghĩa Hợp mang súng kíp. Chất Khôn cầm tay một cái nỏ. Bầy con chó đủ màu đen vện vàng vây quanh sủa nhức cả óc.

“Ông cậu! Trưa trật rồi, có đi không thì bảo anh em.” Cháu Hối nói. Khi Nguyễn về làng, mọi người thấy rất khó xưng hô với chàng. Trước đây chàng là một ông quan võ, chức nhỏ thôi nhưng cũng là quan, về làng người ta gọi chàng là “ông cậu”. Thân phận chàng vẫn le lói chút hào quang của một danh gia vọng tộc hết thời. Nguyễn xách ra một ngọn giáo, hỏi : “Mang cái này, được chưa ?”. Nghĩa Hợp đưa tay vuốt cái lưỡi giáo sắc lẹm rồi nhanh như chớp phóng cái vèo. Ngọn giáo xuyên suốt cây chuối cạnh ngõ, cán run bần bật. “Được!” anh ta nói.” Chừ vô tròng Hút sẵn nai. Chất Huề bảo có một đàn tám con nai hương mới về.” Y xăm xăm bước lên trước.

Vốn ít nói, Nguyễn làm lũi đi sau ba tay phường săn. Họ qua ngôi nhà có dãy cột đá của ông anh thích xa hoa Nguyễn Khản, từng là Hiệp Trấn Sơn Tây. Ông bỏ tiền ra dựng nhà này ở quê, vừa ở, vừa để thờ, ông chưa ở ngày nào, nay hoang phế. Thật ra Nguyễn có quyền sửa dọn lại rồi đón vợ con ngoài Thái Bình về ở đó đến trọn đời. Nhưng chàng không muốn. Chàng không nghĩ là mình sẽ ôm ban thờ tổ tiên để chết ở đây. Núi Hồng, sông Lam, bến Giang Đình. Dù chàng chưa thấy ở đâu sông núi đẹp như quê nhà. Như là chàng về đây chỉ để săn nai, săn lợn lòi. Chàng cùng phường săn tìm giết chúng, ăn thịt chúng. ở Bắc chàng bôn ba dựng lại triều Lê, xung khắc chí hướng với ông anh vợ vẫn bao dung chàng và vợ con, vào Nam đi tìm Chúa mới, không đội trời chung với nguy triều, rút cuộc tưởng rục xương trong ngục Tây Sơn. Mọi ngã đều là ngõ cụt. Như con nai bị dồn vào vách núi, chàng về quê tìm chốn nương thân, sống nhờ vào chút tô tức mấy mẫu đất cha ông để lại, đợi thời. Vậy mà trong thơ, chàng lại viết mình về quê để “*làm bạn với hươu nai, giả khướt!*” Thực ra mộng gác vàng chưa hết vấn vương. Thơ với phú! Chỉ là thơ của một anh bất mãn! Tranh nhau làm đầy tớ vua mà không được làm thì quay ra chửi đời, rồi ghép vần mua vui. Nguyễn chua chát cười một mình. Người làng lạ về cái cười ấy, tưởng chàng điên. Không ai cười mỉm một mình như chàng.

Từng thi Tam trường, từng làm quan võ, Nguyễn không ngán ai trong phường săn. Họ cũng vì nể cốt cách của chàng. Chỉ có nghĩa Hợp thường bỗ bã quát tháo chàng lóng ngóng khi chàng sơ ý làm sổng mất con nai hay con lợn lòi. Y ngầm bảo : tớ hơn chú hai tuổi, tớ cũng từ cái sinh thực khí của ông tổ tướng họ Nguyễn nhà ta mà ra. Vậy mà tớ mang phận chó mực! “Hãy! đi săn mà chậm như rận bò mu l..rứa!” Y quát ông quan võ thất thế như mắng đầy tớ. Nguyễn mỉm cười cam chịu. Trong thâm tâm chàng tin những lời đồn và thông cảm với cái uất ức của giọt máu rơi ấy. Bề ngoài, Hợp rất giống chàng, giống cả quan Hiệp Trấn Nguyễn Khản, nghĩa là rất giống các ông anh. Ông anh cả Hiệp Trấn cũng chỉ lo cho chú em lạc đàn chức *nghĩa* để khỏi đi phu. Anh *nghĩa* chỉ nhìn hơn anh *nhieu* ở chỗ được làng chia thêm một miếng mòng gà. Nhưng cả cái ân huệ mặt hạng ấy Hợp cũng không được hưởng. Tây Sơn coi chức sắc Lê triều như mớ giẻ lau, bắt lính bắt phu tuốt. Đã ba lần Hợp đi phu tải gạo qua đèo Ngang tiếp lương cho quân lính Trần Quang Diệu vừa bỏ thành Quy nhơn kéo quân ra. Y hút chết vì thương hàn, kiết lỵ và tên bay đạn lạc, ném đủ mọi điều tân khổ. Dưới mắt y số phận chàng còn may mắn chán. Y bất mãn, quát tháo chàng cho bõ hận đời.

Chốc lát phùng sẵn đã mất hút vào đại ngàn núi Hồng. Họ dùng chân suối Ma, một trảng cỏ gianh và rừng chuối. Hoa chuối đỏ như đuốc trên nền xanh lá cây. Nghĩa Hợp đi sau đàn chó, xua chúng sục sạo dưới lòng khe, dồn bày thú chạy thực mạng vào các ngã đường mòn cho ba tay giáo đón lõng. Y dẫn chàng tới một mái núi có con đường mòn đầy vết chân nai, bảo : “Ông cậu đứng đây. Có con nào chạy qua thì lia một nhát cho nó ngọt như hồi sáng tui phóng vào cây chuối. Đi sẵn không như múa võ mô!”. Rồi bỏ đi. Đứa con hoang vừa đi phu về ăn nói với chàng như thế đó. Tại sao cha mình không nhận y? Lần đầu Nguyễn đặt câu hỏi ấy. Cha có ba người vợ, hai mươi mốt đứa con. Nhận thêm một đứa nữa thì ăn nhằm gì. Hồi đó cha được vời làm tể tướng, dân làng mở hội ba ngày ăn mừng cha từ Thăng Long về. Cha sợ mất uy tín vì đã làm một con hát phển bụng. Cha muốn làm thành hoàng. Cha muốn hiển thánh. Than ôi, khổ thay cho cái thói đa tình của vĩ nhân. Hình như Hồ xuân Hương có lần nói với mình thế. Chắc hẳn đó là chiêm nghiệm của một đời tài bạc mệnh.

Nàng đang ở đâu ?

Xa vắng, hăng hực. Nguyễn thấy nhói trong lồng ngực. Ông bạn vong niên Huyền Hư Tử bảo chàng có hỏa nhập tim. Vốn là ngự y, khi biết mấy thứ cam thảo quế chi không chữa nổi bệnh trầm kha thời đại, trên đường sang Tàu ông vờ đi ỉa rồi bỏ trốn khỏi đoàn người “muôn dặm tông vong” của Lê tự hoàng. Ông về quê gọt đầu đi tu tại ngôi chùa lợp cỏ do cha chàng dựng lên ở lưng chừng núi Hồng Lĩnh. Tự chàng cũng thấy trong ngực mình thường vẫn có một ngọn lửa đang cháy, không biết ngọn lửa ấy là cái gì mà hành hạ chàng như lửa hỏa ngục.

Nguyễn chờ nghĩa Hợp đi khuất sau đám rừng dổi. Chàng không cầm giáo đợi thú như y bảo mà ngồi bệt xuống cỏ. Chàng đói. Sáng ra chỉ mới kịp ăn một củ khoai chiêu với chè xanh. Ruột chàng nôn nao. Nhưng không phải chỉ vì đói. Chàng đã quen đói rét mười năm. Ngày mới về Hồng Lĩnh ăn thịt nai, chàng đi té re một trận tưởng chết, phải cáng lên chùa xin thuốc Huyền Hư. Ông bạn bảo: “Cái nhục hình Trời Phật trừng phạt bọn trọc phú và quan tham là bắt ăn uống như heo và xuất tinh vô tội vạ. Xa vợ, mất chức và đói là ba thang thuốc trường sinh của chú. Nhờ thế mà chú bết tinh, dưỡng khí và tồn thần.” Chàng ngồi xuống vì cỏ dưới chân mời mọc, cỏ tranh cháy trong vụ gió Nam tháng bảy đang đâm chồi lên từ tro than, màu xanh rợn sùng núi. Sau này chàng sẽ viết *cổ non xanh rợn chân trời*, thực ra cái quê Hà Tĩnh bốn bề núi của chàng đâu có chân trời ? Từ khắp nơi chỉ thấy dãy Giăng Màn xanh ngắt, bên kia là một xứ Lào bí ẩn. Cái chân trời này ở đâu ra? Văn chương hữu hạn là thế.

Những lá cỏ bị chàng dẫm nát dưới chân thơm hắc. Cách dẫm nước bước là con đường mòn. Đáng ra thì chàng phải nghe lời Nghĩa Hợp, nấp sau đám cây giẻ kia, thu mình lại như một con báo nham hiểm chờ bày nai chạy qua. Rồi lia một mũi giáo thật ngọt. Nhưng dưới chân chàng là cỏ. Chàng không nỡ. Cỏ hiền lành, thấp mà không hèn, không ty tiện. Chàng nhớ những bãi bồi bên sông Luộc, sông Trà Lý, bến đò Tịnh Thủy mấy lần giặc giã đốt phá, phiên chợ chiều xơ xác, gương mặt người đàn bà nổi gân xanh nhìn chàng mời mua mấy bắp ngô. Chàng ghen không trả lời. Chàng đang đói và chẳng đủ tiền mua mấy cái bắp ngô kia. Từ hôm đó chàng quen vợ chồng ông tú Sinh Từ. Nhưng cuộc giao du với đám người khoa cử không làm chàng cao cả lên chút nào. Chàng nhìn rõ bản thân mình hơn mà thôi. Vì chàng cũng chính là họ, chàng còn *nòi* hơn họ nữa. Họ muốn gì, những kẻ trói gà không nổi ấy ? Họ muốn *người khác* làm hộ tất cả những gì họ nghĩ ra trong đầu. Mà đầu họ thì thiên kinh vạn quyển, nhất dạ bách kế. Họ muốn dựng lại cả một triều vua mà không xa nổi cái tráp đựng mấy quyển sách nát. Họ tán dương mỹ nhân, sang sảng ngẫm *tương tư hoàng điệp lạc* của Lý Bạch mà không dám cất hộ cái váy đụp của vợ lúc trời mưa. Người được mùi đĩnh chung, dù chỉ mới thoang thoang trong không khí là họ hướng mũi tới liền. Tóm lại là họ hèn. Nhờ giao du với họ mà chàng thấy được mình chẳng khác gì họ mấy. Mấy ai dám ngồi chơi với cỏ.

Và bây giờ chàng đang ngồi trên cỏ. Dưới xa một chiếc xe trạm chạy trên đường thiên lý về phía Đèo Ngang. Một đoàn binh lính giáo mác tua tủa đi sau mấy con ngựa chiến có người cưỡi. Họ đi đâu? Lính Tây Sơn từ thành Nghệ an vào hội sư với quân Trần Quang Diệu? Một

triều đại ngăn ngừa sắp đổ nát. Nhưng con người đi giết và để bị giết. Chẳng bao giờ biết được mình chỉ là đám quân cờ trong tay một kỳ thủ nát rượu và ngủ gục vì sắp thua. Cái khác là những quân cờ này biết ăn và cần ăn, cần mặc. Họ đi lính vì ở nhà thì chết đói, khác hẳn với hàng vạn tay gươm tụ tập dưới cờ cái ngày Nguyễn Huệ dừng lại chân thành Nghệ An trên đường ra Bắc đánh đuổi Tôn Sĩ Nghị và Lê tự hoàng. Hồi đó chàng đang trôi giạt ở Hưng Yên, Thái Bình, nôn nao với khí thế nuốt Ngưu Đẩu đang dâng trên đất Nghệ, dòng máu võ quan kinh bang tế thế ạo rục trong tim. Chàng muốn rút gươm ra khỏi vỏ. Muốn giết giặc hoặc sẽ bị giặc giết. Nhưng chàng không thể. Không thể chống lại Tự Hoàng dù ơn vua lộc nước chỉ là một cái tú tài chưa xong! Chàng xin âm dương trước ban thờ cha. Cả ba lần hai đồng tiền đều nói với chàng : “Không!” Đó là một mệnh lệnh dứt khoát từ nghĩa trung quân chảy trong huyết quản dòng họ Nguyễn của chàng? Hay là do hèn nhát ? Hay là vì thơ đã nuốt mất đời chàng cùng với cây kiếm ? Chàng đã không làm như Ngô Thời Nhiệm, như Phan Huy ích. Và hôm nay chàng đang ngồi với cỏ.

Trong đám chuối rừng dưới khe sâu tiếng Nghĩa Hợp sục sục âm ĩ man dại. Bầy chó sủa gât. Chùng như có lợn lòi. Chắc là lợn vì nếu nai thì chúng đã vọt lên từ lâu. Nai đẹp, thịt ngon nhưng không gan lỳ như lợn. Bọn thợ săn bảo chim với thú đẹp thì nhát. Chúng biết giữ tấm thân đáng giá ngàn vàng, đẹp và tài là sẽ khôn nạn vì tai ương. Lợn lòi thì khác, ranh ma, hung dữ, bị chó dồn chúng không bỏ chạy thực mạng mà cố tìm cách xông ngược trở lại, nếu cần thì xé xác cả thợ săn. Bỏ chất Hối bị một con lợn độc tợn nát bắp chân mất máu mà chết. Chúng biết tổng mưu mô của lũ người. Nghĩa Hợp đang xua chó cố dồn con lợn vọt qua những nơi có Nguyễn và bọn Chắt Khôn đón lõng. Thịnh thoảng y rú lên trong cơn say máu. Tiếng lợn hộc trong lòng khe. Nguyễn ngồi dậy, đến nấp sau cây *săng lẻ*. Chàng nghe tim đập mạnh, cố bình tĩnh vượt đi vượt lại cái lưới mác lạnh và sắc. Tiếng người lẫn tiếng thú đã đến gần nguồn suối. Nguyễn đứng né bên con đường mòn, không được đổi mặt con thú. Chàng sẵn sàng trong một thế võ để kịp phóng lưới mác trúng họng con thú vọt qua. Cho đến khi con lợn và chàng, một trong hai sẽ chết.

Nhưng tiếng chó xa dần. Con lợn đã vòng qua ngã khác hay lợn trở lại chân núi để thoát ra trăng cỏ ? Nguyễn thờ phào. Thực ra chàng không sợ nhưng thật bất đắc dĩ phải rời miếng cỏ tranh non và những suy tư đang làm chàng thích thú. Chàng cảm phập phồng giáo xuống đất. “ Em chào ông! “. Nguyễn quay đầu. Chắt Điu đang đội một bó củi khô, những thanh củi *loong* cháy nham nhở. Mặt Chắt Điu nhem nhuốc tro than dưới cái khăn mỏ quạ nâu sồng. “ O đi lấy củi xa rứa ? ” - Nguyễn nói, tự thấy cái giọng Nghệ của mình nó trọ trọ, nó miễn cưỡng thế nào. Xa quê đã lâu, giọng chàng không nặng như người ta. Chàng đỏ mặt nhớ lại giấc mơ ái ân lúc tảng sáng.

Chắt Điu đặt bó củi xuống đất, ngồi lên, cởi khăn lau mồ hôi mặt. Nguyễn buồn cười thấy mặt cô nhem nhuốc hơn. Nhem nhuốc nhưng vẫn đẹp. Tự nhiên chàng hết thèm muốn, thay vào đó là một tình cảm hoàn toàn khác. Chàng lại đỏ mặt, giấc mơ vẫn không buông tha chàng.

“ Bao giờ lại có đêm hát nữa, ông cậu?” - cô gái hỏi.

“ Tôi cũng không biết. Bữa gặp o ở đám phường vài tôi tưởng o là con nhà quan.” Nguyễn bảo. “ Ông cậu thì có!” - Chắt Điu nguyền một cái dài. “ Em đi củi bán lấy tiền đong gạo. Răng mà em được sung sướng như ông cậu.”

Nguyễn nhớ lại những ngày ở Thái Bình, cả nhà ông tú Sinh Từ và chàng châu đầu quanh nồi cháo rau má. Bát cháo nóng húp quanh, mùi rau má tháng giêng thơm nồng. Lúc đó chàng ăn không ngon, nghĩ đến lũ trẻ ở nhà. Chàng lên ông bà tú vay tiền, cả nhà không còn gì ăn. Không ngờ ông Tú cũng đói. Cái hèn kém của kẻ sĩ là hết gạo thì chạy rong, không dám vô rừng như chắt Điu! Không phải lần đầu chàng thấy mình thảm hại. Không phải lần đầu. Nhưng chàng đang mũi lòng nghĩ tới lúc cô gái mảnh dẻ, có giọng hát quuyến rũ còng lưng dưới bó củi. “ Mẹ em mù, ông biết không, cứ vài ngày nhà em ăn hết hai gánh củi.”

Mình phải quỳ xuống lạy cô ta mới phải - Nguyễn nghĩ thầm - Chàng nghĩ tới ông vua đang chầu chực xin ăn bên Tàu. Vậy mà, lần đó theo cha vào cung, mình đã quỳ lạy trước ông ấy!

Mình đã mất mười năm vì cái gì ? Vì cái gì ? Chàng lại nhớ tới giấc mơ . Chàng muốn nói một lời sám hối, không sao gạt bỏ được sự xấu hổ vì đã có một giấc mơ bậy bạ đang giày vò chàng.

Tiếng chó, tiếng người la làm Nguyễn chợt tỉnh. Chàng chạy tới cây mác đang cắm trên đám cỏ cạnh gốc cây. Xẹt, âm ầm, tiếng học học như sấm rền. Một con lợn độc to bằng con bê từ lòng khe vọt lên. Nó cúi đầu phóng như bay rồi biến mất sau đám cỏ tranh cao quá đầu người trước khi chàng rút được ngọn giáo lên. Bầy chó vừa sủa vừa tràn qua. Chúng không để ý gì đến Nguyễn và cô gái, đuổi theo con lợn.

Cuối cùng là Nghĩa Hợp. Y mệt mỏi, mắt đỏ như máu, quần áo rách như xơ mướp, cây giáo dài cắm trong tay. Thấy Nguyễn nhìn mình về hồi lỗi như một chú lính không làm tròn phận sự trong quân ngũ, y đưa mắt nhìn khinh bỉ. Nhưng ngay lúc đó y nhìn thấy Chắt Điu. Nghĩa Hợp hét một tiếng rõ to, quát :

“ Tít mắt với gái, để sống mắt con lợn! Đờ...”

Rồi y phóng mũi giáo thẳng vào Nguyễn, như muốn ghim ông anh cùng cha khác mẹ vào gốc săng lê. Chắt Điu rú lên, ôm mặt. Nguyễn nằm rạp xuống đất tránh được.

Cụ cử Nguyễn Đình Mai nói đã đọc được một cuốn gia phả không phải của họ Nguyễn Tiên Điền có chép lại chuyện này, ghi rằng, *năm Nhâm Tuất tức Thế Tổ Gia Long nguyên niên Nguyễn Hầu suýt bị tổ phụ ta giết may mà thoát* chết. “Tổ phụ ta” nói ở đây tức là Nghĩa Hợp. Qua tuổi trưởng thành, có người bàn ông nhận họ Nguyễn nhưng ông nhất định không nghe. Ông tự đặt cho mình một họ riêng, ở làng Tiên Điền chưa hề có là họ Đoàn. Sau buổi săn hôm ấy ông nói với bố nuôi đi ăn hỏi Chắt Điu, rồi cưới vào tháng sáu, giữa mùa gió Lào. Con cháu đầy đàn, đời nọ nói đời kia, nay vẫn còn. Ông chết sau Nguyễn Du sáu năm, thời đó thì cũng gọi là thọ.

Đó là buổi săn cuối cùng của Nguyễn ở núi Hồng. Chàng rời phường săn vì cứ mỗi lần nhìn thấy cây giáo là mồ hôi vã trán. Chàng thường lui tới ngôi chùa của Huyền Hư Tử. Ba năm sau chàng vào kinh theo lệnh vời của vua Gia Long .

Cũng thật may, nếu không thì Truyện Kiều chỉ còn là những giọt máu đầu ngọn giáo.